GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM 1-10-2014 Phật lịch 2558

Số 210

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Phải lòng bông súng...

Tr. 58

Con đường của tự do

Tr. 18

Hội nghị Bất thường...

Tr. 8

TÔN NGÓI HOA SEN
Điểm tô ngôi nhà bạn

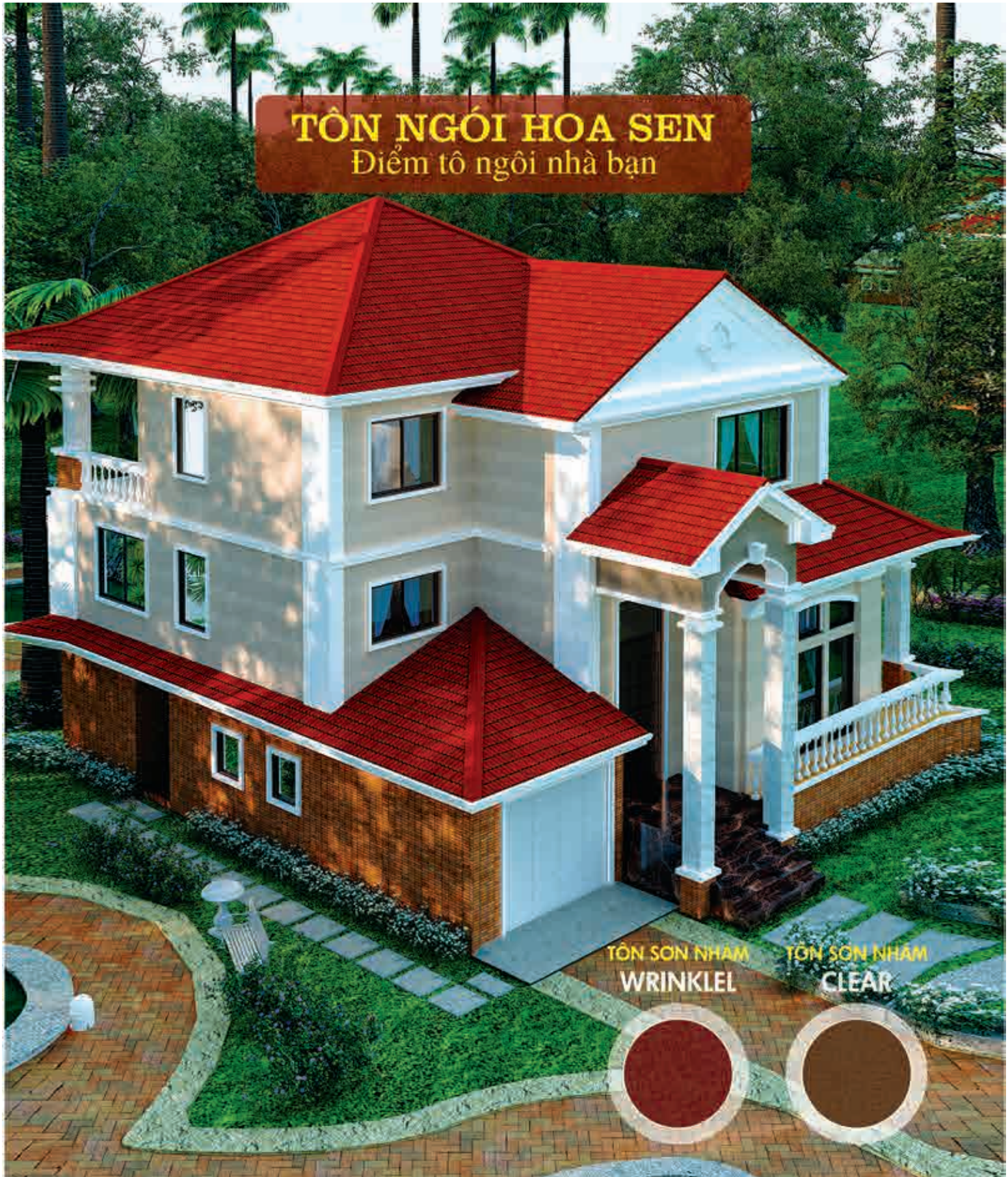

EUROMONEY
ASIA'S BEST MANAGED COMPANIES
2014

Vietnam Value

www.hoasengroup.vn

TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

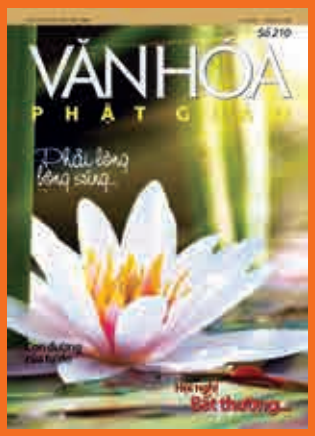

Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BỒNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DĐ: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DĐ: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhpg@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sương mai 3
Trách nhiệm và đạo đức công vụ *(Nguyên Cẩn)* 4
Hội nghị Bất thường và những điều bất thường *(Trần Tuấn Mẫn)* 8
Buồn cho Quốc Tử Giám Huế! *(Nguyễn Văn Toàn)* 9
Phát hiện sách Giải Tâm kinh Đại Điên của Thiền sư Minh Châu Hương Hải *(Thích Thông Đạo)* 12
Chút tin còn lại *(Nguyên Văn)* 15
Con đường của tự do *(Nguyễn Thế Đăng)* 18
Sớm muộn sẽ có nghiệp quả *(Tấn Nghĩa)* 20
Giám trai Bồ-tát *(Tân Ngoạn)* 24
Tôn giáo trên mạng *(Cao Huy Hóa)* 27
Lễ hội Phá Bàu trong đời sống của người S'Tiêng, Khmer ở Bình Phước *(Vũ Đình Tâm)* 30
Một kỹ thuật sắp ra đi? *(Trịnh Chu)* 34
Đi tìm lai lịch chiếc vạc đồng chùa Hội Thượng *(Trần Văn Dũng)* 36
Phật giáo và não bộ *(David Weisman, Trần Khiết Bách* dịch*)* 39
Ngày Nhà giáo Thế giới năm 2014 *(Phạm Chánh Cần)* 42
Lang thang trong chữ: Phương ngữ đủ độ thì hay *(Hồ Anh Thái)* 44
Làm gì trước tình trạng trẻ em chết đuối ngày càng tăng? *(Vân Anh)* 45
Anh Hai tôi *(Nguyễn Thị Sương)* 46
Ba sai rồi… *(Lê Quang Kết)* 47
Và anh là mẹ! *(Lê Hứa Huyền Trân)* 48
Về với hư không (Trương Văn Dân) 50
Thơ *(Lê Hòa, Nguyễn Dũng, Nguyễn Loan, Kim Hoa, Tường Linh, Trà Kim Long)* 52
Gió nội hương đồng *(Lý Thị Minh Châu)* 54
Nghe lời biển hát *(Lê Hải Đăng)* 56
Phải lòng bông súng quê hương *(Quyền Văn)* 58
Lời cảm ơn cuộc sống 59

Bìa 1: **Hoa súng trong hồ.** *Nguồn:* ***shutterstock.com***

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tính đến nay là đã mười năm kể từ khi Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo *được cấp Giấy phép Hoạt động Báo chí với tư cách một tạp chí Trung ương, trực thuộc Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Lẽ ra, tạp chí cũng có thể tổ chức một buổi lễ kỷ niệm đánh dấu mười năm thành lập. Tuy nhiên, trên thực tế, số báo đầu tiên ra mắt độc giả là số mùa Xuân năm 2005. Do vậy, chúng tôi sẽ tổ chức kỷ niệm mười năm hoạt động của* VHPG *vào dịp phát hành số báo Xuân Ất Mùi 2015.*

Cũng đang có một điều trở ngại cho hoạt động của Tạp chí VHPG. *Trong Hội nghị Bất thường Mở rộng của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức tại Văn phòng II Trung ương Giáo hội vào ngày 11-9-2014 vừa qua, bất ngờ, chúng tôi được thông báo phải đổi khuôn dấu của Tạp chí. Và theo những thông báo ấy, thì thay vì* VHPG *là một đơn vị được đặt dưới sự chủ quản trực tiếp của Hội đồng Trị sự của Giáo hội như trước đây và là một tạp chí Trung ương theo quy chế báo chí hiện hành, nay* VHPG *trở thành một đơn vị trực thuộc Ban Văn hóa Trung ương! Sự kiện bất thường này được chúng tôi trình bày trong bài viết "Hội nghị Bất thường và những điều bất thường" đăng ở trang 8. Đề nghị quý vị độc giả đọc kỹ và có ý kiến đóng góp.*

Cũng trong số này, chúng tôi xin giới thiệu với quý độc giả bài viết "Ngày Nhà giáo Thế giới năm 2014" trình bày một số hoạt động nhân ngày Nhà giáo Thế giới 5 tháng Mười do UNESCO tổ chức đã được hàng trăm quốc gia trên thế giới công nhận.

Như quý vị đã biết, ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng Mười Một dẫn xuất từ đề nghị của Liên hiệp Quốc tế các Công đoàn Giáo dục họp tại Ba Lan vào năm 1957, đề nghị lấy ngày 20-11-1958 làm ngày bắt đầu kỷ niệm Quốc tế Hiến chương các Nhà giáo; nhưng sau đó, ngoài Việt Nam, không một quốc gia nào đáp ứng đề nghị này. Có lẽ đây là điều chúng ta cần suy ngẫm, vì cho đến nay, chỉ riêng chúng ta còn tiếp tục lấy ngày 20 tháng Mười Một làm ngày Nhà giáo.

Kính chúc quý độc giả thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo

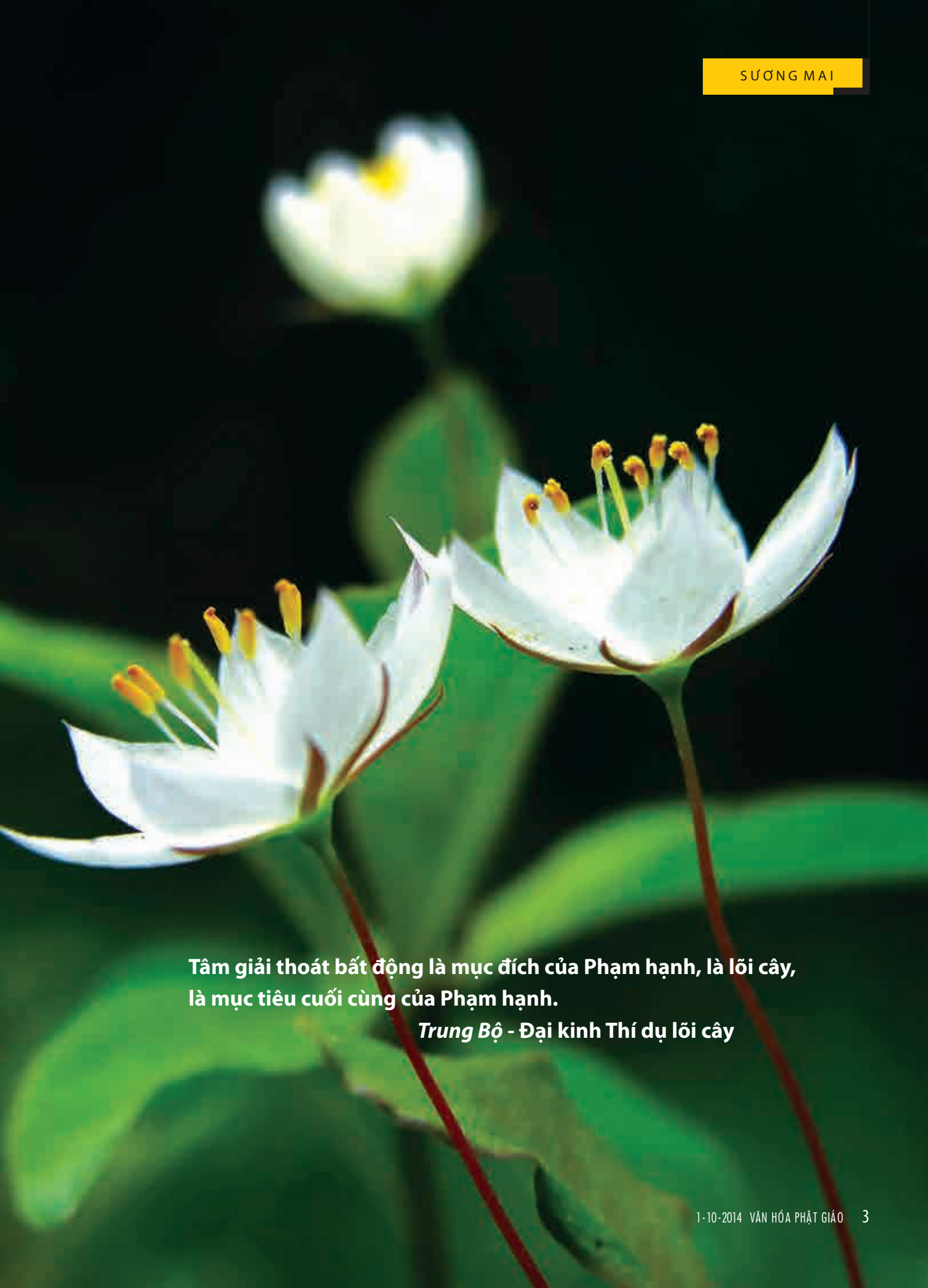

Tâm giải thoát bất động là mục đích của Phạm hạnh, là lõi cây, là mục tiêu cuối cùng của Phạm hạnh.

***Trung Bộ* - Đại kinh Thí dụ lõi cây**

Trách nhiệm và đạo đức công vụ

NGUYÊN CẨN

Bài toán chưa có lời giải: trách nhiệm công vụ

Chúng ta nghĩ gì khi đọc những tin bài như"Chiều 17-8-2014, cơn mưa lớn kèm giông mạnh khiến hàng loạt cây cổ thụ ở trung tâm TP.HCM bật gốc. Một gia đình đi xe máy đến giao lộ Nguyễn Bỉnh Khiêm-Nguyễn Thị Minh Khai bị cây đè trúng làm người vợ tử vong…"?

Ngày 7-9-2014, Công an phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cho biết thi thể bé Lê Văn Mạnh – sinh năm 2007, học lớp Hai Trường Tiểu học Tân Hiệp – đã được tìm thấy vào tối 6-9. Trước đó, khoảng 16 giờ 30 phút ngày 6-9, trong cơn mưa rất lớn, xe đưa đón học sinh chở Mạnh từ trường về nhà. Khi xe dừng trên đường DH 409, phường Tân Hiệp, Mạnh bước xuống rồi bị cuốn vào rãnh thoát nước dọc đường. Sau đó, Mạnh bị cuốn tiếp vào một ống cống rất lớn đặt ngầm, cắt ngang đường DH 409. Miệng cống thoát nước này hở, không có lưới chắn! Rồi đến em La Văn Tỷ cũng bị một ống cống khác ở thị xã Thuận An (Bình Dương) nuốt chửng trong chiều mưa đó!

Giải thích thế nào về những sự cố thương tâm như vậy? Ông Giám đốc Công ty Công viên Cây xanh nói: "Mưa to, gió lớn là chuyện không thể lường trước được, và tai nạn xảy ra là điều bất khả kháng. Trước mắt, chúng tôi xin được chia sẻ cùng với gia đình nạn nhân. Sau sẽ có những biện pháp khắc phục"(?).

Những chiếc cống tất nhiên, không có lỗi. Các nạn nhân cũng không có lỗi. Lỗi thuộc về người trực tiếp xây dựng, quản lý và sử dụng những công trình ấy. Nhìn miệng cống trên đường 22/12 (phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương), nơi em La Văn Tỷ mất tích, ai cũng rùng mình. Rộng và sâu như thế, mưa quá to và nước chảy rất xiết, người lớn dù có bơi giỏi đến mấy nếu chẳng may rơi xuống cống cũng chết chắc, nói gì trẻ em. Còn anh Vũ, cha bé Tỷ, khẳng định trước khi con mình chết, anh đã thấy nhiều người té xe vì những nắp cống trên đường 22/12 dịch chuyển khi ngập nước. Một phụ nữ bán tạp hóa gần chỗ Tỷ sụp cống nói: "Mấy cái nắp cống ở đây bị vậy lâu rồi. Mưa lớn một cái là trôi. Tạnh mưa, người ta lại khiêng nắp cống đậy lại cho ngay ngắn".

Cơ quan hữu quan tỉnh Bình Dương bước đầu đã đổ lỗi cho… ông trời: Vì mưa quá to nên nước ép mạnh, tấm đan bung ra, rời đi. "Tấm đan nặng mà, mình đâu nghĩ mưa lớn có thể đẩy tấm đan như vậy!". Cách lý giải kiểu như nói cho qua chuyện này của một quan chức hữu trách địa phương cộng với lời kể của người dân sở tại rằng mấy tấm đan trôi hoài, hễ mưa lớn là trôi, hết mưa người ta khiêng đậy lại… đã đủ nói lên địa chỉ phải chịu trách nhiệm trong vụ tai nạn thương tâm này!

Còn bao nhiêu tai nạn trước đó thì sao? Vẫn không ai chịu trách nhiệm? "Rạng sáng 1-1-2009, bé Ngô Hoàng Võ (SN 2003, "hành nghề" múa xiếc đường phố) trong lúc đi tìm anh mình đã lọt chân xuống cống thuộc một dự án đang thi công của công trình bờ kè Nhiêu Lộc - Thị Nghè (TP.HCM) và thiệt mạng. Ghi nhận hiện trường cho thấy miệng cống được đậy bằng ván sơ sài (!).

Tại sao nắp cống bê-tông khá nặng mà chỉ mới có mưa lớn đã bị cuốn; và đơn vị duy tu, bảo dưỡng tuyến đường có phát hiện để sửa chữa?

Đại diện Ủy ban Nhân dân thị xã Tân Uyên cho rằng trách nhiệm trực tiếp trong vụ tai nạn thuộc về tài xế của xe đưa rước học sinh (?). Về trách nhiệm của các đơn vị để cống thoát nước không có nắp đậy, ông Chủ tịch cho biết UBND thị xã chưa xem xét. Còn bao nhiêu câu hỏi tại sao nữa đặt ra khi người có thẩm quyền chưa hay không nhìn thấy đâu là trách nhiệm của mình?

Đạo đức công vụ: còn nhiều dấu hỏi

Trách nhiệm thật ra chỉ là phần ngọn. Nó không chỉ bao gồm năng lực, sự hiểu biết công việc mà còn là lương tâm chức nghiệp. Một vị quan, từ xưa đến nay, ăn lộc nước luôn phải cúc cung làm tròn trách nhiệm với muôn dân sao cho người người bình an, hạnh phúc. Nói đến năng lực, chính Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ngày 10-9 khi bàn về cải cách thủ tục hành chính, yêu cầu cần phải thay thế ngay những cán bộ công chức không đáp ứng yêu cầu, không làm được việc. Cụ thể, kiên quyết bãi bỏ, cắt giảm những thủ tục không cần thiết, không phù hợp, gây khó khăn, chậm trễ, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, chỉ giữ lại những

quy định, thủ tục để bảo vệ lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng xã hội; tuy nhiên, những quy định và thủ tục này phải thông thoáng, rõ ràng, công khai, minh bạch, dễ thực hiện. Quan trọng hơn, những người thực hiện phải là những công chức mẫn cán, có trách nhiệm và năng lực thực thi. Những kế hoạch, những quy định, những luật lệ dù cấp tiến đến đâu nhưng kẻ thực hiện cố ý trì trệ thì cũng không phát huy được.

Nhưng chúng ta vẫn còn băn khoăn phần gốc: đạo đức công vụ. Cách đây nhiều năm, đã có lần chúng tôi nêu lên vấn đề này nhân sự cố Vedan và Hào Dương gây ô nhiễm môi trường trầm trọng mà không có cơ quan quản lý nhà nước nào lên tiếng suốt nhiều năm liền. Đến nay tình hình nhìn chung vẫn không có chuyển biến bao nhiêu, nếu không muốn nói, nhiều mặt còn tệ hơn. Cụ thể như ngoài những vụ việc nêu trên, chúng ta thấy những công trình hạ tầng tiếp tục xuống cấp rất nhanh như xa lộ Hà Nội, đường cao tốc… tình trạng hành chính công cũng thế, không phải tự nhiên mà Thủ tướng phải yêu cầu dứt khoát như vậy, vì sự trì trệ là một lực cản rất lớn đối với sự phát triển đất nước. Những hiện tượng suy đồi đạo đức cán bộ gần đây qua vụ Ngô Văn Vinh, nguyên đại úy, công tác tại Trạm Cảnh sát Giao thông Suối Tre (Đồng Nai) đã bắn chết cấp trên của mình, thiếu tá Trần Ngọc Sơn, sau khi xích mích vì vài câu nói trong một quán karaoke.

(Vụ án do Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm ngày 26-8), hay cuộc ẩu đả ngày 12-8 giữa ông C. (Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bình Phước) và ông K. (Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ) tại nhà hàng karaoke Bóng Trăng (thị xã Đồng Xoài). Ông C, Phó Giám đốc Sở Nội vụ phải đi bệnh viện khâu vết thương do chảy máu ở vùng đầu… Còn bao nhiêu xích mích "nho nhỏ" kiểu như vậy trong xã hội chúng ta mà hầu hết người dân không biết? Chúng ta nghĩ gì về đạo đức của những "dân chi phụ mẫu" ấy? Dù theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, "Công chức chỉ là công bộc của dân thôi!". *"Công chức Việt Nam là những công dân giữ một nhiệm vụ trong bộ máy nhà nước của chính quyền nhân dân… Công chức Việt Nam phải đem tất cả sức lực và tâm trí, theo đúng đường lối của Chính phủ và nhằm lợi ích của nhân dân mà làm việc"*. (Sắc lệnh 76 ngày 20 tháng 5 1950). Điều 2 của Quy chế còn quy định: *"Công chức Việt Nam phải phục vụ nhân dân, trung thành với Chính phủ, tôn trọng kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm và tránh làm những việc có hại đến thanh danh công chức hay đến sự hoạt động của bộ máy nhà nước. Công chức Việt Nam phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư".*

Tưởng cũng nên nhắc lại lời Lê-nin, khi ông rút ra một bài học từ Công xã Paris *"… phòng ngừa không để cho các đại diện và các viên chức của nhà nước cách mạng từ chỗ là đầy tớ của xã hội cũ lại biến thành ông chủ của nhân dân"* (Tuyển tập, tập 2, phần 1). Hiến pháp sửa đổi năm 2014 cũng đã khẳng định lại *"Các cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền".*

Nhưng nhận định về đạo đức công vụ, có người nhận xét:

"Nhìn vào đội ngũ công chức bây giờ người ta thấy chứng chỉ, bằng cấp rất đầy đủ, thậm chí hoành tráng, tiến sĩ này, giáo sư nọ... Song, đó chỉ là những điều kiện 'cần', còn điều kiện đủ 'đạo đức công vụ' lại khó có thể đo lường thông qua bất kỳ một phương tiện nào ngoài việc nhận xét, đánh giá, bầu bán danh hiệu thi đua, mà thi đua như ngày nay là rất hình thức (Bộ trưởng Đinh La Thăng nói là rất xấu hổ về kết quả thi đua của ngành mình) thì đạo đức công vụ còn nhiều vấn đề (theo www.molang.com).

Căn nguyên, theo nhiều nhà nghiên cứu, là do nhận thức, do tư duy của cả một nền hành chính chưa thực sự chuyển biến từ một *"Nhà nước cai trị"* sang *"Nhà nước phục vụ"*, cho nên không ít cán bộ, công chức chưa nhận thức được rằng họ đang có trách nhiệm phục vụ nhân dân mà ngược lại, họ hành xử như "bề trên" ban phát những ân huệ cho nhân dân bằng quyền lực của mình. Có những người đang biến "quyền" thành "lợi" công khai hoặc kín đáo nhưng tựu trung họ biết vận dụng cái địa vị và sức mạnh chữ ký của mình hoặc của cấp trên mình. Điều đó giải thích tại sao thói quan liêu, cửa quyền còn đất sống. Dù có khi họ vẫn trích dẫn những câu Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *"Làm cán bộ tức là suốt đời làm đày tớ trung thành của nhân dân",* trong thực tế họ giải quyết công việc cho dân theo kiểu dựa theo quan hệ *cai trị,* nghĩa là không bình đẳng, thiếu tôn trọng. Người dân đi nộp thuế để nuôi công chức nhưng luôn phải đóng vai kẻ đi xin, còn đội ngũ cán bộ, công chức là người đi cho, ban phát những gì mà vốn không phải là của họ, vì họ không làm ra của cải cho xã hội nhưng lại có quyền yêu sách nộp nhiều hay ít tùy vào việc họ hiểu và vận dụng pháp luật.

Chúng ta không ngạc nhiên quyền và lợi luôn gắn bó nên sinh ra tình trạng chạy quyền, chạy chức, dẫn đến phe phái, mất đoàn kết vì tiêu chuẩn "nhất quan hệ, nhì tiền tệ, ba trí tuệ…".

Với một đội ngũ cán bộ có tư duy, nhận thức, hành động như vậy, thì làm sao Thủ tướng không phải ngỏ lời xin lỗi. Đấy là lời nói chân thành, song điều quan trọng là phải sửa lỗi sao cho hiệu quả (www.molang.com).

Vậy thì, giải pháp nào nhằm nâng cao đạo đức công vụ của cán bộ, công chức?

Giải pháp đầu tiên không gì hơn là thượng tôn pháp luật. Tất cả phải hành động, tuân thủ theo pháp luật. Đó là nền tảng giải quyết mọi khúc mắc, sự cố, không có sự nhân nhượng, mềm yếu, dung thứ ở đây. Đó cũng là cơ sở đánh giá chuẩn mực đạo đức, tư cách cán bộ. Nếu để xảy ra sự cố như cây đổ, sụt hố, đường lún… người lãnh đạo trực tiếp và cao nhất phải chịu trách nhiệm. Tiếc thay, chúng ta chưa thấy ai bị kỷ luật hay chưa thấy quan chức nào từ chức vì việc này…(!). Điều quan trọng là ở khả năng thực thi chứ có ban hành hàng trăm quy định, pháp lệnh như chúng ta đã có *Luật Cán bộ, công chức; Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*… nhưng không ai thi hành hay thi hành nửa vời thì cũng chẳng giải quyết được gì.

Tăng cường hệ thống *thanh tra công vụ* nhằm ngăn chặn tiêu cực, phát huy tích cực cũng là một việc cần làm.

Trong bài viết trước đây, chúng tôi cũng đã từng phân tích lý do các công chức không thực hiện hết trách nhiệm công vụ của mình vì (1) họ không dựa vào dân, từ đó ta thấy nhiều chính sách đền bù giải tỏa gây khiếu kiện đông người vì cán bộ tự ý giải quyết theo tư duy của mình hay theo "nhóm lợi ích" của mình; (2) họ lẫn lộn giữa vai trò công chức và quan chức, họ say sưa tìm quyền thế hơn là thực hiện đúng phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, họ tìm cách vừa lòng ai đó hơn là xử sự theo công tâm; và (3) họ thấy đạo đức công vụ là một khái niệm trừu tượng, không tuân thủ thì cũng chẳng sao. Tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng có lần đã viết *"… trí thức chỉ phát triển được khối óc, đạo đức mới thắp sáng con tim. Và không thắp sáng được con*

tim, chúng ta chỉ có các thư lại, chứ không có được các công bộc của nhân dân". Và cụ Nguyễn Trãi xưa kia cũng từng lên án bọn thư lại *"Chỉ vụ ích kỷ phì gia, chẳng nghĩ khổ dân hại nước"*. Vậy thì bao giờ mới thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính chí công vô tư? Chỉ có đạo đức mới thắp sáng trái tim. "Ái nhân" và "thân dân" là gốc soi đường cho mọi hành vi nhất là khi chính quyền đặt mình vào vai trò "đầy tớ của nhân dân". Cái gì có lợi cho dân thì làm, có hại cho dân thì không được làm. Đấy là tâm nguyện của kẻ trị dân muôn đời. Đức Phật hơn 2.500 năm trước đã dạy:

(66)

Vua mà làm phi pháp
Thân gần với kẻ ác
Thì cả ba thế giới (*)
Do vậy suy tổn cả
(67) *Vô số hiện tượng xấu*
Xuất hiện trong quốc gia
Toàn do thấy kẻ ác
Bỏ qua không trị, đuổi
Thế nên Người khuyên:

(81)

Thế nên phải đúng phép
Trị phạt những kẻ ác
Cải hóa bằng điều thiện
Chứ không theo phi pháp

(Kinh Ánh Sáng hoàng kim – Bản Việt dịch: HT.Thích Trí Quang)

Ngay cả chăn một đàn bò, người lãnh đạo cũng phải có những trách nhiệm và đạo đức nhất định.

Hãy nghe Đức Phật dạy:

1. Này các Tỳ-kheo, thành tựu với mười một chi phần, người chăn bò không có thể là người lãnh đạo bò và đưa đàn bò đến tăng trưởng. Thế nào là mười một?

2. Ở đây, này các Tỳ-kheo, người chăn bò không biết sắc, không thiện xảo trong tướng; không trừ khử trứng ruồi; không băng bó vết thương; không có xông khói; không biết chỗ nước có thể lội qua; không biết chỗ nước uống được; không biết đường; không thiện xảo chỗ bò có thể ăn, nặn sữa đến kiệt quệ; đối với các con bò đực, bậc cha đàn bò, bậc lãnh đạo đàn bò; không có đặc biệt kính trọng.

Thành tựu mười một chi phần này, người chăn bò không có thể lãnh đạo đàn bò và khiến đàn bò được tăng trưởng (Kinh 23, Người Chăn Bò, Tuyển tập *Trung Bộ*).

Huống chi chúng ta đang nói đến lãnh đạo con người. Như chúng ta thường nghe nhà nước là của dân, do dân và vì dân, nên những giá trị đạo đức nghề nghiệp phải nhằm phục vụ nhân dân. Chúng ta phải hiểu, phải nắm bắt những gì dân nghĩ, dân muốn, và làm những gì họ cần. Bất kỳ nhà nước nào cũng phải định ra những chuẩn mực đạo đức cho nền công vụ của mình. Nhưng có những nội dung chuẩn mực mà nhiều quốc gia sử dụng tương tự như nhau, dù tùy theo đặc điểm văn hóa, tâm lý xã hội… mỗi quốc gia lại có những chuẩn mực đạo đức đặc thù riêng trong nền công vụ của mình.

Tựu trung là đem lại sự bình an, lợi lạc và quan trọng nhất là hạnh phúc. Đó là cứu cánh của mọi chế độ xã hội dù Đông hay Tây, ngày xưa hay hôm nay. ■

Hội nghị Bất thường và những điều bất thường

TRẦN TUẤN MẪN

Hội nghị Bất thường mở rộng của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam họp vào sáng ngày 11-9-2014 vừa qua tại Văn phòng II Trung ương Giáo hội, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, TP.HCM có những điều bất thường.

Hội nghị Bất thường được ghi trong Hiến chương của Giáo hội chỉ khi vị Chủ tịch Hội đồng Trị sự viên tịch, cần có hội nghị này để suy cử một trong ba vị Phó Chủ tịch Thường trực giữ chức Quyền Chủ tịch, nhưng Hội nghị Bất thường mở rộng vừa qua lại có sự bất thường so với thông lệ hoặc Hiến chương.

1. Hội nghị được tổ chức quá chậm (sáu tháng sau khi Hòa thượng Chủ tịch viên tịch). Ý nghĩa bất thường được ghi trong Hiến chương là vì gấp rút, không thể chờ đến Hội nghị thường niên.

2. Đúng ra, trong Hội nghị Ban Thường trực họp hồi cuối tháng 6 vừa qua đã có thể suy cử vị Quyền Chủ tịch, thế mà đến 11-9-2014 mới tổ chức được Hội nghị Bất thường.

3. Hội nghị cũng đã suy cử một vị không phải là Phó Chủ tịch đương nhiệm làm Phó Chủ tịch Thường trực; theo thông lệ, vị này phải là đương nhiệm Phó Chủ tịch.

4. Hiến chương quy định chỉ suy cử các chức vụ quan trọng khi có sự khiếm khuyết (do viên tịch, do từ nhiệm, do kỷ luật…). Hội nghị này lại suy cử, đề cử thêm ba vị Phó Chủ tịch không thường trực, và các vị Phó Tổng Thư ký mới; trong khi trước đó, Hội đồng Trị sự đã có tới mười vị Phó Chủ tịch không thường trực, một con số quá nhiều.

5. Vị Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký thường là một vị ở phía Nam, nay lại suy cử một vị ở phía Bắc, cũng đã là điều bất thường so với thông lệ từ 33 năm qua kể từ khi Giáo hội được thành lập.

6. Hiến chương Giáo hội cũng không quy định về Hội nghị Bất thường mở rộng. Không hiểu vì sao Hội nghị Bất thường vừa qua lại thêm phần mở rộng, gồm hàng trăm đại biểu.

7. Ngoài việc suy cử Quyền Chủ tịch, việc tăng nhân sự lãnh đạo, về việc thay đổi toàn bộ các khuôn dấu của các ban, ngành, viện từ Trung ương đến địa phương thì đông đảo các thành viên ở phía Nam của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự và Văn phòng II hoàn toàn không hay biết lý do của chủ trương thay đổi. Bỗng dưng Hội nghị nói trên thông báo đổi khuôn dấu và đề nghị các cấp, các ban, ngành, viện của Giáo hội phải đem khuôn dấu cũ nộp cho Văn phòng II đổi lấy khuôn dấu mới. Xin dài dòng đôi chút vì sự việc này có ảnh hưởng, gây khó khăn cho Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*:

a. Theo thông báo, có 11 mẫu khuôn dấu mới với 21 bản chụp (minh họa cho hàng chục khuôn dấu). Qua đó, khuôn dấu của Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* có đường kính 32mm, vành ngoài ghi là Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Ban Văn hóa Trung ương. Trong khi đó, Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, Ban Quản lý Dự án Xây dựng Tượng đài Thánh Gióng… chẳng hạn, lại có khuôn dấu theo mẫu đường kính 34mm và vành ngoài ghi là Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Như vậy, mọi người đều hiểu là hai đơn vị có khuôn dấu theo mẫu này thuộc Trung ương và Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* thuộc cấp thấp, không phải là một tạp chí Trung ương.

b. Xin trình bày thêm cho rõ: Từ mười năm qua, kể từ khi được cấp giấy phép hoạt động, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* đã được công nhận là tạp chí Trung ương:

- Khuôn dấu đang dùng của Tạp chí có vành ngoài ghi là: Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Hội đồng Trị sự.

- Giấy phép Hoạt động Báo chí cấp cho Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* mang số 96/GP-BVHTT của Bộ Văn hóa Thông tin cấp ngày 13-10-2004 có ghi rõ: Tên cơ quan báo chí: Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*. Tên cơ quan chủ quản: Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- Giấy xác nhận đã đăng ký mẫu dấu của Tổng cục Cảnh sát Bộ Công an mang số 375/ĐKMD ngày 7-4-2005 ghi rõ: Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*.

- Điều 1 của Giấy phép Trú đóng cơ quan báo chí Trung ương và tỉnh thành khác tại TP.HCM số 11/GP.UB ngày 10-1-2005 có ghi rõ: Cấp Giấy phép Trú đóng và Hoạt động trên địa bàn TP.HCM cho cơ quan báo chí Trung ương theo nội dung sau:

Tên đơn vị: Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*.

Tên cơ quan chủ quản: Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

c. Nếu sử dụng khuôn dấu mới, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* phải mất đi vị trí tạp chí Trung ương của mình vốn được pháp lý công nhận. Mặt khác, sẽ rất khó khăn trong việc tiếp tục các hợp đồng in ấn, phát hành, các hoạt động khai thuế, khấu trừ thuế, các giao dịch ngân hàng… một thời gian khá lâu trước khi điều chỉnh.

Tóm lại, Hội nghị Bất thường mở rộng của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự vừa qua có lắm điều bất thường, khó hiểu. Chúng tôi, cũng như đông đảo chư Tăng Ni, Phật tử và chư độc giả, thân hữu của Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* mong được giải thích những điều bất thường này. ■

Buồn cho Quốc Tử Giám Huế!

Quốc Tử Giám Huế hiện nay

Bài & ảnh: **NGUYỄN VĂN TOÀN**

Quốc Tử Giám ở Huế là cơ quan quản lý giáo dục triều Nguyễn, và là học phủ tối cao của triều đại phong kiến cuối cùng này. Lúc bấy giờ, cả nước chỉ có một trường "đại học" ở kinh thành nên các nho sinh qui tụ về đây rất đông. Nhiều sĩ phu tài cao từ đầu thế kỷ thứ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX từng làm giàu học vấn tại học phủ này.

Lịch sử hình thành Quốc Tử Giám Huế

Tại Trung Quốc, Quốc Tử Giám đầu tiên xuất hiện sau thời nhà Tùy. Mỗi triều đại sau đó đều lập Quốc Tử Giám tại kinh đô của mình - Trường An, Lạc Dương, Khai Phong, Nam Kinh. Kể từ thời nhà Minh thì có tới hai Quốc Tử Giám: một ở Nam Kinh và một ở Bắc Kinh. Tại Việt Nam, Quốc Tử Giám đầu tiên được lập vào năm 1076 tại kinh thành Thăng Long vào thời vua Lý Nhân Tông. Ban đầu, trường chỉ dành riêng cho con vua và con các hoàng tộc, quý tộc và quan lại. Từ năm 1253, vua Trần Thái Tông cho mở rộng Quốc Tử Giám và thu nhận cả con cái các nhà thường dân có sức học xuất sắc.

Sau khi thống nhất đất nước (1802), vua Gia Long đã quyết định xây dựng kinh đô tại Huế, mở đầu cho triều đại phong kiến nhà Nguyễn. Tháng 8 năm 1803, tại địa phận An Ninh Thượng, huyện Hương Trà, cách kinh thành Huế chừng 5km về phía Tây (nay thuộc địa phận làng An Bình, giáp với làng Long Hồ Hạ, huyện Hương Trà), một trường học mang tính quốc gia đã được thành lập với tên gọi là Đốc học đường (hay Quốc học đường). Lúc bấy giờ, trong trường chỉ có một tòa nhà lớn chính giữa và hai dãy nhà ở hai bên dành cho quan Đốc học và hai quan phó Đốc học (người ta thường gọi là Giáp và Ất để phân biệt) sinh hoạt, giảng dạy. Nhu cầu đào tạo nhân tài ngày càng tăng về chất cũng như về lượng, một ngôi trường với quy mô đơn giản như ban đầu không đủ đáp ứng.

Tháng 3 năm 1820, vua Minh Mạng đổi tên trường thành Quốc Tử Giám và qui mô của trường được phát triển to lớn hơn. Vua Minh Mạng đã nói về việc này như sau: "Trường học là nơi các hiền tài ganh đua, nước nhà phần nhiều lấy nhân tài từ nơi ấy. Ngày xưa tiên đế lập nên trường Quốc Tử Giám, đặt ra các học quan, định ra phép tắc, muốn gây nên nhân tài để nước nhà dùng. Trẫm noi theo chí lớn của tiên đế muốn ra lệnh dựng nên nhà học, tăng thêm học viên, lập nhiều học bổng, mở rộng chương trình khiến học trò đều được thông tài để đợi khi lấy dụng". Năm 1821, Quốc Tử Giám được nâng cấp. Lúc

Khuôn viên Quốc Tử Giám Huế trở thành nơi trưng bày chứng tích chiến tranh thay vì là một địa chỉ văn hóa ở nội thành Huế

này quy mô của trường gồm: phía trước là Di luân đường năm gian hai chái; tiếp sau là Giảng đường bảy gian hai chái; hai nhà học bên trái phải đều ba gian hai chái. Bốn phía chung quanh xây tường bằng gạch, phía trước, sau đều mở một cửa. Vào tháng 7-1842, tức niên hiệu Thiệu Trị thứ hai, Trường Quốc Tử Giám bị sét đánh khiến hư hỏng trầm trọng nhưng sau đó đã được tu bổ lại.

Quốc Tử Giám Huế được xem là hoàn chỉnh nhất vào đầu niên hiệu Tự Đức. Trong suốt 36 năm, trường không ngừng được xây cất, chỉnh trang. Năm 1848, triều đình cho xây dựng thêm một tòa nhà lớn gồm chín gian chung quanh có tường gạch bao bọc và mở thêm một cửa tròn trong nội điện của Di luân đường. Đến lúc này, bên cạnh ba dãy nhà dành cho quan Tế tửu, Tư nghiệp và các quan Huấn tập (tất nhiên không kể Di luân đường, nhà Giảng sách, Phòng học, Thư viện), triều đình cho xây thêm hai cư xá cho Giám sinh, mỗi dãy chín gian, đồng thời cho xây thêm hai phòng học nữa và mở thêm hai cổng ở trái và phải khuôn viên trường để các Giám sinh tiện ra vào. Đến năm 1904, trận bão Giáp Thìn đã tàn phá vùng Huế một cách khủng khiếp, Quốc Tử Giám cũng là một trong những điểm bị thiệt hại nặng nề. Lại một lần nữa Quốc Tử Giám được tu bổ sau thiên tai.

Vào thời Duy Tân, nhà vua nhận thấy trường Quốc Tử Giám ở quá xa kinh thành có nhiều điểm bất tiện, đặc biệt là việc đi lại kiểm tra của các quan kiêm quản đại thần, và cả nhà vua khi muốn đến thăm hoặc tổ chức khảo hạch cũng như lễ tế, nên năm 1908, vua cho dời trường về phía Đông nam của hoàng thành. Trường Quốc Tử Giám mới chiếm một vùng đất khá rộng lớn bên trong kinh thành; mặt sau gần kề với phủ Tôn nhân và Ba Viên (nay là Công viên Nguyễn Văn Trỗi); bên trái giáp với Cơ mật viện (sau là Tam tòa và nay là trụ sở của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế); bên phải tiếp giáp với hoàng thành. Qui mô của trường lúc ấy gồm có: chính giữa là Di luân đường; hai bên là hai dãy phòng học; trước mặt là hai dãy cư xá của sinh viên; phía sau trường, ở giữa là tòa Tân Thơ viện, hai bên là nhà ở của quan Tế tửu, Tư nghiệp (hiệu trưởng, hiệu phó) và các viên chức khác của trường. Năm 1923, Tân Thơ viện trở thành Bảo tàng Khải Định (Musée Khải Định) nên trường Quốc Tử Giám phải lập một thư viện mới mang tên Thư viện Bảo Đại ở phía sau Di luân đường. Trong số các công trình kiến trúc này, Di luân đường, Tân Thơ viện và tòa nhà dành cho vị Tế tửu Quốc Tử Giám ở là những công trình kiến trúc gỗ theo phong cách truyền thống có giá trị nghệ thuật cao (Tân Thơ viện, Di luân đường đều có nguồn gốc từ các công trình kiến trúc của cung Bảo Định). Từ đó đến tháng 8 năm 1945, thời điểm Quốc Tử Giám chấm dứt vai trò lịch sử của mình, kiến trúc của trường hầu như không thay đổi.

Hoạt động giáo dục của Quốc Tử Giám Huế

Thời Gia Long sau khi xây xong Đốc học đường, vua chọn Phan Ưng Đăng làm Đốc học chính đường, Nguyễn Viết Ưng làm Đốc học Giáp phó đường và Trương Chi Lý làm Đốc học Ất phó đường. Chánh Đốc học được hưởng lương sáu quan tiền và năm phương gạo mỗi tháng, Phó Đốc học được hưởng lương là năm quan tiền và năm phương gạo mỗi tháng.

Đến năm Minh Mạng thứ hai (1821) đổi chánh phó Đốc học thành một Tế tửu và hai Tư nghiệp. Tế tửu chánh tứ phẩm, Tư nghiệp trật tòng tứ phẩm. Tế tửu giữ học chính, đào tạo nhân tài để giúp chính trị, văn hóa. Tư nghiệp giúp đỡ học chính mà làm người tá nhị. Năm 1822 đặt thêm ba viên học chính chuyên huấn luyện cho những tôn sinh mới vào học. Đến năm 1827 thì rút lại còn hai viên, nhưng lại chuẩn đặt thêm hai giám thừa, hai điển bạ, hai điển tịch. Để công việc quản lý Quốc Tử Giám chặt chẽ hơn, năm 1838, vua Minh Mạng đặc cử các đại thần kiêm lãnh thêm công việc của Quốc Tử Giám: "Cho Hiệp biện Đại học sĩ Lê Văn Đức, Trương Đăng Quế kiêm lãnh công việc Quốc Tử Giám, hai người nay thay phiên nhau làm. Tháng chẵn do Lê Văn Đức kiêm lãnh. Tháng lẻ do Trương Đăng Quế kiêm lãnh". Năm 1842 nghị chuẩn cho sáu vị thư lại nhập lưu thường xuyên làm công việc trong Quốc Tử Giám. Đến năm 1951, thời Tự Đức, nhà vua nghị chuẩn bớt đi các chức giám thừa, điển bạ, điển tịch chỉ để lại một người và sáu vị thư lại nhập lưu chia ra hai ban làm việc.

Đầu tiên, trường Quốc Tử Giám chỉ tuyển chọn học sinh từ con em tôn thất, con quan đại thần trong triều. Tôn nhân phủ chọn trong họ tôn thất (từ ba đời trở xuống) lấy 60 người đã đến 28 tuổi mà thông minh đĩnh ngộ cho dự tuyển vào Quốc Tử Giám (kỳ thi sát hạch của Quốc Tử Giám rất gắt gao). Nếu vượt qua, những người này sẽ trở thành các tôn sinh của Quốc Tử Giám. Còn con của quan tứ phẩm trở lên và con trưởng của quan ngũ phẩm (tuổi đã được 15) thì được giới thiệu vào học tại trường. Đó gọi là các *ấm sinh*. Đến năm 1822, vua Minh Mạng cho Nha Quốc Tử Giám tuyển chọn trong các sĩ tử đậu cao lấy 100 người bổ dụng làm *giám sinh*. Cũng năm này, vua

cũng xuống chiếu trong cả nước cho phép một huyện được giới thiệu một người để vào học tại trường Quốc Tử Giám. Đó gọi là các *cống sinh*. Đến năm Minh Mạng thứ 19 (1838) nhà vua còn cho phép "Không kể con em thổ quan hay con em nhà dân, cũng không cứ học đủ văn thí ba trường, hễ ai là người tuấn tú thông minh thì chọn ra để đưa về Quốc Tử Giám học tập".

Hằng năm cứ đầu xuân, sau ngày khai Ấn một ngày thì Quốc Tử Giám khai giảng. Cuối năm sau ngày xếp Ấn một ngày thì nghỉ giảng. Thời khóa biểu: ngày lẻ giảng kinh truyện, ngày chẵn giảng chính sử. Đầu tiên học sinh được học Trung kinh, Hiếu kinh, rồi sau đó học đến Ngũ kinh và Tứ truyện. Tiếp đó học đến sách Chu Tử và Chu sử. Về mặt văn bài, học sinh dần dần tập làm theo "thể tứ trường", bắt đầu từ câu đối, thơ, phú lên kinh nghĩa, chiếu, biểu cuối cùng là sách văn (tức là các thể văn phải làm trong kỳ thi quốc gia: Hương, Hội, Đình). Quy định này được đưa ra từ thời Gia Long thứ hai (1803). Ngoài ra các học sinh còn phải làm bài tập kiểm tra hàng tháng (từ bốn đến sáu lần mỗi tháng), được kiểm tra hàng quý (mỗi quý một lần) và khảo hạch hàng năm.

Quốc Tử Giám có một chế độ học bổng và thưởng phạt rất công minh. Vua Minh Mạng đã từng nói rằng: "Quốc Tử Giám là nơi giáo dục nhân tài. Triều đình nuôi học trò, nên ưu đãi khiến cho nhân tài đều vui vẻ tu nghiệp tiến đức" (Dụ năm Giáp Thân 1924). Học bổng của Quốc Tử Giám (tiền, gạo, dầu thắp) do đó được xét dựa trên kết quả khảo ngạch hàng quý: "Tôn sinh mỗi người mỗi tháng tiền hai quan, gạo hai phương; cử nhân, cống sinh hạng ưu thì tiền năm quan, gạo ba phương, dầu ăn năm cân, hạng bình thì tiền ba quan, dầu ba cân; ấm sinh hạng nhất thì thì tiền một quan năm tiền, gạo một phương rưỡi, dầu hai cân rưỡi, hạng thứ thì tiền một quan, gạo một phương, dầu hai cân; nếu năm nào là năm nhuận thì theo tháng trước mà cấp". Về thưởng phạt thì học sinh nào: "khóa trước ưu khóa này lại ưu thì cấp lương theo hạng ưu, thì được thưởng thêm tiền một quan, gạo một phương. Trước ưu sau bình thì cấp theo loại bình. Trước thứ sau thứ thì chiếu theo thứ nhưng giảm một nửa".

Với gần 150 năm tồn tại với tư cách là trường đại học phong kiến, Quốc Tử Giám đã góp phần không nhỏ trong việc đào tạo những nhân tài cho đất nước. Trong số hơn 500 vị tiến sĩ, phó bảng của triều Nguyễn, có không ít vị đã từng dùi mài kinh sử tại ngôi trường này; có thể kể đến Nguyễn Đăng Tuyển (1796-1880), Phan Thúc Trực (1808-1852); Đặng Huy Trứ (1825-1874), Nguyễn Khuyến (1833-1909), Đào Nguyên Phổ (1861-1907). Ngoài ra, chí sĩ Phan Bội Châu đã không ít lần liên hệ với những nho sĩ ở trường để mưu việc lớn. Quốc Tử Giám Huế là một minh chứng về tinh thần hiếu học và trọng dụng hiền tài của dân tộc. Tuy nhiên đến năm 1909, khi khoa thi chữ Hán cuối cùng chấm dứt thì vai trò giáo dục của Quốc Tử Giám không còn nữa. Nó phải nhường chỗ cho trường Quốc Học, ngôi trường do thực dân Pháp xây dựng với nội dung giảng dạy theo lối Tây học phù hợp hơn với tình hình lúc đó.

Tình trạng Quốc Tử Giám Huế hiện nay

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, vua Bảo Đại thoái vị, chế độ phong kiến ở Việt Nam chấm dứt thì Quốc Tử Giám Huế trở thành một chứng tích cho một thời đại huy hoàng của Nho giáo tại Việt Nam đã qua đi. Nó được quản lý bởi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để làm nơi giảng dạy Bình dân học vụ (1945-1946) sau đó nó bị người Pháp chiếm để làm nơi trú quân (1946-1954). Sau năm 1954 nó được tiếp quản bởi chính quyền Việt Nam Cộng hòa và trở thành trường dạy Anh văn cho các sĩ quan, binh lính. Sau năm 1975, Nhà nước ta đã không thực sự chú trọng đến việc phát huy tiềm năng du lịch văn hóa của di tích Quốc Tử Giám. Chỉ đến tháng 7/1989, tận dụng khuôn viên di tích Quốc Tử Giám Huế, Nhà nước đã xây dựng Bảo tàng Lịch sử và Cách mạng Thừa Thiên Huế với chức năng, nhiệm vụ: nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, tổ chức trưng bày và tuyên truyền giới thiệu phục vụ khách tham quan trong và ngoài nước về thời kỳ Tiền sơ sử và Phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Thừa Thiên Huế 1930-1975.

Ngày 11/12/1993, Quốc Tử Giám cùng với hệ thống di tích cung đình triều Nguyễn đã được ghi tên vào danh mục Di sản Văn hóa Thế giới. Cũng từ đó, Quốc Tử Giám Huế nhận lãnh thêm một trách nhiệm mới: điểm du lịch nội thành của kinh thành Huế. Tuy nhiên hiếm thấy những du khách nào nhận ra được bản chất thật sự của Quốc Tử Giám là di tích giáo dục, đa phần những du khách chỉ đến để xem các hiện vật của Bảo tàng Lịch sử và Cách mạng Thừa Thiên Huế. Nghĩa là đi tham quan Bảo tàng Lịch sử và Cách mạng Thừa Thiên Huế chứ không phải đi tham quan di tích giáo dục Quốc Tử Giám.

Tóm lại, chúng ta nên trả lại vị trí vốn có của Quốc Tử Giám là một di tích lịch sử - văn hóa - giáo dục, là một chứng tích cho nền Nho học thời Nguyễn ở kinh đô Huế. Thật sự không thể viện lý do gì để lồng ghép vào một di tích lịch sử - văn hóa - giáo dục cổ xưa như Quốc Tử Giám những cỗ xe tăng, những chiếc máy bay, những súng đạn thời hiện đại như hiện trạng của di tích Quốc Tử Giám hiện nay. Đây thực sự là sự thật đáng buồn cho Quốc Tử Giám Huế khi so sánh nó với Quốc Tử Giám Hà Nội. Văn Miếu - Quốc Tử Giám ở Hà Nội là nơi rằm tháng Giêng hàng năm Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức báo cáo kết quả của nền văn học trong năm và bình những bài thơ hay. Đây là nơi nhà nước tổ chức trao các hàm, học vị: Giáo sư, Viện sĩ, Tiến sĩ… cho những trí thức mới. Hằng năm, cứ sau kỳ tốt nghiệp bậc đại học, thủ khoa của các trường được về Văn Miếu - Quốc Tử Giám để Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Hà Nội trao bằng khen và tham quan rất nhiều hoạt động trong lĩnh vực văn hóa được tổ chức tại Văn Miếu. Đặc biệt, khách nước ngoài từ khắp các lục địa cũng về đây hàng ngày để tham quan và tìm hiểu trường đại học đầu tiên của Việt Nam, Văn Miếu - Quốc Tử Giám Hà Nội... ■

Phát hiện sách
Giải Tâm kinh Đại Điên
của Thiền sư Minh Châu Hương Hải

THÍCH THÔNG ĐẠO

Bước đầu tìm đọc các tác phẩm Phật giáo đời Hậu Lê bằng chữ Nôm, chúng tôi đã thu thập được một số tác phẩm, trong đó có *Tâm kinh chú giải* là một tác phẩm của Thiền sư Đại Điên (Trung Quốc) đã lưu truyền vào nước ta và được Tổ sư Minh Châu Hương Hải dịch ra chữ Nôm. Ta hiện tìm được ba văn bản: hai bản được khắc in vào năm Thiệu Trị thứ hai (1842) do chùa An Lạc trùng san, và một bản viết tay không ghi rõ năm sao chép cùng các cứ liệu cơ sở. Theo *Hương Hải thiền sư ngữ lục*, sách này có tiêu đề *Giải Tâm kinh Đại Điên*, tức lấy tên nhà chú giải bản chữ Hán làm tiêu đề cho bản dịch chữ Nôm. Để dễ phân biệt, ta tạm lấy tên sách theo *Ngữ lục* cho tiện tìm hiểu; ngoài ra, bản khắc in được gọi là bản An Lạc trong khi bản viết tay được gọi là bản Pháp Đăng.

1. Bản An Lạc

Hiện có hai bản, một bản mang kí hiệu AB.530 của Viện Nghiên cứu Hán Nôm và một bản sưu tầm của chúng tôi. Bản AB.530 còn nguyên vẹn, còn bản chúng tôi sở hữu có bốn tờ đầu bị rách mất một nửa và hai tờ cuối bị mọt xông vài chỗ ở gần đường khâu chỉ, thiếu độ không quá 10 chữ Hán hoặc Nôm, mất mấy tờ công đức tín cúng phía sau sách.

Phần nội dung của sách có tất cả 81 tờ, trong đó bài tựa chiếm hai tờ; được khắc in theo lối dịch đuổi song ngữ: nghĩa là một đoạn chữ Hán được sắp nối tiếp bằng một đoạn dịch Nôm. Một tờ hai trang,

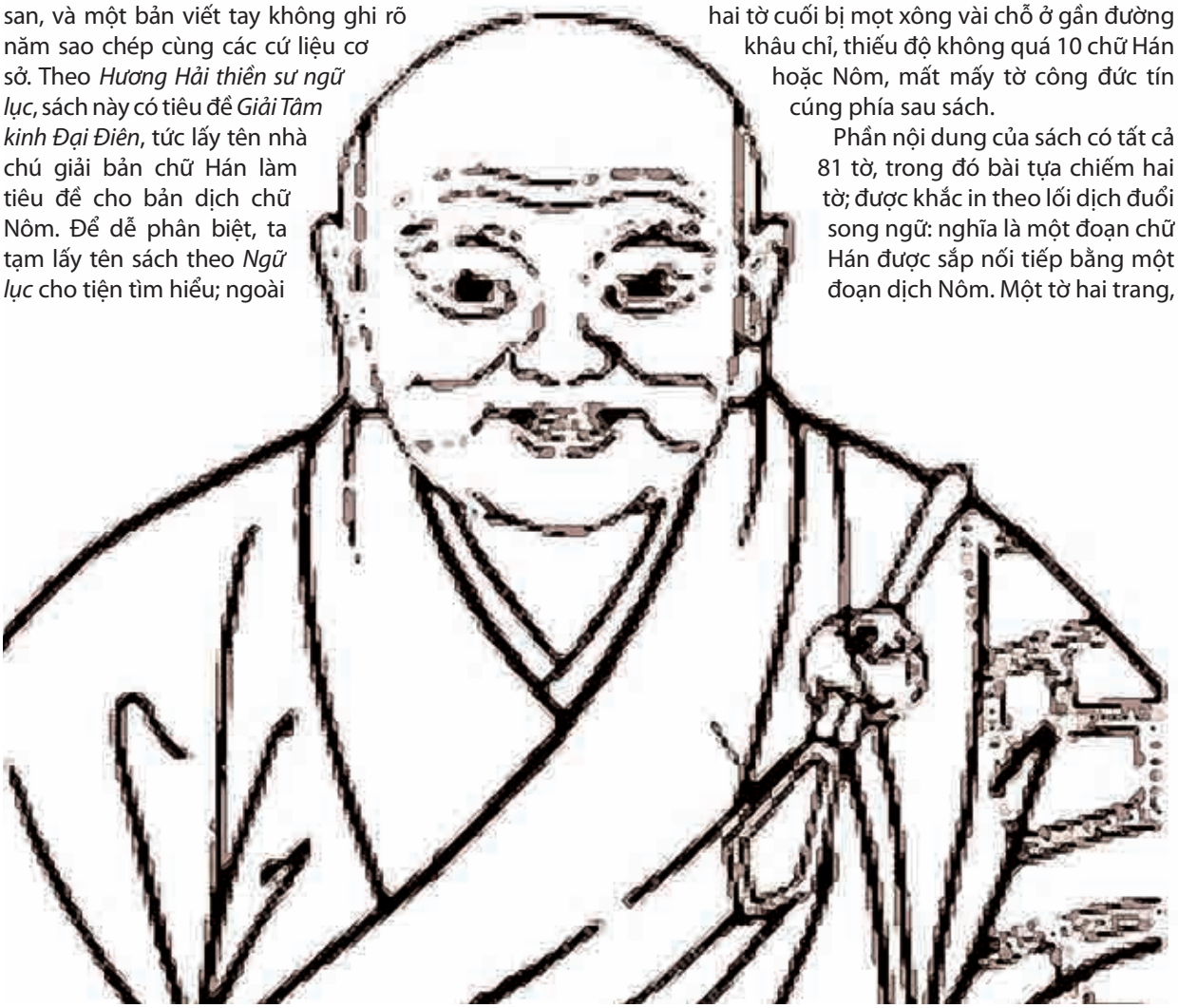

Đại sư Đại Điên

mỗi trang có tương đương với tám dòng chữ Hán, và nếu có phần chữ Nôm thì số dòng chữ Nôm nhiều gấp đôi số dòng chữ Hán. Bản in tốt, chữ khắc chân phương rõ đẹp; trên gáy đề tên *Tâm kinh chú giải* là tên bản sách chữ Hán của ngài Đại Điên soạn. Sách không có bài tựa trùng san cũng như bài tựa của dịch giả mà chỉ in bài tựa của tác giả rồi dịch Nôm. Bài tựa, dòng đầu ghi: "大顛庵主 註解般若心經序 Đại Điên Am chủ chú giải Bát Nhã Tâm kinh tự" (bài tựa sách chú giải Bát Nhã Tâm kinh của Am chủ Đại Điên); dòng thứ hai ghi "玄機善覺法嗣明珠奉譯華言 Huyền Cơ Thiện Giác pháp tự Minh Châu phụng dịch hoa ngôn" (Huyền Cơ Thiện Giác pháp tự Minh Châu trân trọng dịch từ tiếng Trung Hoa). Ngài Minh Châu tức Thiền sư Minh Châu Hương Hải, trụ trì chùa Nguyệt Đường (Hưng Yên), đã dịch, chú giải nhiều kinh luận và sáng tác sách bằng chữ Nôm. Lưu ý rằng các bản Kim Cương, Di-đà, Tâm kinh ngũ chỉ của Thiền sư đều đề "thích nghĩa", bản này đề "Phụng dịch Hoa ngôn" tức dịch từ bản chữ Hán sang chữ Nôm theo lối dịch đuổi như đã nói ở trên. Tờ 2b ghi năm trùng san và nơi tàng ván: "*Thiệu Trị nhị niên tuế thứ Nhâm Dần tùng nguyệt cốc nhật cáo tất. Bản lưu tại Thiên Phúc phủ Hiệp Hòa huyện Tiểu Mai xã thượng thôn An lạc tự dĩ hiển hậu lai*". Bản trùng san được thực hiện vào niên hiệu Thiệu Trị thứ hai (năm Nhâm Dần, 1842) và tàng ván tại chùa An Lạc, thôn Thượng, xã Tiểu Mai, huyện Hiệp Hòa (Chùa An Lạc tục danh chùa Xác, hiện thuộc xã Mai Động, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang).

Bản *Kim cương kinh lý mục* mà chúng tôi sở hữu cũng được khắc in vào năm Thiệu Trị thứ hai tại chùa An Lạc, trong đó có bài *Kim cương Bát-nhã kinh giải lý tự* do Thanh Ninh Đạo An soạn cho biết bản in được Thiền sư Thanh Y Đạo Phổ trùng san. Thế thì, vào năm Thiệu Trị thứ hai, Thiền sư Đạo Phổ chùa An Lạc đã đứng in *Giải Tâm kinh Đại Điên* và *Kim cương Bát-nhã kinh giải lý* của Tổ Minh Châu Hương Hải. Ta hiện chưa biết Đạo Phổ còn in sách gì nữa chăng? Điểm sơ về người hưng công và ngôi chùa, ta thấy Thiền sư Thanh Y Đạo Phổ là môn đồ thuộc dòng Tào Động, đệ tử của Tổ Thanh Lương Giác Trí chùa Tiêu. Theo bản sách thì chùa An Lạc trước đó đã có ba vị tổ trụ trì là Thiền sư Như Kiên, Thiền sư Hải Lâm Giác Liễu và Thiền sư Viên Quang. Có thể ngài Đạo Phổ về kế nghiệp đời Minh Mệnh trước đó không lâu, rồi thiền sư xây dựng ngôi chùa và tiến hành khắc ván in kinh mà ta biết rõ ngài đã đứng ra trùng san hai bản sách của Tổ sư Minh Châu Hương Hải. Đây là Phật sự có giá trị học thuật, nhằm lưu truyền các tác phẩm của Phật giáo Việt Nam, không để cho chúng mai một theo thời gian. Giai đoạn cận đại, chùa An Lạc bị chiến tranh tàn phá, chùa đổ, tháp hư, cảnh quan hoang tàn. May nhờ dân làng hưng công trùng tu một tòa Tam bảo, nhà tổ dùng để lễ bái. Vườn tháp tổ cũng được sơn sửa trang nghiêm, làm nơi chiêm ngưỡng cho hàng hậu thế.

Cách trình bày bản An Lạc không giống với các văn bản Hán Nôm khác. Phần nguyên văn *Tâm kinh* khắc chữ Hán lớn, thường chỉ gồm một câu ngắn khoảng vài từ, đứng riêng một dòng. Sau đó đến phần chú giải của Thiền sư Đại Điên cũng được khắc nguyên văn chữ Hán cùng khổ chữ, kế tiếp là phần quốc âm được khắc dạng chú thích tức chữ nhỏ được bố trí hai dòng. Tờ 79a, sau phần dịch Nôm đoạn cuối, sách đề "chung", tức hết nội dung bản sách. Một dòng kẻ khung rộng đề *"Tiên quận cao hương văn bút nam Nguyễn Quang Biểu tự Pháp Bản tả công đức"* tức bản sách do ông Nguyễn Quang Biểu chép theo tinh thần cúng dường công đức. Mặt b để trống.

Trong bộ *Di sản Hán Nôm thư mục đề yếu*, phần giới thiệu về sách *Giải Tâm kinh Đại Điên* lại ghi là: *"Tam kinh chú giải 三 經註解. Một bản viết, 172 tr, 27x17, một tựa. AB 530. Bản chú thích và diễn Nôm 267 thuật ngữ nhà Phật như 'tâm', 'sắc không'… trong Bát-nhã ba-la-mật-đa Tâm kinh"*. Trước hết, ta thấy Thư mục ghi sai đề sách, từ "Tâm kinh chú giải" thành "Tam kinh chú giải", có thể lỗi do người đánh máy, chữ "Tâm" đánh nhầm thành chữ "Tam" rồi thảo chữ Hán cũng như thế. Thứ hai, bản AB. 530 là bản in chứ không phải bản sao chép. Lại nữa, người soạn thư mục không thông Phật điển nên đã mô tả sai đặc điểm của sách, cho rằng sách thuộc dạng giải thích thuật ngữ; trong khi đó, nội dung sách là chú giải Tâm kinh Bát-nhã. Do đánh sai tiêu đề, lại không nói rõ tác giả và dịch giả khiến người tra cứu thư mục nghĩ sách thuộc dạng tầm thường không chú ý. Nếu ghi rõ Tâm kinh chú giải do Thiền sư Đại Điên (Trung Quốc) soạn, được "Huyền Cơ Thiện Giác pháp tự Minh Châu phụng dịch hoa ngôn" thì sẽ có nhiều người chú ý bản sách để thống kê các tác phẩm của Thiền sư Minh Châu Hương Hải được đầy đủ.

2. Bản Pháp Đăng

Bản này chúng tôi tìm được tại một chùa ở tỉnh Hà Nam. Sách dưới dạng sao chép, chữ viết đẹp, rõ. Giấy bản mỏng, nhiều chỗ ở mấy tờ đầu bị hư, loại giấy khá xưa, được quét cậy màu đà. Sách có 94 tờ, kể cả bài tựa hai tờ cũng được đánh số liên tiếp. Tờ 94b chỉ ghi đến câu *"Đắc a-nậu-đa-la tam-niệu-tam-bồ-đề"*, tức thiếu một đoạn. Thế thì sách có thể mất khoảng hai ba chục tờ. Ở bản AB 530, câu đó mới đến tờ 67 mà tờ cuối là tờ 79, tức đã lên đến 12 tờ. Cơ cấu bản in khác với bản chép nên biết thiếu nhiều.

Mỗi trang có sáu dòng chữ Hán lớn, còn số dòng chữ Nôm nhỏ thì gấp đôi. Trên gáy không đề tên, chỉ đánh số tờ. Dòng đầu tờ đầu ghi: *"Đại Điên am chủ chú giải Bát-nhã Tâm kinh tự"* giống như bản in. Dòng thứ hai chép hơi khác *"Hương Hải thiền sư phụng dịch quốc ngữ"* có thể được người sao tả đổi lại cho dễ hiểu. Ta đoán vị chép sách có quan hệ khá thân với dòng Nguyệt Đường nên mới đề tên là Hương Hải thiền sư, trong khi bản in ghi "Huyền Cơ Thiện Giác pháp tự

Đại sư Hương Hải

Minh Châu phụng dịch hoa ngôn". Trong bản in, pháp tự của người dịch thiếu hai chữ Hương Hải; trong bản viết, người chép chỉ nêu tên thường dùng của Tổ là Hương Hải. Cách trình bày bản Pháp Đăng có canh cải một ít: chữ Hán nguyên văn Tâm kinh viết khá lớn, chữ Hán chú giải của Thiền sư Đại Điên viết cỡ vừa và chữ Nôm viết nhỏ như dạng chú thích sách chữ Hán thông dụng mà ta thường thấy.

Bản chép có thể dựa vào bản in *Giải Tâm kinh Đại Điên* mà ta nói ở trên. Bởi, chúng sao chép khá giống lối chữ Nôm của bản in, đôi chỗ người viết có thay đổi một số chữ cho hợp đương thời, nên chúng tôi cho rằng bản Pháp Đăng cũng chỉ có thể dựa vào bản An Lạc mà sao tả, chứ không dựa vào bản cổ hơn được. Hiện ta chưa thể biết bản in đợt đầu có nhất thống với bản An Lạc không. Có thể bản in sử dụng thiếu mất bài tựa in sách nên các bản chép cũng ở tình trạng đó. Các sách của Thiền sư Hương Hải thường hay xuất hiện bài tựa do Thiền sư Như Nguyệt soạn để ghi vài nét về bản sách.

Trên đây là sơ lược mô tả văn bản *Giải Tâm kinh Đại Điên* của Thiền sư Minh Châu Hương Hải. Có điều kiện, chúng tôi sẽ mở rộng nghiên cứu, khai thác cách dịch thuật thuở xưa và khảo sát cơ cấu chữ Nôm đầu thế kỷ XVIII mà các vị thiền sư đương thời sử dụng. Bản sách ít người biết đến. Việc phát hiện có giá trị nhằm công bố với học giới để mọi người biết thêm một tác phẩm Nôm của Thiền sư Minh Châu Hương Hải. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO *VHPG* NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Chẩm, Vina Giấy : 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải, Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q.5, PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyên Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền, CT TNHH Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
CT **Nến Hạnh Phúc**, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngành : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **452 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: ***Tòa soạn***, *Phòng Phát hành VHPG* : **(08) 3 8484 335**.
Email: toasoanvhpg@gmail.com

Ban Biên tập

Chút tin còn lại

NGUYÊN VĂN

"Ví như, này Bhaddali, một người chỉ có một mắt, các thân hữu bà con huyết thống bảo vệ con mắt còn lại ấy và suy nghĩ như sau: 'Chớ để cho con mắt còn lại này bị đoạn diệt'. Cũng vậy, này Bhaddali, ở đây Tỳ-kheo còn sống trong Tăng chúng với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Ở đây, này Bhaddali, các Tỳ-kheo suy nghĩ như sau: 'Chư Hiền, Tỳ-kheo này còn sống trong Tăng chúng với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Nếu chúng ta thường hay kết tội Tỳ-kheo này, chúng ta hãy đừng để cho chút ít lòng tin, chút ít lòng thương của vị ấy bị đoạn diệt'."[*]

Trên đây là tâm từ bi của bậc Giác ngộ thể hiện đối với các Tỳ-kheo tỏ ra yếu kém trong đời sống phát triển giới đức, phạm nhiều khuyết điểm trong giới luật bậc Thánh, chưa phát huy được lối sống Tăng thượng giới *(Adhisìla)*, tức giới đức cao cả của bậc xuất thế, có công năng giúp duy trì và bảo dưỡng chút ít thiện tâm hay tâm giác ngộ còn đọng lại trong đời sống người xuất gia.

Hết thảy những lời dạy của Đức Phật là nhằm khơi gợi và đánh thức thiện tâm hay tâm giác ngộ ở trong mỗi người, khuyến khích và chỉ bày cho mọi người cách thức phát huy tâm giác ngộ để thực nghiệm hạnh phúc an lạc. Kinh văn truyền thống thường mô tả: *"Thế Tôn với pháp thoại khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ vị này vị này"*. Tâm giác ngộ là ý thức sáng suốt hướng thượng, luôn luôn nhận rõ lẽ thiện ác, đúng sai và kiên quyết theo đuổi lẽ sống chân chánh hiền thiện, từ bỏ lối sống sai lầm bất thiện. Nó là năng lực thanh tịnh tự nội, có chức năng định hướng và thôi thúc con người tuân theo lẽ sống chân chánh hiền thiện, tránh xa lối sống mê lầm bất thiện. Vì vậy mà khi nào tâm giác ngộ có mặt thì khi ấy con người sáng suốt và hiền lành, cuộc sống trở nên chân chánh, hiền thiện và an lạc. Phật thấy rõ tâm giác ngộ có sẵn trong mỗi chúng sanh nên nói ra điều gì và xử lý việc gì cũng đều lấy tâm giác ngộ của chúng sanh làm cứu cánh. Trong phương pháp giáo dục, tùy vào điều kiện

tâm thức cụ thể mà Phật nói đến các phương pháp tu tập và ứng xử khác nhau; tất cả đều nhằm mục đích giúp cho mỗi người phát huy tâm thái giác ngộ vốn có của mình và tìm thấy lối đi thực sự an lạc.

Tương tự, trong cách ban hành giới luật cho người xuất gia và chỉ bày phương pháp thực thi giới luật, Phật cũng lấy tâm giác ngộ của chúng sanh làm cứu cánh. Giới luật do Phật chế cốt yếu giúp cho người xuất gia gìn giữ và phát huy tâm thức giác ngộ, không để cho tâm giác ngộ bị thương tổn, mai một. Đó chính là sự phát huy tâm tàm quý *(hiottappa)* nhằm ngăn chặn các hành vi sai trái phi đạo đức của thân, miệng, ý; sự tuân thủ các quy định giới luật nhằm bảo đảm đời sống Phạm hạnh được chân chánh thanh tịnh, giữ cho tâm giác ngộ khỏi bị che mờ hay thương tổn. Đối với trường hợp vi phạm giới tội, Phật cũng lấy tâm giác ngộ của chúng sanh làm tiêu chí hành xử, cốt yếu giúp cho người xuất gia nhận rõ sự sai phạm khiếm khuyết để nỗ lực khắc phục và vượt qua, để tâm giác ngộ lại được trong sáng, thanh tịnh, không bị che mờ, được lớn mạnh, không bị tổn hại. Chính vì thế mà tùy theo tâm thức của người xuất gia biểu hiện như thế nào trong trường hợp vi phạm thì việc cử tội và xử trị sẽ theo đó mà tiến hành. Những lời giải thích sau đây của bậc Giác ngộ về các trường hợp xử trị Tỳ-kheo vi phạm giới tội cho thấy đạo Phật nhấn mạnh đến khả năng chuyển hóa tâm thức, chủ trương hóa giải các sai phạm bằng tâm thức giác ngộ:

"– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, chúng Tăng luôn luôn kết tội Tỳ-kheo? Bạch Thế Tôn, lại do nhân gì, do duyên gì ở đây, chúng Tăng không luôn luôn kết tội Tỳ-kheo như vậy?

– Này Bhaddali, ở đây, có Tỳ-kheo thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỳ-kheo nói, tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phẫn nộ, sân hận, và bất mãn, không xử sự chơn chánh, không có lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói: 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?'. Ở đây, này Bhaddali, các Tỳ-kheo nghĩ như sau: 'Này chư Hiền, Tỳ-kheo này thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỳ-kheo nói, tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, không xử sự chơn chánh, không có tự lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói: 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?'. Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỳ-kheo này, chớ có giải tội ấy một cách mau chóng'. Như vậy, này Bhaddali, các Tỳ-kheo, sau khi điều tra nhiều lần Tỳ-kheo ấy, không giải tội ấy một cách mau chóng.

Nhưng ở đây, này Bhaddali, lại có Tỳ-kheo, thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỳ-kheo nói, không tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?'. Ở đây, này Bhaddali, các Tỳ-kheo nghĩ như sau: 'Này chư Hiền, Tỳ-kheo này thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỳ-kheo nói, không tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?'. Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỳ-kheo này, hãy giải tội ấy một cách mau chóng'. Như vậy, này Bhaddali, các Tỳ-kheo sau khi điều tra nhiều lần Tỳ-kheo ấy, giải tội ấy một cách mau chóng.

Ở đây, này Bhaddali, có Tỳ-kheo không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỳ-kheo nói, tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, không xử sự chơn chánh, không có tự lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói: 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?'. Ở đây, này Bhaddali, các Tỳ-kheo nghĩ như sau: 'Này chư Hiền, Tỳ-kheo này không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỳ-kheo nói, tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, không xử sự chơn chánh, không có tự lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói: 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?'. Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỳ-kheo này, chớ có giải tội một cách mau chóng'. Như vậy, này Bhaddali, các Tỳ-kheo sau khi điều tra nhiều lần Tỳ-kheo ấy, không giải tội ấy một cách mau chóng.

Nhưng ở đây, này Bhaddali, lại có Tỳ-kheo không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỳ-kheo nói, không tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phẫn nộ sân hận và bất mãn, không xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?'. Ở đây, này Bahaddali, các Tỳ-kheo nghĩ như sau: 'Chư Hiền, Tỳ-kheo này không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỳ-kheo nói, không tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phẫn nộ, sân hận và bất mãn, xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?'. Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỳ-kheo này, hãy giải tội này một cách mau chóng'. Như vậy này Bhaddali, các Tỳ-kheo, sau khi điều tra nhiều lần Tỳ-kheo ấy, giải tội ấy một cách mau chóng.

Ở đây, này Bhaddali, có Tỳ-kheo còn sống trong Tăng chúng với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Ở đây, này Bhaddali, các Tỳ-kheo suy nghĩ như sau: 'Chư Hiền, Tỳ-kheo này còn sống trong Tăng chúng với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Nếu chúng ta thường hay kết tội Tỳ-kheo này, chúng ta hãy đừng để cho chút ít lòng tin, chút ít lòng thương của vị ấy đoạn diệt'. Ví như, này Bhaddali, một người chỉ có một mắt, các thân hữu bà con huyết thống bảo vệ con mắt còn lại ấy và suy nghĩ như sau: 'Chớ để cho con mắt còn

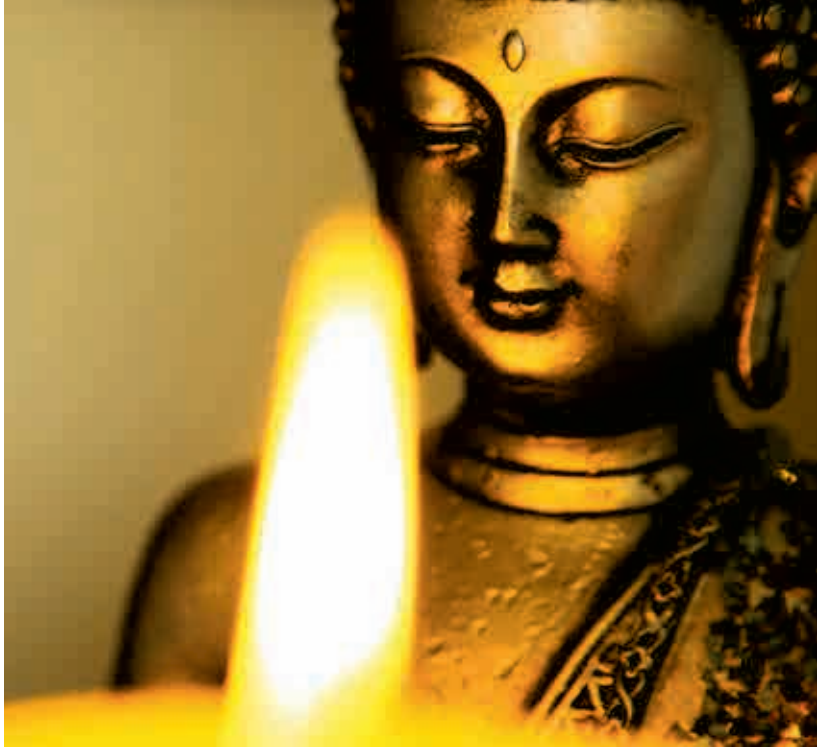

lại này bị đoạn diệt'. Cũng vậy, này Bhaddali, ở đây Tỳ-kheo còn sống trong Tăng chúng với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Ở đây, này Bhaddali, các Tỳ-kheo suy nghĩ như sau: 'Chư Hiền, Tỳ-kheo này còn sống trong Tăng chúng với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Nếu chúng ta thường hay kết tội Tỳ-kheo này, chúng ta hãy đừng để cho chút ít lòng tin, chút ít lòng thương của vị ấy bị đoạn diệt'.

Này Bhaddali, do nhân này, do duyên này, ở đây, chúng Tăng luôn luôn kết tội Tỳ-kheo. Do nhân này, do duyên này, ở đây, chúng Tăng không luôn luôn kết tội vị Tỳ-kheo".[*]

Các biện pháp kết tội và giải tội do bậc Giác ngộ chỉ dạy cho thấy đạo Phật rất chú trọng đến tâm giác ngộ, đề cao tâm giác ngộ và quan tâm bảo dưỡng tâm giác ngộ. Ở đây, tâm giác ngộ chính là thái độ nhận ra các sai phạm hay lỗi lầm mà mình mắc phải, thành thật trình bày với người khác mọi sai phạm, không cố ý che giấu lỗi lầm, không tỏ thái độ phẫn nộ hay bất mãn, thể hiện lòng ăn năn hối tiếc, sẵn sàng chấp nhận mọi hình phạt do chư Tăng quyết định. Chính thái độ chân thành ăn năn sám hối như vậy của vị Tỳ-kheo vi phạm giới tội (hoặc ít hoặc nhiều) khiến cho vị ấy mong chóng vượt qua mọi lỗi lầm, tâm tư trở lại thanh tịnh, không còn ô nhiễm, khiến cho chư Tăng hoan hỷ, nhanh chóng kết thúc việc xử trị. Như vậy, bất luận lỗi lầm phạm phải nhiều hay ít nhưng khi tâm giác ngộ xuất hiện thì con người hết mê lầm, hết sai phạm, hết phiền não khổ đau, hết gây phiền lụy cho người khác. Nói cách khác, con người sẽ không còn rơi vào mê lầm khổ đau, không còn tạo ác nghiệp, trở nên trong sáng và hiền thiện một khi tâm giác ngộ dấy khởi và hành hoạt. Phật thấy rõ khả năng hướng thiện của tâm thức con người nên chủ trương đánh thức và khuyến khích thiện tâm trong lòng mỗi người.

Cũng do thấy rõ tính chất lợi lạc của tâm thức giác ngộ nên Phật tỏ ra hết sức nhẫn nại và thể hiện từ tâm trong phương pháp xử trị nhằm bảo vệ tâm thức giác ngộ của người phạm lỗi. Trong trường hợp này, tâm giác ngộ chính là *một ít lòng tin, một ít lòng thương* (đối với Tam bảo) còn đọng lại trong đời sống của người xuất gia phạm nhiều khuyết điểm. Trong trường hợp như vậy, Phật khuyên chư Tăng không nên xử lý quá nặng tay đối với vị Tỳ-kheo vi phạm giới tội; vì lẽ, giống như một người bị thương tật chỉ còn lại một mắt, cũng vậy, một ít lòng tin, một ít lòng thương còn sót lại nơi người xuất gia vi phạm giới tội là dấu hiệu đáng mừng, đáng được gìn giữ và bảo vệ, không để cho chút ít thiện tâm ấy hoàn toàn bị tiêu diệt. Phật gợi ý cho chư Tăng: *"Tỳ-kheo này còn sống trong Tăng chúng với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Nếu chúng ta thường hay kết tội Tỳ-kheo này, chúng ta hãy đừng để cho chút ít lòng tin, chút ít lòng thương của vị ấy đoạn diệt. Ví như một người chỉ có một mắt, các thân hữu bà con huyết thống bảo vệ con mắt còn lại ấy và suy nghĩ như sau: 'Chớ để cho con mắt còn lại này bị đoạn diệt'"*. Như vậy, bất luận tính chất vi phạm thế nào nhưng một khi tâm giác ngộ chưa hoàn toàn biến mất nơi vị Tỳ-kheo vi phạm giới tội thì việc bảo vệ chút ít thiện tâm còn sót lại ấy là điều mà Phật khuyên người xuất gia cần lưu tâm. Thế gian ít tình thương nên xử lý việc gì cũng nhanh chóng gọn gàng, chủ yếu dựa vào luật lệ có sẵn. Nhưng Phật thì đầy từ tâm nên làm việc gì cũng thận trọng và nhẫn nại, lấy tâm thức con người làm thước đo, cốt yếu là để giác ngộ con người, để giúp cho chúng sanh giác ngộ.

Nhìn chung, những gợi ý của Đức Phật liên quan đến việc xử trị các trường hợp vi phạm giới luật cho thấy cái nhìn sáng suốt đầy từ tâm của bậc Giác ngộ trong đường lối giáo dục. Phật thấy rõ tính chất lợi lạc của thiện tâm hay tâm giác ngộ nên chủ trương hóa giải mọi sai lầm bằng tâm thức giác ngộ và tỏ rõ đức kham nhẫn trong phương pháp bảo dưỡng tâm giác ngộ của mọi người. Giới luật do Phật chế cốt yếu là để cho người xuất gia biết cách giữ gìn đời sống Phạm hạnh thanh tịnh, không tỳ vết, không lỗi lầm, giúp cho người xuất gia đặt để những bước đi vững chắc và an ổn trên con đường tu tập hướng đến mục đích cứu cánh giác ngộ. Giới luật của Phật được thiết lập trên cơ sở tâm giác ngộ, có mục đích bảo vệ tâm giác ngộ và do vậy có chức năng đánh thức và khuyến khích tâm giác ngộ trong đời sống của người xuất gia. Chừng nào tâm giác ngộ có mặt thì chừng ấy người xuất gia có đầy đủ giới đức, không vi phạm lỗi lầm, sống hạnh phúc an lạc. Mặt khác, khi nào người xuất gia bỏ quên tâm giác ngộ, rơi vào lối sống phóng dật khổ đau thì khi ấy giới luật có nhiệm vụ đánh thức và khuyến khích tâm giác ngộ hiện hành. Các biện pháp cử tội và giải tội do Phật đề xuất nói rõ mục đích của giới luật Phật giáo, không gì khác là giúp cho người xuất gia phát huy tâm giác ngộ để vượt qua mọi mê lầm, nỗ lực khắc phục bản thân, nhiếp phục tự tâm nhằm hóa giải mọi lỗi lầm, chiến thắng cái ác, tự làm cho mình thanh tịnh bằng nếp sống chân chánh hướng thiện. ■

Chú thích:

[*] Kinh Bhaddali, **Trung Bộ**.

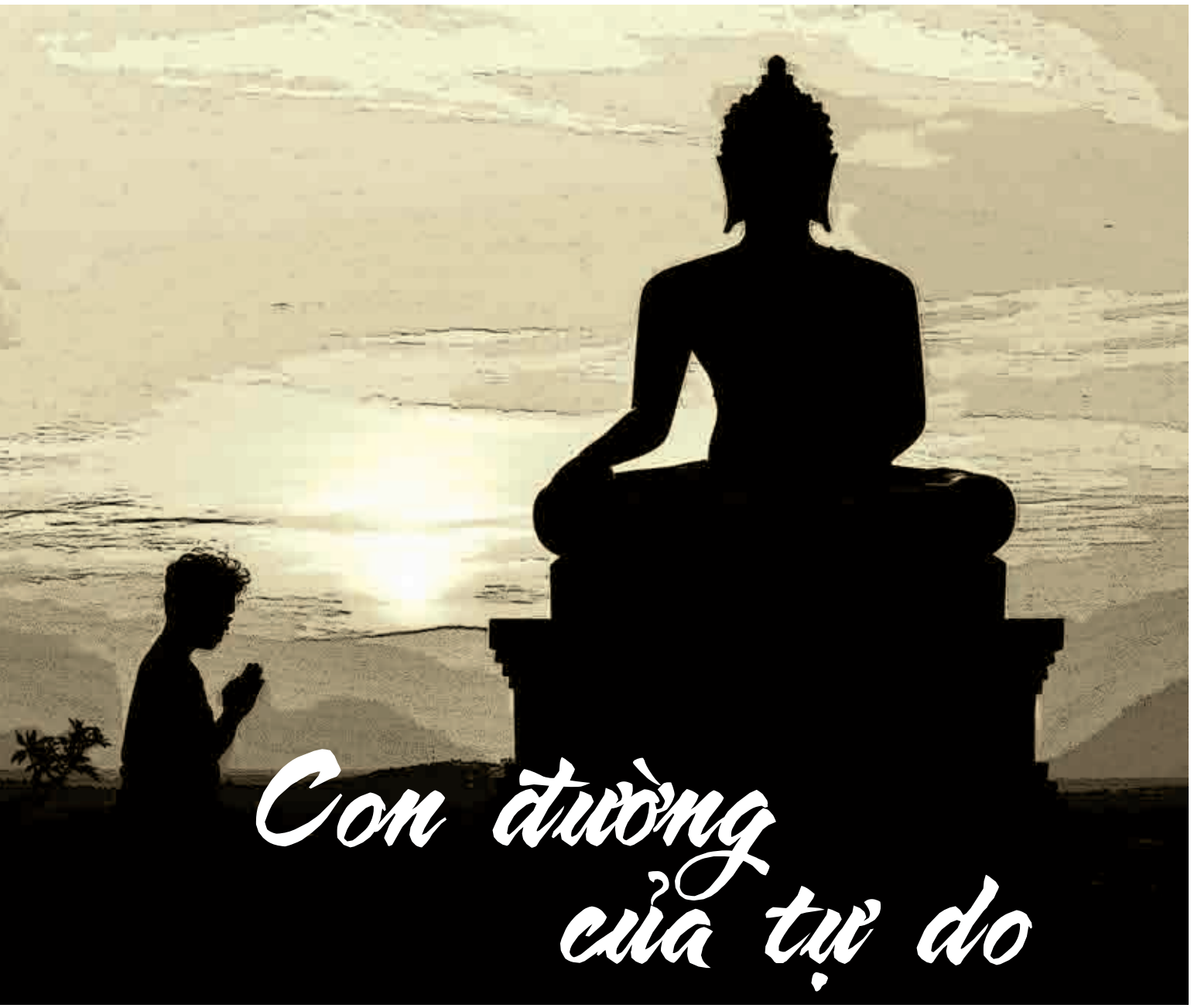

Con đường của tự do

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Đạo Phật là con đường của tự do. Tự do ở chặng đầu, tự do ở chặng giữa, tự do ở chặng cuối cùng. Con đường ấy tự do từ bước đầu cho đến bước cuối bởi vì con đường ấy đặt nền tảng trên tánh Không. Tánh Không là bản tánh của sự vật và tâm thức, mà vật chất và tâm thức chỗ nào cũng có, nên tánh Không ở khắp tất cả. Nói riêng về con đường, thì tánh Không có mặt trên suốt con đường, từ bước đầu đến bước cuối.

Tánh Không là sự không có hiện hữu cố hữu và nội tại của tất cả sự vật thuộc vật chất và thuộc tâm thức. Tánh Không là sự không có một thực thể nào cá biệt và độc lập ở trong sự vật và trong tâm thức. Tánh Không là sự không có tự tánh, vô tự tánh, của tất cả hiện tượng tâm và vật.

Tánh Không phá bỏ những cái thấy mê lầm cho rằng mọi sự vật và tâm thức có thực thể độc lập. Chính những cái thấy lầm lẫn ấy đang thường trực trói buộc con người. Do đó, tánh Không là giải thoát, giải thoát khỏi những cái thấy sai lầm trói buộc, mà ở đây gọi là tự do.

Con đường của tánh Không là con đường ca hát của tự do, của "người cưỡi ngược lừa lên bờ giác":

Trong mộng tạo tác,
Tỉnh rồi toàn không.
Trong mộng thấy nào thô nào tế,
Tỉnh rồi không có chút mảy may.
Tâm thanh tịnh không dơ không bụi,
Thân kim cương chẳng trước chẳng sau.
…

Khéo chuyển hóa các căn hữu lậu,
Bèn chứng vào tam-muội Chân như.
Đảo điên nhị kiến là đem lưới bủa cá sườn non
Tịch diệt nhất như, cưỡi ngược lừa lên cao bờ giác.
(Thượng sĩ Huệ Trung, *Văn trữ từ tự răn*)

Đó là con đường đi trong Pháp thân tánh Không Tỳ-lô-giá-na tự do lồng lộng:

Bọt trong biển cả giả chìm nổi,
Các hành vô thường thảy thảy không.
Ai người nơi ấy tin được vậy
Đạp đỉnh Tỳ-lô bước bước lên.
(Thượng sĩ Huệ Trung, *Phật tâm ca*)

Tánh Không này, kinh *Kim Cương* gọi là "vô sở trụ", không có chỗ trụ, không trụ ở đâu cả; gọi là "vô sở hành", không có chỗ hành, không có người hành và không có đối tượng để hành. Cũng do mức độ chứng ngộ ít hay nhiều tánh Không "không có chỗ đắc" này mà có các cấp bậc hiền thánh: "Tất cả hiền thánh đều do pháp vô vi (tánh Không) này mà có sai biệt" *(Kinh Kim Cương)*.

Trong các hiện tượng có thể thấy được thì một đám mây dễ cho người thường chúng ta thấy tính cách không chỗ trụ này. Một đám mây thì không trụ vào đâu cả. Nó không đứng ở đâu và đi về đâu cả. Khi thì thế này, giây lát sau đã ra thế khác, rồi tan biến mất tiêu như chưa từng có. Nó không có phương hướng, có con đường, có mục đích. Thế mà ngày xưa, Hòa thượng Bố Đại, một hóa thân của Đức Di-lặc, với một bao bố trên vai lang thang trên trần thế này, và khi hỏi đường, thì không hỏi bảng chỉ đường, không hỏi những dấu hiệu, không hỏi người đi đường, không hỏi sắc thanh hương vị xúc pháp, mà đi hỏi một đám mây:

Mây trắng hỏi đường qua.

Có tự do nào hơn. Bởi vì tự thân Ngài không có chỗ trụ, con đường của Ngài không chỗ trụ nên Ngài hỏi một đám mây không chỗ trụ. Mà con đường không chỗ trụ thì con đường ở khắp tất cả. Hỏi đường và đi chỉ là một trò chơi không chỗ trụ của một con người tự do không chỗ trụ khi con đường không chỗ trụ luôn luôn hiện bày trước mắt.

Đức Phật đã nói trong kinh Nikaya: "Không dừng lại, không bước tới, Như Lai vượt khỏi bộc lưu".

Sau này, Thiền sư Triệu Châu nói: "Nơi nào không có Phật chớ dừng lại, nơi nào có Phật hãy đi qua".

Tất cả nói lên sự tự do không chỗ trụ của người đã thấy và sống trong tánh Không, đã là một với tánh Không.

Sự tự do ấy được ngài Long Thọ nói lên trong phần mở đầu của *Trung luận:*

Chẳng sanh cũng chẳng diệt,
Chẳng thường cũng chẳng đoạn,
Chẳng một cũng chẳng khác,
Chẳng đến cũng chẳng đi.

Sanh và diệt, thường và đoạn, một và khác, đến và đi, đó là con đường hạn hẹp trói buộc của thế gian, giới hạn giữa hai bờ sanh tử. Con đường của tự do thì vượt khỏi những biên giới của vô thường sanh tử.

Con đường ấy là sự tự do vô lượng vì nó tự do cả với sự tự do, không chỗ trụ cả với không chỗ trụ.

Thiền sư Vạn Hạnh trước khi tịch nói với các đệ tử: "Các ngươi muốn trụ chỗ nào? Ta chẳng lấy chỗ trụ mà trụ, cũng chẳng y vào chỗ không trụ mà trụ".

Nhưng chúng ta chớ suy nghĩ theo lối nhị nguyên, theo lối tuyến tính để cho rằng ở ngoài sắc thanh hương vị xúc pháp có cái gọi là tánh Không, và ngoài cái tánh Không không chỗ trụ này còn có tánh Không không chỗ trụ siêu việt hơn nữa.

Tánh Không không chỗ trụ vẫn hiển bày trong đời sống sắc thanh hương vị xúc pháp thường ngày. Tùy tâm thanh tịnh không chỗ trụ đến đâu thì thấy cảnh thanh tịnh không chỗ trụ đến đó. *Kinh Kim Cương* nói rất nhiều về tâm không chỗ trụ, đã mở đầu bằng:

"Tôi nghe như vầy: Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ, tại rừng Kỳ-đà trong vườn Cấp Cô Độc cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ đến giờ thọ trai, Ngài đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Trong thành, theo thứ lớp khất thực xong, trở về chỗ cũ. Thọ trai rồi, thu y bát, rửa chân, trải tòa mà ngồi".

Đây là cảnh giới thanh tịnh của tánh Không không chỗ trụ vẫn diễn ra mọi lúc mọi nơi trong đời sống hàng ngày.

Trong đời sống hàng ngày chúng ta vẫn nghe vẫn sống tánh Không không chỗ trụ ấy, dù ít dù nhiều, dù biết hay không. Vì trong thật tướng, đời sống hàng ngày vẫn vốn tự giải thoát, vốn tự thanh tịnh, vốn là tánh Không không chỗ trụ.

Con đường của tự do ấy vẫn đi giữa cuộc sống hàng ngày của mỗi người, chỉ có điều là không có bụi bặm của tâm thức.

Như Bàng Uẩn nói:

Hàng ngày việc không khác
Chỉ ta tự vui hòa
Vật vật không lấy bỏ
Chốn chốn chẳng trái ngăn.
Đỏ tía ai làm hiệu
Núi đồi bặt bụi trần
Gánh nước là diệu dụng
Bửa củi ấy thần thông. ■

Sớm muộn sẽ có *nghiệp quả*

TẤN NGHĨA

Dân gian thường nói, không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời. Rất khó giải thích về "ba họ" và "ba đời". Có người cho rằng "ba họ" có nghĩa là họ bên cha, họ bên mẹ và họ bên vợ (hay bên chồng) (?). "Không ai giàu ba họ" có nghĩa là trong ba họ trên chắc chắn sẽ có người nghèo. Tóm lại, hiểu theo cách này thì trong họ hàng gần chắc chắn có người nghèo. Điều này dường như không chắc đúng vì nếu họ gần của nhà vua đương quyền thì chắc cũng không đến nỗi nghèo. Cũng vậy, có người cho rằng "ba đời" có nghĩa là đời ông, đời cha và đời con. "Không ai khó ba đời" hiểu theo cách này có nghĩa là trong "ba đời" ấy chắc chắn có một đời không bị nghèo khó. Điều này dường như cũng không chắc đúng vì có nhiều trường hợp sự khó khăn cứ xảy ra nhiều trong nhiều thế hệ.

Một cách giải thích khác cho rằng "ba họ" đây có nghĩa là ba họ mà một người lần lượt tái sinh vào và "ba đời" đây là ba kiếp sống của một người. Nghĩa là câu tục ngữ này chỉ nói về chuyện sướng khổ của một cá nhân. Nếu theo cách giải thích này thì, nói chung, con người ta khi sống trong nhiều đời sẽ bị sướng khổ xảy ra luân phiên. Chuyện tiền thân Citta-Shambhuta kể lại một trường hợp như vậy.

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể lại khi trú tại Jetavana về hai người bạn đồng tu của Tôn giả Maha Kassapa sống rất hòa hợp với nhau. Chuyện kể rằng đôi bạn này vô cùng thân thiết, đã phân chia mọi thứ cùng nhau hết sức công bình, ngay cả khi khất thực, hai vị cũng cùng đi ra và cùng trở về với nhau, hai vị không chịu rời nhau. Trong Chánh pháp đường, Tăng chúng đang ngồi tán thán tình bằng hữu ấy thì bậc Đạo sư bước vào, hỏi chư vị bàn luận chuyện gì khi đang ngồi tại đó. Tăng chúng thưa lại với Ngài. Ngài đáp: "Này các Tỳ-kheo, tình bạn này trong một kiếp sống chẳng có gì kỳ lạ cả, vì các bậc trí nhân ngày xưa đã giữ được tình bằng hữu vững bền qua cả ba bốn kiếp sống". Nói vậy xong, Ngài kể cho Tăng chúng câu chuyện quá khứ.

Đức Phật thường khuyên răn các đệ tử khi nói chuyện chỉ nói những chuyện hướng tới mục đích giúp tăng cường sự tự điều chỉnh, không nói chuyện phiếm cho vui. Do đó, Ngài thường hay hỏi các đệ tử về câu chuyện đang bàn luận và thường mở rộng hay đào sâu câu chuyện ấy để khuyến khích sự tự điều chỉnh của các đệ tử. Chuyện này cũng vậy.

Một thuở nọ, trong nước Avanti, Bồ-tát tái sinh tại một làng Candala (Chiên-đà-la) ở ngoại ô của kinh thành Ujjeni. Một người khác lại sinh làm con trai của dì ruột ngài. Một cậu bé tên là Citta, cậu kia tên là Sambhuta.

Theo "tổng kết" dân gian, sung sướng (ta gọi là S cho gọn) vài đời thì sẽ cực khổ (ta gọi là K cho gọn) vài đời và ngược lại. Dân gian dừng lại ở "ba đời", nghĩa là có những khả năng sau: S-K-S (một đời sướng, đời kế tiếp khổ, đời kế tiếp sướng), K-S-K, K-K-S, S-S-K, K-S-S, S-K-K. Trường hợp S-K-S xảy ra khi đời đầu tiên, người này đã nhận được một hoàn cảnh sung sướng do các hành vi tốt trong quá khứ. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh sung sướng đó, người này làm nhiều điều xấu (ăn chơi, không bố thí, không học hành…) nên đời kế tiếp người ấy gặp hoàn cảnh khổ. Trong hoàn cảnh khổ như vậy, người này hạn chế các hành vi xấu và làm nhiều hành vi tốt (chăm chỉ, chịu khó…) nên trong đời sống kế tiếp lại được sống trong hoàn cảnh sung sướng. Hai khả năng S-S-S và K-K-K được cho là "không có", ta nên hiểu là hiếm có. Trường hợp S-S-S xảy ra khi người đó làm nhiều điều rất tốt nên đời đầu tiên sướng. Trong hoàn cảnh sướng, người này tiếp tục làm nhiều điều tốt trong đời thứ hai. Người này

có thể làm một số điều xấu nhưng không đáng kể so với điều tốt trong đời thứ nhất nên vẫn tiếp tục sướng. Cũng có trường hợp do đời đầu tiên làm điều quá tốt (bố thí đến các vị tu hành chân chính, học tập, không làm các lỗi lầm…) nên đến đời thứ hai, người ấy làm nhiều điều xấu ít điều tốt nhưng vẫn tiếp tục sướng. Kế đến trong đời thứ ba điều tốt làm được trong hai đời trước vẫn tiếp tục trổ quả nên người này tiếp tục sướng. Tuy nhiên hành vi xấu trong hai kiếp trước tích lũy cũng bắt đầu nhiều, cộng thêm với điều xấu làm trong đời thứ ba sẽ làm cho đời thứ tư của người này có khả năng rơi vào cảnh khổ. Trường hợp K-K-K cũng tương tự (với tốt, xấu đổi vai trò). Đây là trường hợp xảy ra trong câu chuyện này, chúng ta sẽ theo dõi xem nó phát triển như thế nào. Hai cậu bé Citta, Shambhuta rơi vào giai cấp Candala là giai cấp thấp nhất ở Ấn Độ. Như vậy, các hành vi xấu trong quá khứ đã tích lũy đủ để họ tái sinh vào hoàn cảnh không thuận lợi.

Hai cậu bé lớn lên học được nghề quét bằng chổi và đi trình diễn nghề này tại cổng thành. Một cậu biểu diễn tại cửa Bắc, một cậu biểu diễn tại cửa Đông.

Như vậy, trong đời sống này, hai cậu bé rất chăm chỉ và học nghề quét bằng chổi gia truyền rất nghiêm túc và thấy được cái hay của nghề quét chổi nên rất hào hứng trong việc đi biểu diễn. Đối với họ, việc quét bằng chổi là việc nghiêm túc, đáng để tâm học hỏi, nên cho mọi người thấy họ quét hay như thế nào.

Bấy giờ trong kinh thành có hai nữ nhân giỏi nghề xem tướng, một người là con gái một thương nhân, người kia là con một vị tế sư. Hai cô gái ấy đi vui chơi trong vườn thượng uyển, sau khi bảo gia nhân đem theo đủ loại thực phẩm cứng, mềm, vòng hoa hương liệu thì ngẫu nhiên một người đi ra cửa Bắc và một người đi ra cửa Đông. Khi thấy hai thanh niên Candala biểu diễn tay nghề liền cho rằng xui xẻo và đi về.

Nghiệp quả xấu đã xảy ra cho hai chàng trai. Hai cô gái ngẫu nhiên đi chơi đến hai cửa gặp hai chàng quét rác và có cùng phản ứng.

Đám dân chúng la lớn: "Này bọn hạ đẳng tồi tàn kia, chúng bay đã làm chúng ta mất phần cơm rượu đáng lẽ được hưởng miễn phí đấy!". Mỗi chàng bị một trận nhừ tử. Khi tỉnh lại, họ đi tìm nhau, kể cho nhau nghe tai họa đã đến cho mình ra sao rồi than khóc kêu gào và cố nghĩ cách thoát khỏi tình thế này. Cả hai suy nghĩ: "Tất cả việc khốn nạn này đã giáng xuống chúng ta chỉ vì dòng giống ta sinh ra. Ta sẽ chẳng bao giờ làm kẻ Candala nữa mà ta phải giấu tung tích dòng họ rồi đi tới Takkasila, giả dạng các chàng trai Bà-la-môn và học tập tại đó". Sau khi quyết định như vậy, cả hai đến Takkasila học với một vị thầy danh tiếng lẫy lừng. Bậc trí nhân Citta học tập thành công nhưng Sambhuta thì không được như thế.

Hai chàng trai có khả năng học tập như vậy, chắc chắn tướng mạo của họ cũng có gì đó đặc biệt. Chuyện cho biết hai nữ nhân đầu câu chuyện rất giỏi xem tướng. Tuy nhiên, khi họ gặp hai chàng trai đều không thấy được nét đặc biệt trong tướng mạo hai người này. Như vậy, nghiệp xấu có thể đưa đẩy đến chỗ những ưu điểm của một người bị hoàn cảnh che lấp hoàn toàn. Có thể có người rất giỏi nhưng chẳng ai để ý trong khi một người kém hơn có thể nổi bật hơn. Hai chàng trai thấy được tình thế tuyệt vọng của mình: dù làm công việc tốt đến mấy cũng bị khinh rẻ. Thế là họ tìm cách để đi học. Việc học hành này sẽ tích lũy hành vi tốt cho họ và điều này sẽ ảnh hưởng tới tương lai của họ. Đó là điểm khởi đầu của việc chuyển từ một đời sống khổ sang một đời sống sướng. Câu chuyện kể tiếp.

Một ngày kia có người dân làng mời vị thầy ấy với ý định cúng dường thực phẩm cho các Bà-la-môn. Bấy giờ do ngẫu nhiên mưa suốt đêm làm ngập lụt mọi hang hốc trên đường đi. Sáng sớm hôm sau, vị thầy gọi nhà hiền trí Citta vào và bảo học trò thay mình dẫn các thanh niên Bà-la-môn đi đến làng nọ. Khi đến nơi, dân làng dọn món cháo gạo nóng đã chuẩn bị để mời khách quý. Trước khi cháo nguội, các thanh niên Bà-la-môn đã đến ngồi xuống. Dân chúng dâng nước cúng dường và đặt các bát cháo trước mặt họ. Chàng Sambhuta tưởng cháo nguội nên múc một hớp bỏ vào miệng, song nó nóng bỏng như cục sắt nóng đỏ. Trong lúc đau đớn, chàng quên mất vai trò của mình, liếc qua bậc hiền trí Citta và nói bằng tiếng của dân Candala: "Cháo nóng quá phải chăng?". Citta cũng quên mất vai trò của mình nên đáp lại cũng bằng ngôn ngữ Candala: "Nhổ ra, nhổ ra mau". Nghe thế đám thanh niên nhìn nhau bảo: "Loại ngôn ngữ gì thế này?". Lúc ấy bậc trí Citta vội nói lời chúc lành cho tất cả.

Hai anh đã rất cố gắng học tập, người anh đã trở thành người học trò đứng đầu trong lớp học của vị thầy và được thầy giao các công việc thay cho thầy. Tuy cố gắng như vậy, nghiệp xấu của hai người tiếp tục xảy ra rất ngẫu nhiên. Trời ngẫu nhiên mưa làm Citta phải thay thầy dẫn các thanh niên đi dự buổi cúng dường. Sambhuta ngẫu nhiên ăn phải cháo nóng. Hai anh em buột miệng nói bằng tiếng Candala. Như thế, khi đã trong hoàn cảnh khổ, sự cố gắng phấn đấu rất dễ dàng bị hủy hoại.

Khi các nam tử kia về nhà, họ tụ tập bàn luận và phát hiện các câu nói kỳ lạ kia là ngôn ngữ của đẳng cấp Candala. Thế là họ kêu to: "Quân hạ đẳng tồi tàn kia! Các người đã lừa dối cả bọn ta lâu nay". Rồi họ đánh đập hai vị ấy. Một người tốt bụng xua đuổi họ đi và nói: "Đi ngay! Vết nhục nằm trong huyết thống kia. Phải đi ngay đến đâu đó mà làm ẩn sĩ khổ hạnh". Hai vị đi vào trong rừng sống đời sống khổ hạnh, sau một thời gian tái sinh làm hai chú nai bên bờ sông Neranjara (Ni-liên-thuyền). Từ lúc sinh ra chúng luôn ở bên nhau. Một ngày kia, sau khi chúng ăn xong, một người thợ săn thấy chúng dưới gốc cây đang ngồi nhai lại, âu yếm vuốt ve nhau rất hạnh phúc, đầu sát đầu, mõm kề mõm, sừng bên sừng. Gã liền phóng lao giết trọn cả hai. Sau khi chết, hai con nai lại tái sanh làm con của chim ưng biển bên bờ Nerbuddha. Cũng tại đó, chúng lớn lên. Sau khi ăn xong lại ôm ấp đầu sát đầu, mỏ sát mỏ. Một kẻ bẫy chim thấy, bắt cả hai mà giết đi.

Nghiệp xấu tiếp tục đeo đuổi hai vị. Người tốt bụng biết cái nghiệp nhục nhã của hai người này đã thấm vào huyết thống của họ trong kiếp đó. Do đó chỉ còn cách tự

điều chỉnh tích cực thì mới thay đổi được. Hai anh em đã thực hiện như vậy, tuy nhiên việc tự điều chỉnh đó cũng chưa đủ làm cho nghiệp của họ thay đổi ngay. Trong hai đời liên tiếp họ tái sinh làm súc vật và bị giết. Như vậy có thể nói là họ bị lâm vào cảnh khổ-khổ-khổ (K-K-K) trong ba đời liên tiếp. Sau khi "khổ ba đời", các cố gắng làm điều tốt của hai vị bắt đầu có kết quả. Câu chuyện kể tiếp.

Sau đó bậc trí giả Citta tái sinh làm con vị tế sư tại Kosambi, còn Sambhuta tái sinh làm vương tử của vua Uttarapancala. Ngay từ ngày được đặt tên, các hài nhi đã có khả năng nhớ lại các tiền kiếp của mình. Sambhuta không nhớ hết tất cả các kiếp, cậu chỉ nhớ kiếp thứ tư hoặc kiếp Candala. Citta thì nhớ đủ bốn kiếp theo thứ tự.

Thế là, khi nghiệp xấu cạn dần, cộng với sự cố gắng rất nhiều để tự điều chỉnh bản thân trong cuối kiếp thứ nhất, hai vị bắt đầu có hoàn cảnh sướng. Câu "không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời" bắt đầu ứng nghiệm. Câu chuyện cũng cho biết một chi tiết quan trọng trong đời sống: những đứa trẻ sơ sinh có khi còn nhớ kiếp sống cũ của nó. Có thể trong trường hợp này nhiều đứa trẻ khóc không ngừng vì nhớ tiếc đời sống trước mà không thể nói năng gì được. Dân gian có một cách chữa trẻ khóc nhiều (mà không có bệnh tật gì) bằng cách đem ra chùa làm một thủ tục "khoán cho nhà chùa" và đứa trẻ hết khóc. Quay trở lại câu chuyện.

Khi Citta được mười sáu tuổi, chàng xuất gia làm ẩn sĩ khổ hạnh ở vùng Tuyết Sơn. Còn bậc trí giả Sambhuta, sau khi phụ vương băng hà, liền được giương chiếc lọng trắng trên đầu và đúng ngày lên ngôi, giữa đông đảo quần thần, ngài làm một bài đạo ca tức vị, rồi rung cảm ngâm lên hai đoạn. Khi quần thần nghe xong, đám cung phi và nhạc công đều ca hát, bảo nhau rằng: "Đây là ca khúc đăng quang của đức chúa thượng của chúng ta". Dần dà, dân chúng đều hát ca khúc ấy vì đó là thánh đạo ca được đức vua yêu thích.

Với kiếp sống đầu tiên, trong đẳng cấp Candala, Sambhuta học nghề quét chổi nghiêm túc, tốn thời gian, thế nhưng ngay khi biểu diễn liền bị người ta khinh rẻ, đánh đập. Với sự đáp trả của hoàn cảnh như vậy, thông thường những người trong hoàn cảnh khó khăn dễ có tâm trạng so bì: "Thật là không công bằng, mình cố gắng hơn người kia, có khả năng hơn, mà vẫn không được đánh giá cao" và trở thành kẻ "hận đời" và nản chí. Suy nghĩ không tích cực đó không làm giảm đi sự khó khăn của hoàn cảnh mà nhiều khi còn tạo ra nhiều khó khăn mới.

Khi lọt vào hoàn cảnh sướng, một câu nói đơn giản của mình cũng được mọi người yêu quý truyền tụng. Nhà vua có bài đạo ca được mọi người truyền tụng trong khi ngài chẳng cố gắng sáng tác gì nhiều. Cũng tương tự, người trong hoàn cảnh thuận lợi làm gì cũng thấy được ca ngợi, hoan nghênh nên cũng có thể nghĩ rằng: "Ồ, mình rất giỏi, làm gì cũng thành công" và tự nghĩ rằng "mình có khả năng làm được mọi việc". Sự kiêu ngạo này sẽ làm giảm đi nghiệp tốt của bản thân, tăng thêm các hậu quả xấu trong tương lai. Tổng kết lại các phản ứng đúng đắn cần phải có của cá nhân trong hai hoàn cảnh sướng và khổ, dân gian thường nói "thắng không kiêu, bại không nản".

Bậc trí giả Citta đang an trú tại Tuyết Sơn, tự hỏi không biết hiền đệ Sambhuta của ngài đã được giương chiếc lọng che ấy chưa. Khi nhận thấy việc ấy đã xảy ra, ngài nghĩ: "Ta chẳng bao giờ đủ sức giáo hóa một vị vua trẻ, khi nào em ta đã già rồi ta sẽ đến thăm và khuyên nhủ em ta đi làm ẩn sĩ khổ hạnh". Suốt năm mươi năm ngài không hề thăm viếng và trong thời gian ấy nhà vua cứ đông con cái lên dần. Về sau nhờ thần lực, trí giả Citta phi hành đến vườn ngự uyển đáp xuống, ngồi trên bảo tọa phong vương như một bức tượng bằng vàng. Vừa lúc ấy có một chàng trai kiếm củi, đang lúc làm việc lại hát khúc đạo ca ấy. Bậc trí giả gọi chàng trai lại gần, dạy cho một khúc hát rồi bảo: "Khi nào nhà vua hát hai khúc ca của ngài thì ngươi xin hát khúc thứ ba, vua sẽ trọng thưởng cho ngươi". Chàng trai vâng lời, mặc y phục tề chỉnh rồi vào cung xin gặp nhà vua và xin nhà vua ngâm khúc đạo ca. Nhà vua liền ngâm:

Chóng chầy thiện nghiệp đều mang trái,
Không nghiệp gì không có quả sanh,
Chẳng có việc lành nào uổng phí:
Sambhu ta thấy lớn lên thành,
Hùng cường vĩ đại và như thế
Công đức ngài đem đến quả lành.
Chóng chầy thiện nghiệp đều mang trái,

Không nghiệp gì không có quả sanh,
Chẳng có việc lành nào uổng phí:
Citta, ai biết có vinh quang
Giống như phần trẫm tâm hiền hữu
Có được an vui lợi lạc chăng?

Nhà vua nhớ được kiếp Candala của mình, thấy được kết quả sự cố gắng làm điều lành của mình đã mang lại kết quả làm vua. Vì thế ngài khẳng định: "Chóng chầy thiện nghiệp đều mang quả". Một người khi đã ở hoàn cảnh khổ, làm điều tốt nhưng lại gặp toàn cảnh oan trái liền cho rằng "làm điều thiện chưa chắc nhận được điều tốt". Thực ra, "làm điều tốt" là gieo hạt giống cho tương lai (gần hay xa), và khi gieo hạt giống thì cần phải có thời gian mới trổ quả, trong câu chuyện này là trải qua bốn kiếp sống. Còn "toàn gặp cảnh oan trái" là do hạt giống xấu mà ta đã gieo trong quá khứ, bây giờ trổ quả. Điều này cũng như trước kia ta gieo hạt giống khổ qua, đến khi khổ qua có trái ta bắt đầu gieo giống cây mít. Ta thu hoạch khổ qua ăn thấy đắng liền phàn nàn: gieo giống mít ngọt mà sao ăn toàn khổ qua đắng. Ai cũng biết rằng muốn ăn mít ngọt ta phải đợi cây mít lớn lên rồi trổ quả. Câu chuyện tiếp tục:

Khúc đạo ca vừa chấm dứt, chàng trai liền đáp khúc thứ ba:

Thiện nghiệp chóng chầy đều mang quả,
Nghiệp nào mà chẳng quả lai sanh,
Không gì vô ích tâu hoàng thượng,
Xin ngắm Citta tại cổng thành,
Chẳng khác quân vương tâm vị ấy
Đã đem hỷ lạc đến cho mình.

Nhà vua nghe tin rất mừng vì gặp lại hiền giả Citta nên đón tiếp rất trọng thể. Hiền giả Citta nhắc lại các kiếp quá khứ cho nhà vua nghe:

Giống dòng hạ đẳng bước hai chân,
Hạ liệt Chiên-đà nhất thế gian,
Khi nghiệp chín làm phần thưởng quí,
Hai ta cùng có một tiền thân.

Tại A-van, bạn trẻ Chiên-đà,
Là cặp nai vàng bến nước xưa,
Đôi chú chim ưng bờ Niết-bút,
Giờ đây giáo sĩ, đó làm vua.

Nhà vua thấy được việc làm điều thiện mang lại hoàn cảnh tốt. Tuy nhiên, khi đang trong hoàn cảnh tốt thì ta phải làm gì? Hiền giả Citta cho biết:

Đời người ngắn ngủi, chết cùng đường,
Già cả không nơi chốn náu nương,
Này hỡi Panca xin thực hiện
Những gì ta khuyến nhủ Quân vương,
Tránh xa tất cả hành vi ác
Đưa đẩy vào đau khổ đoạn trường.

Nhà vua rất hoan hỷ khi nghe bậc Đại nhân khuyến giáo nhưng ngài bảo:

Lời kia Tôn giả quả toàn chân
Ngài dạy như lời đại Thánh nhân,
Song dục tham ta đều khó bỏ,
Với người như trẫm chúng vô cùng.

Trong hoàn cảnh sung sướng thì khó bỏ các ham muốn để tự điều chỉnh bản thân. Điều này sẽ dẫn đến hoàn cảnh khổ trong tương lai. Ngài Citta thấy rõ điều này hơn nhà vua. Ngài khuyên nhủ:

Ngài không thể bỏ hỡi quân vương,
Các dục tham đây cũng thế thường,
Vậy chớ bắt dân nhiều thuế nặng,
Trị sao cho chúng thấy công bằng.

Gửi sứ thần đi khắp bốn phương,
Mời người khổ hạnh, Bà-la-môn,
Cúng dường thực phẩm nhà an nghỉ,
Xiêm áo và luôn mọi thứ cần.

Đem thức uống ăn để đãi đằng
Bà-la-môn, thánh giả, hiền nhân,
Tâm đầy thành tín, ai ban phát,
Và trị dân tài đức hết lòng,
Người ấy sẽ đi lên thượng giới,
Lỗi lầm không có, lúc vong thân.

Song nếu vây quanh bởi má hồng,
Dục tham, ngài thấy, quá say nồng,
Trong tâm hãy nhớ vần thi kệ,
Và hát hò lên giữa đám đông:

"Dưới trời không mái để che thân
Bầy chó xưa cùng nó ngủ lăn
Mẹ nó cho ăn lúc bước vội
Mà nay thành một vị quân vương".

Ngài Citta đã thấy con đường thoái hóa từ sướng tới khổ. Do đó, ngài khuyên nhủ nhà vua làm các việc tốt, nếu không sẽ lại gặp cảnh khổ như ba kiếp trước. Sau đó ngài bảo:

"Ta đã khuyên nhủ Đại vương rồi. Bây giờ Đại vương có muốn làm người tu khổ hạnh hay không là tùy ý Đại vương, song ta sẽ theo đúng nghiệp quả của chính ta làm". Sau đó ngài giã từ nhà vua trong dáng điệu phi thường rồi bay về núi Tuyết. Nhà vua rất xúc động nên từ bỏ ngai vàng đi vào núi Tuyết. Bậc Đại nhân Citta dạy cho nhà vua thiền định. Cả hai về sau đều cùng sanh lên cõi Phạm Thiên.

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư bảo: "Như vậy, này các Tỷ-kheo, các bậc trí nhân ngày xưa giữ vững tình bằng hữu lâu dài qua ba bốn kiếp sống". Rồi Ngài nhận diện tiền thân: "Vào thời ấy, Ananda là trí giả Sambhuta và Ta chính là trí giả Citta vậy". ■

Giám trai Bồ-tát

Bài & ảnh: **TÂN NGOẠN**

Đường đời là một con đường, đi, đi hoài, đi mãi mà vẫn chưa tới đích. Cũng trên con đường đó có khi ta thường xuyên đi lui, đi tới mà không nhớ hết những chi tiết xung quanh. Nhất là lúc chúng ta ngồi trên xe được người khác chở đi, thì có khi đi rất nhiều lần vẫn không nhớ đường. Nhưng nếu chúng ta tự tìm đường mà đi thì rất dễ nhớ. Tôi đã đi chiêm bái khá nhiều chùa, kể cả trong Nam ngoài Bắc. Tuy vậy tôi không biết Đức Giám trai Bồ-tát là ai và thân thế, sự tích của ngài ra sao. Tôi chắc một vài con nhang đệ tử cũng không khác gì tôi, đến chùa mà chưa biết Phật. Vì vậy ở đời dù lớn dù nhỏ cái gì cũng phải học; học bao nhiêu cũng thấy không đủ. Tôi mạo muội ghi chép lại câu chuyện này ngõ hầu làm vui lòng những vị nào cũng có hoàn cảnh như tôi.

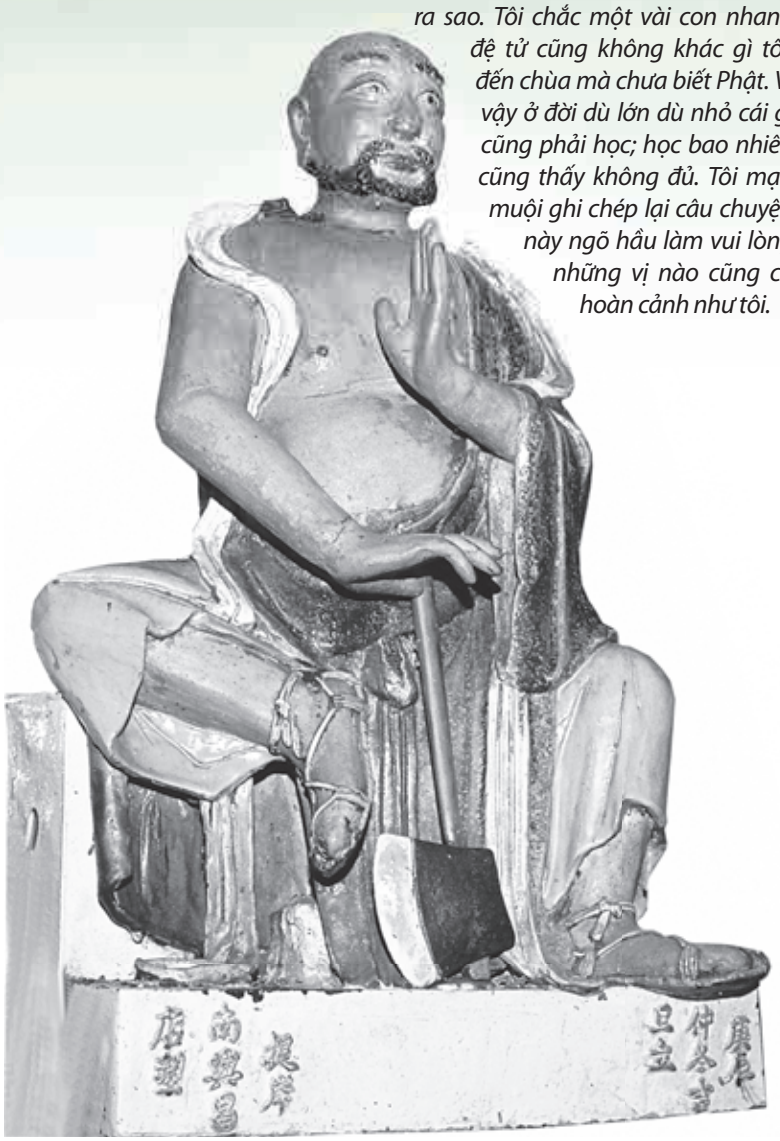

Tượng Giám trai tại chùa Giác Viên

Năm 2010, tôi có sưu tập được một tượng gốm Cây Mai bị gãy mất hai tay nhưng không biết là tượng gì. Mới nhìn qua thì tưởng đây là tượng Tổ sư Bồ-đề Đạt-ma, nhưng sau khi phân tích kỹ mới biết không phải. Hỏi nhiều người nhưng cũng không ai biết đích xác. Cũng có một vài người trong Hội Cổ vật TP.HCM bảo là tượng Giám trai nhưng cũng không chắc 100%. Để hiểu về bức tượng ấy, chúng tôi đã tìm hiểu qua sách báo và chủ yếu là các thông tin trên mạng.

Sau đây là những tư liệu mà chúng tôi thu thập được.

I. Tích Giám trai:

Đức Giám trai được thờ cúng không nhiều ở trong các chùa. Chúng tôi cũng có tới thăm nhiều chùa ở phía Bắc nhưng chưa gặp tượng này, cũng có thể là tượng thờ này chỉ thờ trong trai đường hoặc nhà bếp nên chúng tôi không được biết. Ở các chùa phía Nam thì cũng không phải chùa nào cũng có thờ Đức Giám trai nên cũng không mấy quen thuộc đối với những người chưa đi sâu vào nghiên cứu về Phật giáo. Lượng thông tin về Giám trai khá khiêm tốn. Có nhiều ý kiến chưa hoàn toàn giống nhau và mọi tư liệu đều chỉ mang tính tham khảo.

1. Theo tra cứu trên mạng thì có trang cho rằng kinh sách có nói thuở trước có một vị Tăng chuyên lo công việc ở nhà trù để phục vụ cho toàn thể Tăng chúng trong chùa. Một hôm trong lúc nấu cơm thì hết củi. Không biết làm sao cho kịp buổi cúng ngọ, ngài đã phát nguyện đưa cả đôi tay vào làm củi. Ngọn lửa từ đôi tay đã cháy lên giúp nấu chín nồi cơm. Sự hy sinh dũng cảm của ngài đã được ghi nhận và ngài trở thành vị Bồ-tát được thờ phụng trong các trai đường hoặc các nhà trù ở các chùa. Trong các bài kinh khẩn nguyện có câu: *Nam mô Giám trai Bồ-tát*. Câu chuyện trên có nhiều ý nghĩa đặc biệt là về phẩm hạnh của một vị chân tu.

2. Theo trang web Nghệ thuật Phật giáo thì Giám trai sứ giả là vị thiên thần trông nom việc ăn uống cho chúng Tăng. Vì có công đức hộ pháp, giữ gìn chốn già-lam nên được tôn xưng Bồ-tát. Giám trai sứ giả thường được thờ ở trai đường hoặc nhà trù trong các chùa viện ở Trung Hoa và Việt Nam. Tôn hiệu của Giám trai được chư Tăng xưng niệm mỗi ngày trong lễ cúng Ngọ: Nam mô Giám trai sứ giả Bồ-tát. Hình tượng của Giám trai rất đa dạng. Theo *Phật quang đại từ điển*, tượng Giám trai có mặt xanh, tóc đỏ; hình dạng thiên thần kỳ dị và uy dũng. Tại chùa Thiếu Lâm (Trung Quốc), tượng

Giám trai có mặt đen, tay cầm búa, mạnh mẽ, võ nghệ siêu phàm (Thích Đức Niệm, *Pháp ngữ lục*, Nguồn gốc võ Thiếu lâm). Nhưng Giám trai ở các chùa Việt thì có hình dáng bình dị, gần gũi với con người. Giám trai chùa Tây Phương (Hà Tây) có dáng dấp của vị quan văn nho nhã, đội mũ cánh chuồn, chân đi hài, ngồi trên bục (Chu Quang Trứ, *Chùa Tây Phương*). Còn Giám trai ở Hội Linh cổ tự (Cần Thơ) thì bình dị như nông dân, ngài ngồi trong tư thế nghỉ ngơi, một tay tì lên cán búa dựng trước ngực, ở trần, quần vận lưng, mặt xương, má lõm, đôi mắt sáng quắc (Phan Hữu Tường, *Hội Linh cổ tự*). Và đây cũng là hình tượng Giám trai sứ giả Bồ-tát phổ biến ở các chùa miền Nam.

Về sử liệu liên quan đến Giám trai sứ giả, hiện chúng tôi được biết có hai quan niệm. Thứ nhất, Giám trai là hiện thân của La-hán Tân-đầu-lô Phả-la-đọa (Pindola Bhàradvàja). Theo *Thích-thị Yếu-lãm* (quyển hạ) và *Đạo An truyện* thì việc thờ Thánh tăng Tân-đầu-lô trong trai đường bắt nguồn từ ngài Đạo An (312-385): *"Đạo An pháp-sư mộng thấy một nhà sư người Hồ (Ấn) tóc bạc mày dài, nói rằng: Cứ hàng ngày dọn cơm cho ta ăn, về sau sẽ có Luật Thập tụng. Đạo An biết ngay rằng đó là La-hán Tân-đầu-lô bèn dựng bệ thờ trong thực đường, đặt thức ăn cúng dường. Về sau, các chùa lấy đó làm phép tắc".* Từ cơ sở này, truyện *Hai con cọp tinh ở Hoành Sơn* (đời Đường) thuật: "Trong nhà trai thờ tượng cốt một vị Tăng, lông mày trắng rủ dài, hiệu Giám trai sứ giả Tân-đầu-lô Phả-la-đọa-xà Tôn giả" (Minh Chiếu sưu tập, *Truyện cổ Phật giáo*, tập II). Quan niệm này ngoài Đạo An truyện, có thể ảnh hưởng từ danh hiệu đệ nhất ứng cúng và tư tưởng của bộ *Pháp Trụ Ký* cho rằng La-hán Tân-đầu-lô phụng hành ý chỉ Phật, ở lại trần gian ủng hộ, xiển dương Phật pháp. La-hán *"mày trắng"* đã thị hiện ứng cúng trong lễ cúng dường của vua A-dục, hóa độ Lương Võ Đế và xác chứng sự nghiệp phiên dịch kinh điển của Đạo An, v.v. Tuy vậy, căn cứ vào *Tăng nhất A-hàm I* và *Tăng chi bộ I* thì Tôn giả Tân-đầu-lô chỉ là vị Thánh đệ tử bậc nhất về hàng phục ngoại đạo, rống tiếng rống sư tử.

Một quan niệm khác về Giám trai sứ giả, theo *Thủ Lăng Nghiêm Tông Thông*, quyển VI, mục IV - Nhĩ căn viên thông (đời Minh), dẫn tích rằng ngài là thị hiện của thần Khẩn-na-la vương, một vị thần Già-lam thủ hộ chùa Thiếu Lâm (thời Tam Quốc), có công đánh đuổi giặc cướp. Vị lão tăng ở Thiếu Lâm tự suốt ngày chỉ bổ củi, nấu cơm nhưng khi đối diện với giặc cướp thì công thủ phi phàm, bảo vệ bình yên ngôi Tam bảo rồi sau đó mai danh ẩn tích. Vì thế, chư Tăng chùa Thiếu Lâm tạc tượng ngài sắc mặt đen, tay cầm búa để thờ trong trai đường và nhà trù, xưng Giám trai sứ giả đồng thời còn tôn xưng Khẩn-na-la Vương Bồ-tát. Thực ra, Khẩn-na-la Vương là Ca thần hay Nghi thần, thần pháp nhạc của Đế-thích thuộc Bát bộ chúng, phát nguyện ủng hộ Phật pháp, giỏi về tấu pháp nhạc như Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục ba-la-mật… Trong Nghi thức chúc tán Giám trai (*Nghi lễ* - Thích Hoàn Thông), có xưng niệm danh hiệu *Nam-mô Giám trai sứ giả Đại Thánh Khẩn-na-la Vương chi thần*. Rõ ràng quan niệm về Giám trai sứ giả Đại thánh Khẩn-na-la Vương chi thần trong Nghi thức chúc tán Giám trai có nguồn gốc từ vị Giám trai sứ giả chùa Thiếu Lâm, hiện thân của Khẩn-na-la Vương Bồ-tát, một trong ba mươi hai thân của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Trở lại vấn đề tượng Giám trai sứ giả Bồ-tát với hình dáng ngồi ở trần, tay cầm búa, dáng vẻ thong dong tự tại hiện được tôn thờ khá phổ biến ở Nam Bộ cùng với tôn hiệu Giám trai sứ giả Đại Thánh Khẩn-na-la Vương chi thần, cho thấy vị Giám trai "cầm búa, bổ củi, nấu cơm" ở các chùa miền Nam có xuất xứ từ "vị Giám trai sứ giả mặt đen, tay cầm búa" của chùa Thiếu Lâm, Trung Quốc. (từ Quảng Tánh - Huyền Ngu - *Phật pháp Bách vấn)*.

3. Chúng tôi có đến thăm chùa Giác Viên và chùa Gò (Phụng Sơn tự) và hỏi các vị trụ trì của chùa về sự tích Đức Giám trai Bồ-tát thì đều được trả lời: đấy là một vị Tăng phục vụ trong trai đường và nhà trù (nhà bếp) của chùa. Trong quá trình phục vụ đã có nhiều công quả nên trở thành chánh quả và thành vị Bồ-tát. Ngài được thờ phụng ở trai đường trong chùa. Riêng vị trù trì chùa Vạn Thọ thì cho biết thêm, Đức Giám trai là một biểu tượng cho chúng sinh, nguyên trước khi thành chánh quả, ngài là một người mang đầy đủ thất tình lục dục nhất là thích ăn uống. Cơ duyên đưa Ngài đến cửa chùa và trong quá trình làm việc cho trai đường, ngài đã giác ngộ đóng góp nhiều công quả nên đắc đạo và trở thành Bồ-tát.

Tượng Giám trai của nhà sưu tập Võ Minh Mẫn

Sự tích này như một việc khuyên dạy chúng sinh: chỉ cần có căn tu có lòng hướng Phật thì dù là một chúng sinh bình thường khi quay về hướng Phật một lòng chuyên tu thì vẫn có thể trở thành chánh quả.

II. Phần mô tả

Để có thể khẳng định đây là tượng Giám trai, chúng tôi đã đến thăm chùa Giác Viên, Phụng Sơn tự và chùa Vạn Thọ.

Ở chùa Vạn Thọ không có tượng và vị trí thờ Giám trai Bồ-tát (Theo sư trụ trì tuy không có thờ Giám trai nhưng hàng ngày trước khi ăn uống khi niệm kinh đều có niệm Giám trai Bồ-tát.

Ở chùa Phụng Sơn tự tuy có thờ Giám trai nhưng tượng thờ lại được làm bằng xi-măng và sơn nhũ vàng phủ lên nên chúng tôi chỉ đăng ảnh để tham khảo.

1. Tượng Giám trai tại chùa Giác Viên

Trong ba tượng Giám trai bằng gốm Cây Mai mà chúng tôi được biết thì tượng ở chùa Giác Viên là đẹp nhất và giá

trị nhất vì trên bệ tượng còn ghi rõ lạc khoản gồm thời gian và nơi chế tác.

Tượng Giám trai được chế tác có phong cách giống với các tượng Thập bát La-hán. Một tay chắp trước ngực, một tay chống trên cán búa phong thái ung dung tự tại và rất mạnh mẽ mang phong cách của con nhà võ. Các đường nét của quần áo, dải khăn đều rất tinh tế mềm mại và rất mỹ thuật. Đặc biệt đôi dép được chế tác quá xuất sắc làm cho bức tượng hài hòa, cân đối và rất có thần thái.

Phía trước bệ tượng nhìn từ ngoài vào bên phải có đắp nổi bảy chữ Hán: "Canh Thìn, trọng đông cát đán lập" (có nghĩa là được làm ngày lành tháng 11 năm Canh Thìn).

Phía bên trái đắp nổi bảy chữ Hán: Đề Ngạn Nam Hưng Xương Điếm Tố (có nghĩa là tiệm đắp tượng Nam Hưng Xương Đề Ngạn (Sài Gòn xưa).

Năm Canh Thìn ở đây theo một số nhà nghiên cứu thì đây là năm 1880. (Nhưng theo tôi để có thể tính chính xác hơn thì còn phải tìm hiểu thêm về lạc khoản thứ hai ở bên trái về tên Đề Ngạn chỉ địa danh Sài Gòn Chợ Lớn trong khoảng thời gian nào tiệm đắp tượng Nam Hưng Xương hoạt động trong thời gian nào kết hợp với năm xây chùa Giác Viên để tính).

Tượng chúng tôi sưu tập được

Kích thước của tượng khoảng 80cm; màu men ở dải áo, quần, lưỡi búa và nhất là môi và móng tay móng chân có thể đã được dùng sơn vẽ phủ lên (Vì tượng để trên cao xung quanh có nhiều ảnh và tượng thờ khác, ánh sáng lại không đầy đủ nên chúng tôi thực sự không dám chắc chắn về nhận xét của mình).

2. Tượng Giám trai của nhà sưu tập Võ Minh Mẫn

Trong dịp ghé thăm nhà mấy người bạn sưu tầm cổ vật ở Cần Thơ chúng tôi có gặp một tượng Giám trai.

Tượng này cũng có chiều cao khoảng 70cm-80cm. Tượng này chế tác có phần đơn giản hơn, màu áo là màu xanh cô-ban phía trong có lót áo trắng. Tay phải cầm búa nhưng búa đã bị gãy, còn lại lưỡi búa (chủ nhân để dưới bệ tượng).

3. Tượng chúng tôi sưu tập được

Tượng này hiện thuộc sở hữu của một người trong Hội Cổ vật TP.HCM.

Tượng chúng tôi sưu tập được có chiều cao 75cm, đầu có đội khăn gần giống như khăn đội trên đầu tượng Quán Thế Âm Bồ-tát. Tượng có ba lớp áo: trắng, xanh cô-ban và áo khoác ngoài xanh lục đậu. Cả tượng số hai và số ba đều để chân trần, có tư thế ngồi gần giống. Tuy bị gãy hai bàn tay nhưng theo chủ cũ cho biết thì có tay trái để trên đùi và tay phải như đang cầm một vật gì đó, chúng tôi cho là cầm búa.

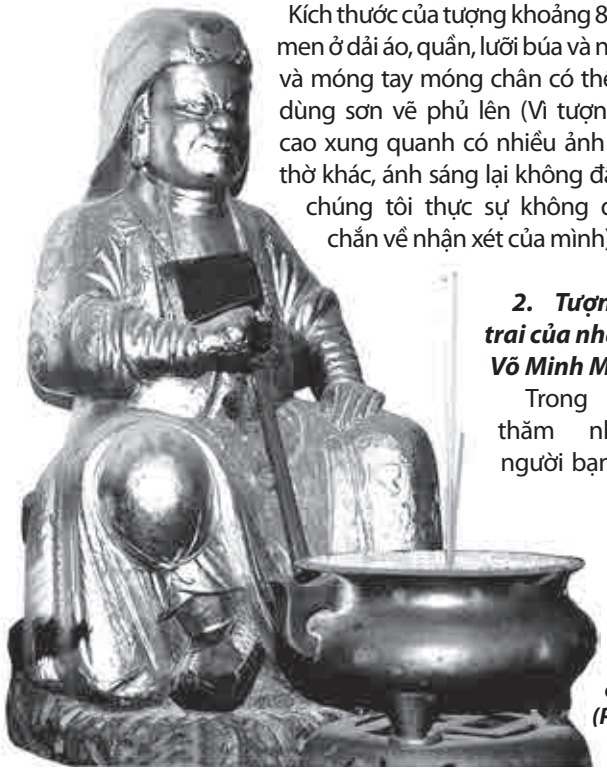

Tượng Giám trai ở chùa Gò (Phụng Sơn tự)

4. Tượng Giám trai ở chùa Gò (Phụng Sơn tự)

Tượng Giám trai này được đắp bằng xi-măng sơn nhũ vàng, vì vậy chúng tôi chỉ giới thiệu có tính chất tham khảo.

III. Nhận xét

Sau khi quan sát các bức tượng trên, chúng tôi sơ bộ có một nhận xét chung là các tượng này đều được chế tác rất tự nhiên, tư thế ngồi, trang phục... hết sức đời thường. Các bức tượng đều rất viên mãn, khuôn mặt hiền hòa, nhất là khuôn mặt tượng ở số 3 còn nở một nụ cười rất truyền cảm. Các bức tượng đều mang dáng dấp của con nhà võ khỏe mạnh, cường tráng. Qua các bức tượng chúng ta thấy các tác giả tuy dựng tượng có khác nhau, không tượng nào giống tượng nào (chứng tỏ đây không phải là loại tượng được làm hàng loạt), nhưng các tượng đều có chung một motip, chung một cách thể hiện. Thông qua bức tượng họ muốn biểu đạt một nhân vật đời thường được ăn uống đầy đủ (vì ở trong bếp) nên rất viên mãn, bình dị, hiền hòa và rất gần gũi với đời thường. Phải chăng đây cũng là mục đích để cho chúng sinh hiểu rằng: *Những con người trần tục nhưng nếu có công tu dưỡng một lòng hướng Phật thì đều có thể trở thành chính quả.* ■

Tôn giáo trên mạng

CAO HUY HÓA

Ngày nay, Phật tử chúng ta không còn xa lạ những trang web Phật giáo, như trang chính thức của Giáo hội PGVN, trang của các cơ quan truyền thông Phật giáo như Giác Ngộ, Đạo Phật Ngày Nay, trang Phật giáo có nhiều người truy cập như Phật tử Việt Nam, Thư viện Hoa Sen… những website Phật giáo ở nước ngoài, và kể các trang mạng của các chùa. Hơn thế nữa, truyền thông mạng còn có các hình thức đơn giản và thân thiện với người dùng như blog, và các mạng xã hội: Facebook, Twitter…

Hiển nhiên, các tôn giáo khác cũng khai thác tính năng và tác dụng của các phương tiện truyền thông hiện đại trong việc giảng đạo, đoàn kết tín đồ, rao giảng đức tin, và phổ biến thời sự tôn giáo. Tạp chí tôn giáo của Pháp: *Le Monde des religions*, đã đăng một bài phản ánh việc sử dụng internet và các phương tiện truyền thông hiện đại như thế nào, với nhan đề: **Plongée dans la religion 2.0**, ngày 29/11/2013 của Brice Perrier.

Nội cái nhan đề cũng nói lên tác dụng lớn lao cũng như tính hấp dẫn của những thứ ma lực truyền thông đi vào thế kỷ 21 này. **Lao vào tôn giáo 2.0**, câu dịch nhan đề trên chẳng ổn chút nào, nhưng hình ảnh *lao vào* nói lên chuyện say mê hết mình thế giới ảo. Còn *religion 2.0*? Phải chăng đó là "phiên bản" của religion 1.0, và religion 1.0 là tôn giáo thực ngoài đời, còn religion 2.0 là tôn giáo trên mạng?

Xưa nay, mọi hình thái sinh hoạt tôn giáo được thể hiện trên văn bản, trên tranh ảnh, ca nhạc, tượng, kiến trúc, điện thờ, trên phim, trên sự cầu nguyện, giảng giáo lý, lễ nghi, cúng bái… vậy thì nơi đâu có đầy đủ hết thảy

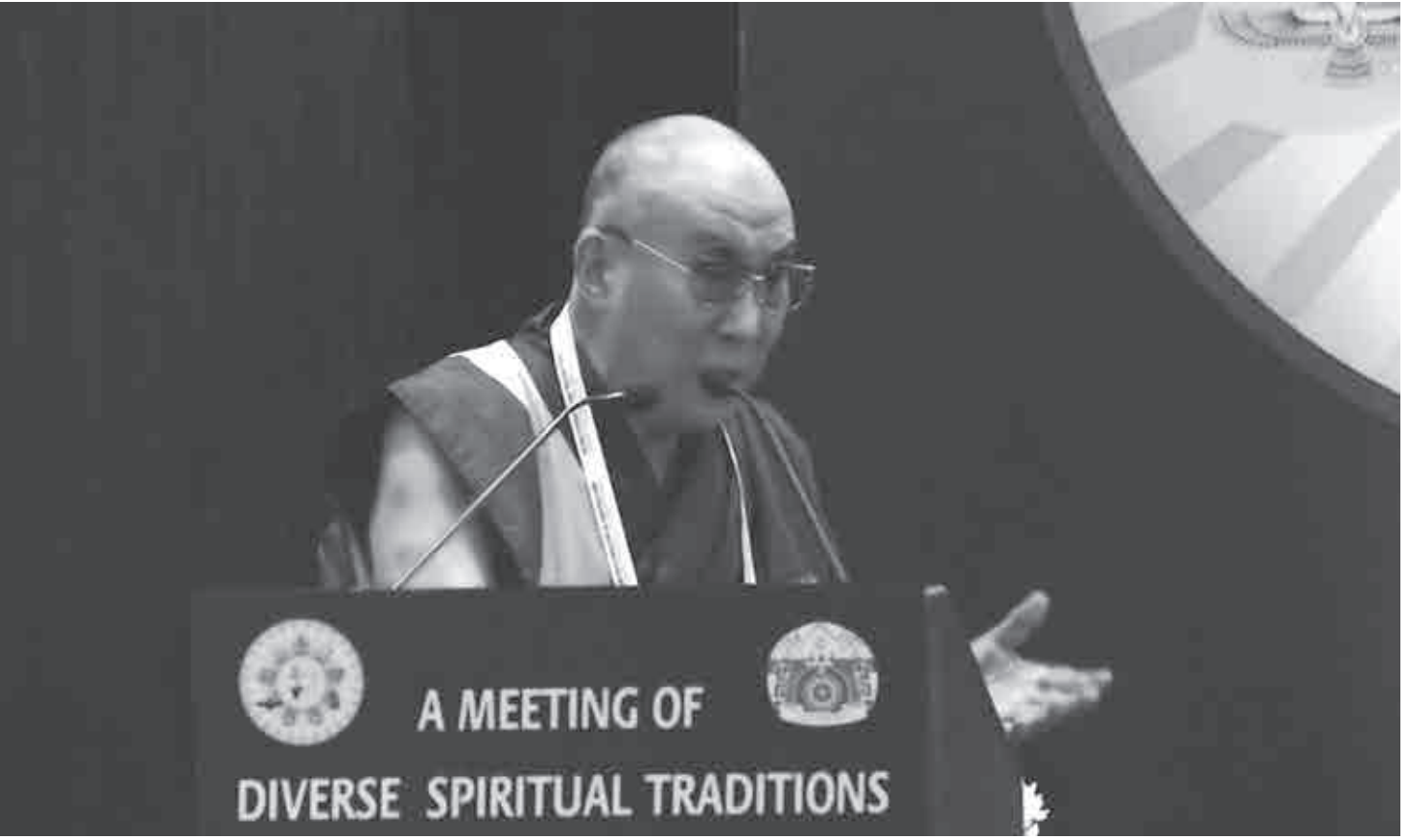

những thứ như thế, nếu không phải trên thế giới mạng, dầu cho đó là ảo? Suy cho cùng, ảo đó là phản ánh, là bản sao của thực mà thôi, và một sinh hoạt thực được phiên bản không biết bao nhiêu là ảo. Những công cụ của thế giới ảo đó càng ngày càng phong phú và càng nhiều tính năng, tất cả kết hợp với nhau, làm thu hẹp không gian và thời gian, khiến các phương tiện nghe, nhìn gắn bó với nhau: internet, mạng không dây, smartphone, laptop, máy tính bảng… Trên những công cụ đó là những mối liên lạc bốn phương trời, trao đổi tự do nhờ các mạng xã hội, thư điện tử… Do đó, không lạ gì khi thế giới ảo cũng là vùng đất mênh mông cho tôn giáo.

Đối với tôn giáo độc thần, có gì ra khỏi quyền lực của thượng đế? Ngày 28-9-2013, tại nhà thờ Saint-Pierre-d'Arène ở Nice (miền Nam nước Pháp), Linh mục Gil Florini đã chúc phúc smartphone (điện thoại thông minh) và máy tính bảng, và hai *"con chiên"* này được đặt dưới sự bảo trợ của Tổng lãnh thiên thần Gabriel; vị được xem như là thánh chủ của hệ thống viễn thông (dĩ nhiên đó là chuyện riêng của chức sắc và tín đồ tôn giáo này) vì Thiên Chúa đã chọn thánh Gabriel để truyền tin cho Đức Trinh Nữ Maria về mầu nhiệm Nhập Thể của Con Thiên Chúa. Tuy có một số người bảo thủ trong tín đồ đạo Chúa dè dặt với việc hàng giáo phẩm sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại, nhưng *"có gì tốt khi chống đối một cuộc cách mạng tất yếu? Vậy thì hay hơn là chúc phúc những thứ đó, mục đích là khiến chúng phục vụ tốt"*, Linh mục Florini trần tình, và như thế, cùng với nhiều triệu người thực hành, ông trở thành tín đồ cốt cán của Religion 2.0. Ngay cả Giáo hoàng François cũng lấy bản thân ngài làm ví dụ. Giáo hoàng đã có một tài khoản trên mạng xã hội Twitter để hàng ngày ban những lời tốt đẹp đến hơn 10 triệu tín đồ thường truy cập vào mạng xã hội này.

Không những chỉ là chuyện chức sắc tôn giáo trao đổi với những tín đồ trên mạng, mà nhiều website được lập ra như là những **nhà thờ ảo** để tín đồ cầu nguyện trên mạng trong trường hợp có khó khăn khi đi lễ nhà thờ. Trong trung tâm tâm linh ảo đó, lời kinh hay một bài giảng được trình bày như một tác phẩm nghệ thuật, một ấn phẩm hay một phim video thời sự. Đối với người ẩn cư, hàng ngày, không rời khỏi chỗ ở, họ truy cập mạng và có mặt trước màn hình trong thời gian tĩnh tâm, trước khi chia sẻ ở đó kinh nghiệm tâm linh bằng cách gởi đi một thông điệp trên diễn đàn. Xem như họ lui về tu trong một tu viện biệt lập.

Trong cuộc sống hiện đại, không chỉ người ẩn cư vì khó khăn địa lý, mà còn có những người có khuynh hướng thu về bản thân, và chọn lối sống tâm linh của người ẩn cư, tham dự các hình thức sinh hoạt lễ nghi và thực tập tôn giáo tại nhà của mình. Tuy nhiên, những người đơn lẻ đó cùng gặp nhau trên mạng, cùng có vị thầy chung, nên kết thành cộng đồng. Một người Côte d'Ivoire (châu Phi) đã lập một nhóm trên mạng xã hội Facebook để phổ biến thông điệp của Phúc Âm (Evangile) cho biết: *"Từ 15 người bạn, rất nhanh tôi có 2.000 người bạn, rồi 5.000, và ngày nay tôi đã kết với 70.000 người trong một cộng đồng ảo"*. Họ chia sẻ tâm tư tình cảm, giao lưu trên mạng, đặt câu hỏi, nghe giải đáp của thầy, trong một tương quan bình đẳng. Tôn giáo 2.0 trên mạng phải chăng là có nhiều hứa hẹn phát triển trong tương lai không xa?

Đó là chuyện sử dụng công nghệ truyền thông hiện đại vào việc hành đạo và chia sẻ tâm linh của những chức sắc và tín đồ đạo Chúa. Một hiệu quả phi thường của rao giảng đức tin trên mạng! Thế thì Phật giáo đã

khai thác internet và các mạng truyền thông như thế nào? Phần trên tôi đã đề cập đến các trang mạng Phật giáo tiếng Việt, phần lớn trên đất nước ta. Đó đều là những hình thức đơn giản, chưa thể là phương tiện tâm linh sâu sắc; chỉ trừ website của Làng Mai, hướng dẫn người xem vào thế giới của Làng Mai với hiệu ứng nghe nhìn thật tuyệt vời!

Trở lại bài báo trên tạp chí *Le Monde des Religions* đề cập ở trên. Ngoài phần lớn nội dung nói đến thế giới mạng của những người theo đạo Chúa, tác giả còn viết thêm một chút về Phật giáo, cụ thể là một *chương trình thực tập trên mạng cho những tín đồ gần xa của một vị lạt-ma Tây Tạng, Denys Rinpoché*. Ngài đã thành lập tu viện Karma-Ling, một trung tâm Phật giáo trên miền núi Savoie (Pháp). "Tôi không thấy sự khác nhau giữa thực tập trên mạng của tôi và thực tập thực trong cộng đồng của tôi", Jean-Claude, kỹ sư, thành viên của viện Karma-Ling, cho biết như thế. Từ một năm nay, vị lạt-ma, thầy Denys Rinpoché của ông, đề nghị mỗi buổi chiều những học trò của mình một giờ thực tập có kết nối mạng, tiếp theo buổi giảng. "*Tôi nối máy vi tính của tôi với hệ thống âm thanh hi-fi, và nó giống như khi tôi ở tại chỗ với những người khác", Jean-Claude nói tiếp, dầu ông sống trong vùng Paris, xa thầy của mình. "Tôi nghe nhóm hát, nghe tiếng chuông, và tôi được dẫn dắt bởi âm điệu của thiền. Thật là tài tình bởi vì trước đó, để theo được một buổi dạy, tôi phải sắp đặt vào cuối tuần hoặc trong hè để đến nơi thực tập. Bây giờ, tôi kết nối nhiều lần trong tuần mà cứ ở nhà, và thầy là ở đó, thầy nghe những câu hỏi của tôi".* Còn thầy thì sao? Denys Rinpoché nói đùa về quyền lực của internet và vị lạt-ma đáp lại những đệ tử của mình: "Vị đại sư theo gốc truyền thống của chúng tôi có những quyền lực phi thường, và phần đông học trò mong muốn xem sự phi thường đó như thế nào. Ngài hứa hẹn với 108 đệ tử sẽ đến thăm trong cùng một ngày, cùng một giờ, tại những nơi rất xa của Tây Tạng. Ngài đã chứng tỏ được như thế, nhờ vào quyền năng của ngài. Còn tôi, tôi không được phú cho quyền năng ấy, nhưng nhờ internet, tôi cũng có thể xuất hiện cùng một lúc bên 108 đệ tử của tôi".

o 0 o

Về phần tôi, một Phật tử bình thường ở Việt Nam, tôi chưa tiếp cận với hình thức tu tập được hướng dẫn bởi một vị thầy uy tín như vị lạt-ma Tây Tạng. Tôi chỉ biết các website Phật giáo, và thỉnh thoảng vẫn truy cập để đọc bài và biết thêm thời sự về đạo Phật trong nước và nước ngoài. Lợi ích của các website này là rõ ràng.

Tuy nhiên, thế giới ảo là thế giới quá tự do: Làm website, đâu có khó, mở tài khoản trên Facebook vô cùng dễ, tạo diễn đàn để mình trình ra thiên hạ những nội dung viết, họa, nhạc, ảnh, và giao lưu cùng bạn bốn phương trời, cũng không có gì khó khăn… cho nên trăm hoa đua nở trên không gian ảo. Rồi góp ý bình luận thì tha hồ, có người thì xây dựng, có người thì ném đá. Cái tốt tất nhiên là hiển hiện; cái không tốt, cái tưởng là tốt thì khó thấy hơn, và đó chính là vấn đề.

Trước khi có internet, không gian chùa và thế giới bên ngoài chùa có phân định rạch ròi, dầu cho quý Tăng Ni đi vào xã hội để hoằng pháp, làm lễ hoặc tham gia công tác văn hóa, giáo dục, thì chiếc áo cà-sa rất được quy ngưỡng. Ngày nay internet và thế giới ảo đã phơi bày hoạt động khắp nơi nơi, quý Tăng Ni cũng được đưa lên diễn đàn, nhà chùa cũng bị lên công luận.

Trong khi đó, lãnh vực công nghệ thông tin và truyền thông của Phật giáo là đang bị bỏ ngỏ, các trang mạng Phật giáo thiếu sự lãnh đạo của Giáo hội và cũng không có sự phối hợp với nhau. Đòi hỏi một sự quản lý chặt chẽ của Giáo hội thì thật là vô cùng khó, nhưng dầu sao, Giáo hội nên xem xét thấu đáo việc truyền thông về Phật giáo trên mạng. Nên chăng Giáo hội cần có hội thảo đánh giá tình hình khai thác mạng và diễn đàn, cái gì thích hợp với hoằng pháp, cái gì là lợi ích nhất thời, cái gì là vô bổ, để định hướng hoạt động và chấn chỉnh cho đúng Chánh pháp, giúp đỡ thiết thực cho quần chúng Phật tử học Phật và nắm thông tin trong đạo được chính xác, và chỉ những thông tin cần thiết. Hàng năm Giáo hội nên chủ trì cuộc họp như thế, và đó là cơ hội để ban biên tập các trang mạng, các diễn đàn Phật giáo phối hợp hoạt động với nhau, học hỏi lẫn nhau, cập nhật tiến bộ trong công nghệ và phát huy sáng tạo, và nhất là đánh giá tác dụng hoằng pháp (có hay không, mức độ như thế nào?). Trang mạng Phật giáo thì rất nhiều, hầu như chỉ để Phật tử thâm niên xem, chứ không thấy trang mạng nào ưu tiên tạo một địa chỉ gặp gỡ cho những người trẻ muốn thâm nhập đạo Phật, một cách vui tươi, cũng như tạo thuận lợi cho những người đứng tuổi, từ lâu chưa tu học vì bận công việc, nay muốn làm quen chốn thiền môn và bước đầu học Phật, có hướng dẫn đàng hoàng.

Ngày nay, các cơ quan truyền thông trên mạng có tác dụng vô cùng to lớn đối với dư luận. Các báo, các đài phát thanh nổi tiếng và lâu đời trên thế giới đều có phiên bản online, và tất nhiên các tôn giáo cũng xuất hiện online một cách hấp dẫn, quyến rũ và có định hướng. Giáo hội Phật giáo tất nhiên không đứng ngoài cuộc, nhưng phải chăng cứ để hình thức tự phát? Chắc là không nên bỏ phí vùng đất vô cùng vô tận này, dầu là ảo.

Trang mạng Phật giáo hoàn toàn không dẫn dắt người xem vào thế giới huyền ảo, linh thiêng, như tôn giáo khác. Phật tử chỉ mong vào trang mạng Phật giáo với hình thức trang nhã, đảm bảo chất từ bi và trí tuệ, trong tâm thế nhẹ nhàng, thanh tịnh, hầu tăng thêm kiến thức, vững thêm niềm tin hoặc bước đầu xây dựng niềm tin; ngoài ra, trong một số trường hợp nào đó, các trang mạng này giúp Phật tử và mọi người có thông tin đúng đắn về những hiện tượng gây ảnh hưởng không tốt đến Phật giáo nói chung và Phật giáo nước nhà. ■

Lễ hội Phá Bàu

trong đời sống của người S'Tiêng, Khmer ở Bình Phước

Bài & ảnh: **VŨ ĐÌNH TÂM**

Trong số những lễ hội được tộc người S'Tiêng và Khmer ở Bình Phước tổ chức có sự tham gia của hai dân tộc và được bảo tồn cho đến ngày nay, phải kể đến lễ hội Phá Bàu, một trong lễ hội thể hiện sự giao thoa văn hóa của hai dân tộc khá rõ rệt, mang tính cộng đồng cao và có giá trị văn hóa nhân văn sâu sắc.

1. Về tên gọi và nguồn gốc lễ hội Phá Bàu

Hiện nay chưa có một tài liệu nào ghi chép về sự tích hay truyền thuyết về lễ hội Phá Bàu của hai dân tộc S'Tiêng và Khmer. Người S'Tiêng gọi lễ hội này là "hanh-tranh" hoặc "hanh-nrôk", còn người Khmer gọi là "đô-ta-piên" , cùng có nghĩa là phá bàu, tát bàu hay đi bàu.

Là cư dân nông nghiệp, đời sống của hai tộc người S'Tiêng và Khmer chủ yếu dựa vào việc làm nương làm rẫy bên cạnh một số hoạt động săn bắt hái lượm. Đối với họ, đất đai, rừng núi, nguồn nước đóng một vai trò hết sức quan trọng; vừa là tư liệu sản xuất vừa là nguồn cung cấp các vật phẩm chính yếu. Do cả hai tộc người thường định cư trên đồi nương và những vùng sát núi cho nên nước ở đây rất khan hiếm; chủ yếu là lấy từ nguồn nước mưa, nước khe, suối, sông… phục vụ cho sản xuất, chăn nuôi và nhu cầu sinh hoạt hàng ngày.

Hiểu được tầm quan trọng của nước cho nên người S'Tiêng thường đặt tên sóc thường bắt đầu từ "Đak" có nghĩa là nước (Đak Ơ, Đak Nhau…). Họ đặt tên như vậy để khẳng định quyền sở hữu, sử dụng đối với những dòng sông, con suối và vùng đất đó. Người S'Tiêng khi chọn một địa điểm để làm nơi định cư sinh sống hay chọn đất để làm rẫy ngoài các yếu tố đất rộng, bằng phẳng, màu mỡ thì mảnh đất ấy phải đảm bảo được yêu cầu gần nguồn nước sạch. Đó là lý do khiến hầu hết các sóc của người S'Tiêng ở Bình Phước đều chạy dọc theo dòng sông Bé; mỗi sóc đều gắn liền với một con suối: sóc Bù Linh gắn với suối Bù Linh, sóc Bù Tam gắn với suối Bù Tam (Lộc Ninh), sóc Trào A và sóc Trào B gắn với suối Sóc Trào (Hớn Quản)...Trong sinh hoạt hằng ngày, bà con thường lấy nước từ đầu nguồn vào buổi sáng hay buổi trưa tại các khe, suối, sông để ăn uống, tắm, giặt. Có nhiều cách để người S'Tiêng lấy nước từ khe, suối về nhà như: Đựng nước vào trong trái bầu khô, trong những ống nứa hay nhờ sức đẩy của nước mà dẫn nước từ suối về đến nhà qua các ống tre, lồ ô, nứa… Nước khi mang về sẽ được dự trữ trong các ché. Họ cũng dẫn nước qua các con rạch nhỏ, mương máng, qua ống tre hay đắp mương phục vụ cho tưới tiêu và chăn nuôi. Các gia đình ở vùng trũng cuối nguồn nước còn tận dụng đắp đập để nuôi cá. Bên cạnh các hình thức trên, người S'Tiêng Bình Phước còn biết dự trữ nước vào khu vực gọi là bàu nước. Thường mỗi sóc có một bàu nước để phục vụ cho mùa khô, đặc biệt là vào những năm hạn hán. Do tính chất quyết định tới sự sinh tồn của cả sóc nên ở mỗi sóc đã đặt ra các luật tục cụ thể để bảo vệ nguồn nước trong quá trình sử dụng, như không được chặt cây, xây dựng nhà, sinh sống ở đầu nguồn, không được đắp đập ngăn chặn dòng chảy của suối, các con vật nuôi trâu, bò, lợn, gà… không được xuống suối ở đầu nguồn. Quan trọng hơn, do nguồn nước có hạn nên khi sử dụng mọi người phải tiết kiệm, có ý thức bảo vệ nguồn nước vì gia đình mình cũng như vì cộng đồng. Nếu có vi phạm, lần đầu thì già làng sẽ khuyên răn nhưng nếu vẫn tái phạm đến lần thứ ba thì gia đình sẽ bị sóc phạt vạ, tùy vào mức độ vi phạm.

Đối với người Khmer, họ cũng thường chọn những nơi gần sông, suối, bàu nước để thuận lợi cho sinh hoạt hàng ngày và phát triển nền nông nghiệp lúa nước. Điều này thể hiện qua việc hệ thống kênh mương được quản lý và bảo vệ bởi một hệ thống chức sắc do đồng bào bầu ra. Ban quản lý gồm các vị cai đập, cai mương… có nhiệm vụ quản lý đập, quản lý hệ thống phân phối nước về các mương đầu mối, thực hiện công việc bảo trì, bảo dưỡng các hồ đập, kênh mương. Chính nguồn nước là yếu tố cấu thành sự sống của trái đất, cũng như duy trì sự sống của hai tộc người S'Tiêng và người Khmer cho nên đã hình thành lễ hội Phá Bàu.

2. Thời gian và không gian tổ chức lễ hội Phá Bàu

Theo thường lệ, vào cuối mùa nắng chuẩn bị sang mùa mưa, hai tộc người S'Tiêng và Khmer lại tiến hành lễ hội Phá Bàu. Thời gian và địa điểm tổ chức lễ hội Phá Bàu của hai tộc người này thường giống nhau. Qua kinh nghiệm, họ vẫn biết rằng sau một mùa mưa các bàu nước thường đầy nước; nhờ nước lớn, các loại cá ở đầu nguồn thường theo dòng chảy về các bàu nước để cư trú và sinh sôi nảy nở. Khi bắt đầu chuyển sang mùa khô, nước ở các bàu bắt đầu cạn dần. Khi bàu nước chỉ còn sâu khoảng một mét, người S'Tiêng và người Khmer bắt đầu tiến hành lễ hội Phá Bàu, có ý nghĩa là báo cáo với thần linh về tình hình cuộc sống hiện nay và cầu cho mùa màng tươi tốt, nhà nhà ấm no; ngoài ra, họ cũng tiến hành nghi lễ bắt cá tại các bàu nước.

Về địa điểm lễ hội Phá bàu thường được tổ chức gần các bàu nước chính của buôn sóc, nơi hội tụ nhiều yếu tố thiêng liêng và cũng là nơi có nhiều cá. Theo luật tục của người S'Tiêng và Khmer, khi chưa được phép của già làng, của hội đồng già làng – nghĩa là chưa đến mùa lễ hội – thì không một ai được quyền đánh bắt cá ở các bàu nước. Cư dân ở các buôn sóc khác cũng phải tôn trọng luật tục ấy. Người vi phạm bị phát hiện sẽ bị già làng phạt rất nặng; nhẹ thì phải nộp phạt bằng cá, gà, lợn, nhưng nặng có thể bị phạt cả một con trâu.

3. Diễn trình và giá trị của lễ hội Phá Bàu

Ngày chuẩn bị lễ hội Phá Bàu, Già làng, Hội đồng già làng thông báo cho người dân trong sóc ngừng tất cả công việc ngoài nương rẫy, thu xếp công việc gia đình để cùng với Hội đồng già làng chuẩn bị mọi thủ tục cho công việc tổ chức lễ hội. Thường thì trước ngày lễ hội chính thức, các vị Già làng và Hội đồng già làng của từng tộc người S'Tiêng và Khmer đã bàn bạc chuẩn bị những công việc để phục vụ cho phần lễ hội và phân công cho từng thành viên trong buôn sóc. Thường thì công việc được phân theo nhóm, nhóm hậu cần trang trí cho nơi làm lễ cúng, nhóm chuẩn bị các lễ vật, nhóm tiếp khách.

Để chuẩn bị cho nơi diễn ra buổi lễ cúng, nhóm trang trí hậu cần đã nhanh chóng bắt tay vào công việc ngay từ đầu. Được phân công trong nhóm trang trí thường là những người đàn ông khỏe mạnh, họ sẽ đi chặt cây rừng to, chắc, và tìm kiếm những lá cây như lá buông, lá cọ, cỏ tranh… để dựng thành một ngôi chòi rẫy tạm, được dựng theo kiểu nhà sàn, với bốn cột trụ làm bằng những cây gỗ chắc, được liên kết với nhau theo lối thượng rường với mái theo hình mái nhà sàn, nền chòi được ghép với nhau bởi các cây lồ ô chẻ nhỏ được liên kết thành từng mảnh, chòi rẫy là nơi để các lễ vật và cũng là nơi diễn ra lễ cúng; và sau khi kết thúc buổi lễ, chòi rẫy là nơi bảo vệ thành quả lao động của cư dân tham dự, là nơi nghỉ ngơi sau những giờ lao động vất vả, và còn là nơi tình tự, tâm sự của các đôi trai gái S'Tiêng hay Khmer trong những đêm trăng thanh gió mát, cầu nối tình cảm cho những cuộc hôn nhân sau này. Bên cạnh việc dựng chòi rẫy, nhóm hậu cần còn chuẩn bị nhiều củi để phục vụ cho việc đốt lửa sinh hoạt văn hóa văn nghệ, cũng như để nướng những con cá khi bắt được dưới bàu nước.

Nhóm chuẩn bị lễ vật cũng phân công nhau chuẩn bị các lễ vật cho ngày lễ. Các lễ vật cúng như lợn, gà, xôi rượu… được nhóm chuẩn bị lễ vật thực hiện kỹ càng từ chiều ngày hôm trước và kéo dài đến suốt đêm trước khi khai mạc lễ hội chính thức. Nhóm tiếp khách cũng chuẩn bị giấy mời, bàn ghế để phục vụ cho những người tham dự lễ hội.

Đến ngày chính thức diễn ra lễ hội Phá Bàu, Già làng, Hội đồng già làng cùng với người dân trong các buôn sóc di chuyển đến nơi diễn ra lễ hội Phá Bàu. Nghi thức đầu tiên là nghi thức chuẩn bị lễ cúng. Đối với người S'Tiêng, các lễ vật thường có như thịt heo, cơm ống, một con gà, trầu cau, rượu cần… cách bố trí lễ vật của người S'Tiêng có phần đơn giản hơn so với người Khmer. Đối với người Khmer, lễ vật thường được bày biện như sau: những chiêng được đặt ở giữa, các nhạc cụ được để xung quanh, trên chiêng đặt một cây bông (làm bằng lá trầu và đoạn cây chuối), một miếng thịt heo, một đĩa xôi, bốn lá trầu đặt ở bốn góc và một chai rượu trắng… Lễ vật được vận chuyển bằng những chiếc gùi.

Sau nghi thức chuẩn bị lễ vật là nghi thức cúng. Đối với người S'Tiêng, thường thì vị Già làng là người đại diện cho dân làng tiến hành các nghi lễ. Những bài văn khấn được Già làng đọc khi cử hành các nghi lễ thường nêu tên các vị thần liên quan tới người S'Tiêng, liệt kê các lễ vật, trình bày lý do tổ chức nghi lễ, và sau cùng là lời cầu xin của dân trong buôn trong sóc. Người Khmer thực hiện các nghi lễ có phần quy mô, phức tạp, nhiều thủ tục hơn so với người S'Tiêng. Trước hết là việc cúng thần linh tại chòi rẫy, trong đó phần đầu tiên là việc cúng nhạc cụ; bên cạnh các lễ vật được để trong các chòi rẫy, người Khmer còn bày biện các nhạc cụ như đàn cò (t'rua), đàn nhị (cha-pây-sepia), trống (s'cua)… Sau khi các nhạc cụ được bày biện đủ, già làng đốt mười cây hương, hai cây cắm ở cây bông, tám cây còn lại chia làm bốn nhóm đặt ở bốn góc trên các lá trầu. Già làng khấn vái xin thần linh, ông bà cho ban nhạc sử dụng dàn nhạc để biểu diễn phục vụ lễ hội.

Cúng nhạc cụ xong, người Khmer mới cúng thần linh. Sau lời vái khấn mời của già làng, những người chơi nhạc cụ bắt đầu biểu diễn, mỗi người một nhạc khí để hòa quyện trong năm bài nhạc lễ gồm: bài thứ nhất có tên là Niêng Pđăng (goi là bản nhạc Chư Thiên), đây là bản nhạc kêu gọi ông bà tổ tiên, thổ địa, thần đất, thần trời, thần nước về chứng giám cho dân làng, bài này được thể hiện theo hình thức hát đối đáp, hai người đàn ông hát đối đáp qua lại, mỗi người một đoạn; bài thứ hai tên là Ong Ron Sôi, nội dung của bản nhạc mời ông bà tổ tiên xuống dùng các món ăn do dân làng dâng cúng; bài thứ ba là Ăng Ko Réch, bài hát với nội dung mời chư thiên hội họp cùng dân làng; bài thứ tư gọi là Phát Chiêu, bản nhạc đánh đuổi ma quỷ ra khỏi khu vực Lễ hội; bài thứ năm với tên gọi Lép

Luônh, bản nhạc như là lời cổ vũ cho người dân tham gia lễ hội. Nghi lễ cúng thần linh thường kéo dài trong khoảng thời gian từ 30 – 50 phút là kết thúc, sau đó là phần hội, đánh bắt cá trong bàu nước.

Về nghi thức đánh bắt cá tại bàu nước, cả hai tộc người S'Tiêng và Khmer đều có điểm chung. Đối với người S'Tiêng, sau khi lễ cúng thần linh được tiến hành hoàn tất, già làng thông báo cho tất cả mọi người đã đến giờ bắt cá; còn đối với người Khmer sau phần cúng thần linh, Già làng dùng một chiếc chiêng đánh một hồi dài để làm hiệu lệnh để bắt đầu phần hội. Dứt hồi chiêng, mỗi người đến tham dự lễ hội đều chuẩn bị cho mình những dụng cụ bắt cá để xuống bàu. Một không khí náo nhiệt, người người, nhà nhà, từ trẻ con, thanh niên, phụ nữ, ai cũng nhanh nhẹn, cầm khư khư các vật dụng đánh bắt, người mò, người úp, bằng mọi cách cốt làm sao để bắt được nhiều cá, những dụng cụ bên mình như nơm (rút, sneng), giỏ (t'ró), đồ xúc (kh'ne)… để bắt cá hoạt động không ngừng nghỉ. Những con cá xúc được đầu tiên thường được dâng lên cho các Già làng. Cá bắt được tùy loại mà có cách chế biến khác nhau, nhưng hầu hết đều qua cách nướng. Những con cá lớn như cá lóc (cá quả), cá trê, lươn, cua… được rửa sạch sau đó dùng cây tre nhỏ xâu lại và nướng trực tiếp trên lửa than. Những con cá nhỏ, cá con thì họ dùng lá chuối gói thật kỹ sau đó đưa lên bếp để hấp trên lửa than. Sau đó chấm với muối trộn ớt tươi giã nát, ăn kèm với các loại rau rừng… Người dưới bàu nhộn nhịp bắt cá còn ở trên bờ mọi người vừa ăn cá vừa giao lưu văn hóa với nhau. Đối với người S'Tiêng, tiếng cồng, tiếng chiêng hòa quyện cùng các điệu múa được diễn ra liên tục, mọi người cùng nhảy múa, ca hát bên đống lửa; tiếng cười tiếng hát và tiếng nhạc cụ vang lên làm náo động cả một vùng. Về phần người Khmer, họ cũng giao lưu với nhau bằng các nhạc cụ cổ truyền hòa nhịp cùng các điệu múa truyền thống như lâm vông, lăm leo, saravan. Những người đàn ông chủ gia đình ngồi quây quần bên hũ rượu chia sẻ cho nhau những tình cảm, bàn chuyện làm ăn mà không quên chúc nhau mạnh khỏe, mùa màng bội thu, bắt được nhiều cá. Những chén rượu đưa những người tham dự lễ hội Phá Bàu vui vẻ đến tận khuya để rồi ngày mai họ chia tay nhau mỗi người lại bắt đầu một ngày làm việc mới. Các sản phẩm bắt được tùy theo loại mà cả hai tộc người có cách chế biến khác nhau, nhưng hầu hết đều chế biến bằng các món nướng. Những con cá lớn như cá lóc, cá trê, lươn, cua thường được rửa sạch sau đó dùng cây tre nhỏ xâu lại nướng trực tiếp trên lửa đun của gia đình, số còn lại cá nhỏ hơn thường đem phơi khô để dùng dần, bên cạnh đó còn chế biến các loại mắm: mắm chua (được làm từ cá nhỏ và tép), mắm bò-hóc, mắm ôm-mang để ăn lâu dài.

Lễ hội Phá Bàu của đồng bào S'Tiêng và Khmer ở Bình Phước là một trong những lễ hội đặc sắc của cư dân nông nghiệp truyền thống lúa nước, bên cạnh hàng trăm các lễ hội lớn nhỏ ở Bình Phước hiện nay được bước đầu duy trì và phát triển.

Bên cạnh đó, lễ hội Phá Bàu còn chứa đựng giá trị về xã hội – nhân văn sâu sắc. Đó là sự thể hiện mối quan hệ ứng xử giữa người với người và ứng xử của con người đối với môi trường tự nhiên.Trong mối quan hệ ứng xử người với người đó là sự biết ơn thành kính, không quên nguồn cội đối với ông bà tổ tiên, những người đã có công lao to lớn đối với cư dân tộc người, những bậc tiền bối cao nhân có công khai khẩn đất hoang, xây dựng và phát triển cuộc sống cho con cháu đời sau được thừa hưởng. Giá trị xã hội nhân văn đó còn được thể hiện rõ trong mối gắn kết giữa những người trong gia đình, dòng họ, những người trong cùng cộng đồng buôn sóc… trong mối quan hệ đó mọi người đều có ý thức, nghĩa vụ, trách nhiệm chăm lo thực hiện nghi lễ Phá Bàu; từ đấy sẽ hình thành nên sợi dây gắn kết cộng đồng bền chặt, củng cố tình sóc ấp, đồng thời cũng là nơi để mọi người duy trì, giữ gìn những nét văn hóa truyền thống, những phong tục tập quán mà cha ông ta đã để lại. Trong mối quan hệ ứng xử môi trường tự nhiên thông qua lễ hội Phá Bàu, đồng bào thể hiện lòng quý trọng nguồn nước sinh hoạt, bởi vì họ cho rằng nước là nguồn sống vĩnh hằng sinh ra của cải vật chất, nước làm ra hạt lúa nuôi sống họ từ khi sinh ra cho đến khi trở về với tổ tiên.

Ngoài ra, lễ hội Phá Bàu còn thể hiện giá trị văn hóa – nghệ thuật phong phú, đặc sắc mang những sắc thái riêng, mặc dù có sự giao thoa, hỗn dung với các nền văn hóa sinh sống trên khu vực. Giá trị này được thể hiện rõ trong các nghi lễ cúng Phá Bàu từ các bản văn khấn cho đến các loại hình văn hóa văn nghệ dân gian như múa lâm vông (vòng tròn), lăm leo, saravan, múa xađăm, múa hát ayay, múa sarikakeo hòa nhịp các nhạc cụ truyền thống cồng chiêng, trô-sô-lea, sô-cô-pleng, khum, khlui, trống….với những lời ca, điệu hát canh-chha-khmau bon (Em yêu của anh), kon-tớp-kon-tui-préc (con chim chèo bẻo) và bài A-lóc-so-cbal (con chim cu trắng đầu)… của người Khmer và tiếng cồng tiếng chiêng cùng điệu múa cồng chiêng của người S'Tiêng đã thể hiện tính thiêng nhằm dâng lên các vị thần cũng như là dịp để tìm hiểu tâm tư tình cảm với nhau. Cũng đã không ít người nên duyên chồng vợ từ lễ hội Phá Bàu.

Lễ hội Phá Bàu là một nét văn hóa đặc sắc của đồng bào S'Tiêng và Khmer ở Bình Phước cần được bảo tồn phát huy. Để rồi thông qua lễ hội, mọi người sẽ tìm thấy những hình ảnh đẹp về người nông dân S' Tiêng và Khmer chất phác, thật thà, tần tảo với cuộc sống, tinh thần lạc quan, hài hòa, phong phú, giàu tính nhân văn, tất cả sẽ trở thành biểu tượng hùng hồn để giữ gìn, bảo lưu, truyền lại cho những thế hệ con cháu lưu giữ cho đến muôn đời sau. ■

Một kỹ thuật sắp ra ñi?

Bài & ảnh: **TRỊNH CHU**

Bạn tôi làm công tác nghiên cứu văn hóa truyền thống dân gian (folklore) đã buông lửng một câu nghe ra rất tê tái: "Kỹ thuật *tãn sớ* (đan gùi) của người K'Ho, từng một thời tinh xảo, nay đang dần lùi xa". Tôi trấn an: "Chẳng phải hằng ngày chúng ta vẫn thường thấy người K'Ho mang gùi xuống phố mưu sinh đấy còn gì".

Nói là nói vậy, chứ tôi thừa biết bạn mình có lý khi nói ra điều đó. Bởi, *trong guồng quay của các vận động tự nhiên và xã hội để tạo dòng chảy* mới cho sự phát triển, vô hình trung đã mang theo những thách thức đối với sự tồn sinh cũng như sự bảo lưu văn hóa. Tiến hóa và biến hóa là tất yếu. Sự tiếp thu và đào thải, hội nhập sẽ làm nảy sinh những sắc thái về giá trị mới. *Gien* giống nòi và *gien* văn hóa tộc người sẽ được bồi bổ, phong phú thêm lên và những giá trị văn hóa dần dần được định hình ở giai đoạn mới. Tuy nhiên, trong lúc những giá trị văn hóa mới chưa thật sự định hình rõ rệt, thì văn hóa tộc người lại đặt ra những thách thức nội tại, trước nhu cầu duy trì và phát triển tự nhiên, lại không thể tách mình ra khỏi dòng chảy trào lưu đô thị. Chiếc gùi của người K'Ho cũng nằm trong dòng chảy tự nhiên ấy và vì thế nguy cơ mai một là có thật. Bà Ka Phêm ở buôn Trang Wạt, xã Đinh Trang Hòa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, nói: "Tôi nghĩ, chiếc gùi của người K'Ho rồi sẽ biến mất. Vì ngày nay đang có quá nhiều sản phẩm công nghiệp hiện đại chiếm ưu thế!".

Bà Ka Phêm cho rằng thực tế này không thể phủ nhận, một khi những vật dụng công nghiệp như ba-lô, giỏ xách, túi xách đã quá phổ biến và chỉ cần có tiền (giá rất rẻ) là được quyền sở hữu ngay lập tức. Trong khi đó, để làm ra một chiếc gùi, phải mất cả tháng trời. "Nhưng cái chính là những vật dụng công nghiệp bày bán ở chợ thì chỉ có thể dùng thông thường chứ rất ít tính nghệ thuật, không thể so sánh được với các sản phẩm đan lát của người K'Ho", bà Ka Phêm tỏ rõ sự tiếc nuối.

Theo bà Ka Phêm, gùi của người K'Ho có nhiều kích cỡ, to nhỏ, cao thấp khác nhau. Nhưng phổ biến nhất là *sớ dà*, *sớ sơn* và *sớ bơnơr*. Mỗi loại gùi có công năng và công dụng khác nhau. Theo đó, *sớ dà* dùng để gùi nước hoặc gùi củi; *sớ sơn* được vào việc gùi lúa, mỗi chiếc có thể gùi được 50kg thóc; *sớ bơnơr* lại được dành cho việc đi hội. Ngoài ra, người K'Ho còn có *sớ nùng*, *sớ ọ*...

Sớ drộm và *sớ bnơl* là sản phẩm đặc biệt của đồ đan K'Ho, dành cho cặp vợ chồng mới cưới. *Sớ drộm* (có nắp đậy) là chiếc gùi dành cho chú rể. *Sớ bnơl* (không có nắp đậy) là chiếc gùi dành cho cô dâu. *Sớ drộm* và *sớ bnơl* được đan rất kỹ lưỡng, công phu, có nhiều họa tiết trang trí. Ngày cưới, một chiếc *ùi* (váy) mới được phía nhà gái xếp gọn gàng, đặt trên *sớ drộm* và *sớ bnơl*,

rồi sau đó trao lại cho hai vợ chồng. Bên trong *sớ drộm* và *sớ bnơl* đã đựng sẵn những vật dụng, tư trang cần thiết cho một gia đình mới, gồm chăn, chiếu, xà-gạc, bát đĩa, xoong nồi...

Người K'Ho có kỹ nghệ đan được nâng lên đến mức nghệ thuật. Kỹ nghệ này được thể hiện ở hình dáng, hoa văn, và kỹ thuật. Chiếc gùi của người K'Ho thường có ba phần: miệng gùi, thân gùi và đế gùi. Miệng gùi (*bơk sớ*) được cạp bằng thanh tre già; sau đó, dùng dây mây cố định lại tạo thành một vòng tròn cứng cáp. Thân gùi (*sa sớ*) đan bằng cây *đơr* (một loại cây thuộc họ tre nứa). Đế gùi (*yơng sớ*) được làm bằng gỗ hoặc thanh tre cật, nhằm tạo sự vững chãi để khi đặt trên mặt đất không gùi bị ngã đổ. Quai gùi (*ce sớ*) bện bằng dây mây, to bản. Bên cạnh đó, chiếc gùi còn có thêm *drài sớ* (dây trang trí) và *tôr sớ* (dây dùng để níu chặt các vật dụng đựng bên trong gùi khỏi rơi ra ngoài).

Muốn làm một chiếc gùi, đàn ông K'Ho phải vào rừng tìm cây *đơr*, đánh dấu và để đấy, đợi thời gian nhất định trong năm mới đến đốn. Kinh nghiệm dân gian K'Ho chỉ ra rằng, trong một năm không phải lúc nào cũng có thể vào rừng đốn *đơr* để đan gùi. Thời gian tốt nhất được người K'Ho lựa chọn làm thời điểm để đốn cây *đơr* làm nguyên liệu đan gùi là tháng Sáu, tháng Bảy, vào những đêm không có ánh trăng. "Nếu gặp những hôm trăng sáng, người K'Ho sẽ không đốn. Vì vào thời điểm trên, *đơr* thường bị mọt ăn, đan gùi không được", bà Ka Phêm giải thích và cho biết thêm: "Những cây *đơr* được chọn thường có mắt dài, thân thẳng, ngọn cong vút".

Sau khi đốn, *đơr* được đem về đẵn ra thành từng khúc, rồi pha lạt, chuốt nan và chỉ lấy phần nan cật, vì phần này vừa dẻo vừa bền. Nan chuốt xong đem phơi ở chỗ râm mát cho khô. Khi bắt đầu đan, số nan này lại được mang nhúng vào nước để có độ dẻo, dễ đan hơn. Gùi đan xong, người K'Ho không dùng ngay mà thường được đem treo ở gác bếp nhiều ngày. Hơi nóng của lửa, của khói xông lên, hun chiếc gùi thêm săn chắc, bền đẹp và còn tránh được cả mối mọt. Thế rồi, chiếc gùi theo chân người K'Ho lên rẫy, vào rừng, xuống suối. Gùi theo người K'Ho đi hội. Gùi còn theo người K'Ho đi cả vào văn hóa tộc người và trở thành nét văn hóa đặc trưng riêng biệt. Chiếc gùi cứ thế, đong đưa, đong đưa.

Bao đời nay, cư dân của nền văn minh thảo mộc đã quá quen thuộc với việc sáng sớm đi rẫy thể nào trong gùi cũng có chiếc *pơlơ* (túi đan bằng sợi cói) đựng phần cơm trưa, vài con cá khô và quả bầu khô đựng nước, cái *das* (giống cái rựa) dùng để chặt cây, *crur mul* (một thanh gỗ dài, đầu có gắn sắt) dùng chọc lỗ tra hạt... Chiều về, trong gùi lại lấp ló mớ rau rừng, ít trái cà đắng. Cũng có khi trong gùi là dăm mớ củi khô.

Riêng các thiếu nữ K'Ho, sau một ngày làm việc nơi nương rẫy, ngang qua con suối đầu nguồn để về buôn,

Ông K'Sót và chiếc gùi do chính tay mình đan

lúc ráng chiều đang buông thẫm trên mặt nước, những đứa con của đại ngàn tự cởi chiếc gùi, rồi chầm chậm trút bỏ xiêm y và... thả mình vào dòng nước trong veo như bao đời nay vẫn vậy. Ánh nắng hoàng hôn buông thõng trên tóc, trên bờ vai trần mịn màng, trên khuôn ngực tròn đầy ma mị, cùng với đó là những ánh mắt chuếnh choáng lửa, những nụ cười sơn cước hoang vu cứ mặc sức chảy tràn theo con nước giữa đất trời cao nguyên bao la huyền thoại. Tắm xong, chiếc gùi lại theo chân các sơn nữ về buôn và bên trong là những quả bầu khô đựng đầy nước suối trong lành, mát lịm.

Đáng tiếc, khi rừng đang ngày lùi xa, cộng thêm số người già có tay nghề qua đời dần, lớp trẻ lại thích dùng những đồ mỹ nghệ tân thời. Vì thế, kỹ nghệ đan lát của người K'Ho cũng dần dần mất đi. Qua giới thiệu của bà Ka Phêm, tôi tìm đến nhà ông K'Sót (89 tuổi, ở thôn 5B), người duy nhất của xã Đinh Trang Hòa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, còn giữ lại nghề đan lát của tiên tổ, để hỏi mua một chiếc gùi, hay nói đúng hơn là mua một kỹ nghệ về đan lát, nhưng ông bảo là không bán, mà chỉ làm cho con cháu trong gia đình. Nhìn người đàn ông đã gần bước qua 90 mùa rẫy, đang miệt mài giữ gìn, bảo vệ nét văn hóa truyền thống của cộng đồng K'Ho, tôi tự hỏi, không biết ở Tây Nguyên này còn có bao nhiêu người như ông? ■

Đi tìm lai lịch

chiếc vạc đồng chùa Hội Thượng

Bài & ảnh: **TRẦN VĂN DŨNG**

Trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo *số 195 chúng tôi đã gửi đến độc giả bài viết "Về chiếc vạc đồng triều Nguyễn vừa mới phát hiện tại chùa Hội Thượng". Sau một thời gian tiến hành điền dã, khảo sát thực tế, thu thập thông tin trên địa bàn làng Thượng An (thuộc xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế), đồng thời kết hợp với việc tra cứu, tham khảo các nguồn tư liệu thư tịch cổ của triều Nguyễn; chúng tôi xin phép được đưa ra những phác thảo về lai lịch chiếc vạc đồng chùa Hội Thượng mang tính chất gợi mở cho những ai quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu.*

Theo lời kể của các vị cao niên của làng Thượng An, chiếc vạc đồng chùa Hội Thượng đã được dân làng gìn giữ cẩn thận trong suốt gần 200 năm. Trước đây, do dân làng sợ thực dân Pháp trưng thu vạc đồng để đúc súng đạn, nên các vị bô lão trong làng họp bàn quyết định đào một cái hố gần chùa Hội Thượng, lót rơm lên, rồi huy động trai làng khuân vạc đồng chôn giấu xuống hố. Qua nhiều đời sau, vị trí chôn giấu vạc đồng bị lãng quên theo năm tháng. Cùng với sự ra đi của các bậc tiền bối hữu công, số người biết được chuyện này thưa dần rồi mất hẳn, dẫn đến việc nảy sinh ra các câu chuyện huyền thoại về chiếc vạc đồng tại chùa Hội Thượng. Một sự kiện bất ngờ đã xảy ra, vào khoảng năm 1950, khi dân làng Thượng An tiến hành đào mương ở mảnh đất gần khuôn viên chùa Hội Thượng bỗng phát hiện một vật lạ ẩn dưới lớp bùn lầy. Dân làng đào lên, thì phát hiện là một chiếc vạc đồng lớn. Sau đó, các vị bô lão của làng quyết định khiêng chiếc vạc đồng lên và đặt nó vào vị trí trang trọng trong khuôn viên chùa Hội Thượng. Có thể đây cũng là lý do để hiện nay, dù trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử chiếc vạc đồng vẫn còn được lưu giữ tại chùa làng Hội Thượng.

Cho đến tận bây giờ, lai lịch và thời khắc hiện diện đầu tiên của chiếc vạc đồng chùa Hội Thượng tại làng Thượng An vẫn được xem là một điều bí ẩn chưa có lời giải đáp chính xác. Có chăng chỉ là những câu chuyện truyền khẩu giữa chốn dân gian. Những câu chuyện đó có thể chẳng bao giờ xác minh được, hoặc khi xác minh lại thấy không đúng. Chúng tôi không dám lạm bàn về tính thực hư của các câu chuyện trên, nhưng rõ ràng chiếc vạc đồng chùa Hội Thượng có màn sương bao phủ huyền thoại như vậy đã làm cho nó vốn dĩ đã quý lại càng thêm quý.

Sau một quá trình điền dã, khảo sát thực tế, thu thập thông tin từ các vị trưởng thượng sinh sống trên địa bàn làng Thượng An, đồng thời kết hợp với việc tra cứu, tham khảo các nguồn tư liệu thư tịch cổ của triều Nguyễn; chúng tôi xin đưa ra một số giả thuyết lý giải về nguồn gốc hiện diện của chiếc vạc đồng tại chùa Hội Thượng như sau:

Giả thiết thứ nhất, do một cảnh huống lịch sử nào đó mà chiếc vạc đồng bị lưu lạc đến làng Thượng An và được nhân dân địa phương lưu giữ cẩn thận trong chùa làng. Dựa vào các tài lịch sử vùng đất cố đô Huế, chúng ta có thể ngờ rằng sự kiện ngày 5/7/1885, khi quân Pháp đánh chiếm kinh thành Huế, giữa lúc vua Hàm Nghi và hoàng gia xuất bôn ra Quảng Trị, rồi ra Hà Tĩnh, thì quân Pháp lại tràn vào cướp bóc tất cả đồ đạc quý giá đang trưng bày và thờ tự trong các cung điện ở Đại nội. Trong hoàn cảnh lịch sử rối ren này, chiếc vạc đồng đã lưu lạc đến làng Thượng An và được dân làng xem như báu vật của làng. Sau đó, chiếc vạc đồng được người dân đưa vào trưng bày ở chùa Hội Thượng vốn là nơi sinh hoạt chung của cả cộng đồng.

Giả thiết thứ hai, chiếc vạc đồng do triều đình phong kiến, mà đứng đầu là vua Minh Mạng, ra lệnh đúc và được đưa đến chùa Hội Thượng (làng Thượng An) có chủ đích. Bởi lẽ, trong lịch sử triều Nguyễn (1802 – 1945) đã từng có sự kiện triều đình ban tặng chiếc đỉnh đồng lớn cho phủ Kiên Thái vương. Đó là vào năm 1888, dưới thời vua Đồng Khánh (1885 – 1889), một chiếc đỉnh lớn đúc từ thời Minh Mạng được dâng tặng Kiên Thái vương. Hiện nay, chiếc đỉnh này vẫn còn được đặt trong phủ Kiên Thái vương, còn gọi là Nội từ (số 179 Phan Đình Phùng, thành phố Huế), ngay phía sau chiếc bình phong tiền của nhà thờ chính. Chúng tôi đang băn khoăn một điều rằng, vì sao bao nhiêu quốc tự, chùa sắc tứ, tổ đình ở gần Kinh thành Huế dưới triều Nguyễn như chùa Linh Mụ, Thiền Lâm, Quốc Ân... nhà vua không ban tặng vạc đồng cho những danh lam cổ tự này mà lại dành sự ưu ái ban tặng cho một ngôi chùa xa xôi ở làng Thượng An.

Sau một quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy rằng, giả thiết thứ hai cũng có rất nhiều cơ sở thuyết phục.

Theo lời kể của các vị trưởng thượng trong làng, trước đây chùa Hội Thượng là một nơi danh thắng đẹp, lại nổi tiếng đảo vũ linh ứng nên có lần vua Minh Mạng đã chọn một ngày tốt dịp đầu năm mới cùng các quan đại thần đến chùa Hội Thượng lễ Phật, cầu cho dân chúng no ấm, đất nước thái bình. Hẳn nhiên, nếu có sự kiện đó thực thì việc vua Minh Mạng ra lệnh cho đúc một chiếc vạc đồng để tặng chùa Hội Thượng làm minh khí trưng bày để vừa bày tỏ lòng tôn kính Phật pháp vừa thể hiện quyền năng của vương triều là điều rất có thể xảy ra.

Hơn nữa, theo điều tra khảo sát, chúng tôi phát hiện tại hậu điện chùa Hội Thượng vẫn còn thờ bài vị của một nhân vật được xem là vị quan chủ quản công việc đúc các đồ vật cung đình bằng đồng thời đó. Bài vị ghi rõ: "武库僉事弘德侯陳公府君神位 - *Võ khố Thiêm sự Hoằng Đức hầu Trần công phủ quân thần vị*" (Bài vị của ngài họ Trần, chức quan Võ khố Thiêm sự, tước Hoằng Đức hầu). Từ xưa đến nay, bất kỳ một nhân vật nào đã được cả cộng đồng làng xã tôn vinh, thờ cúng thì chắc chắn phải có công lao to lớn với cộng đồng ấy. Có thể là công lao khai canh, khai khẩn, dạy dân nghề nghiệp mưu sinh, hoặc đơn giản là có công đức xây dựng các công trình công cộng hoặc công trình tôn giáo, tín ngưỡng cho cả cộng đồng... Dẫu hiện nay chúng tôi chưa tìm thấy những tài liệu ghi chép về mối quan hệ của ngài Võ khố Thiêm sự với làng Thượng An song có một điều chúng tôi có thể ngờ rằng, nhân vật này nếu không phải là con cháu trong làng thì cũng là người đã có công giúp chùa Hội Thượng trùng tu, sửa chữa và đúc một số minh khí quý bằng đồng.

Hiện tại, ngoài chiếc vạc đồng ra, chùa Hội Thượng vẫn còn lưu giữ một chiếc đại hồng chung có thân cao 0,8m, quai chuông cao 0,2m. Chu vi giữa thân chuông là 1,33m, gần miệng chuông là 1,64m. Căn cứ vào minh văn khắc chữ Hán trên thân chuông, chúng tôi biết được quả đại hồng chung chùa Hội Thượng do một vị quan giữ chức Võ khố Thiêm sự tên là Trần Văn Hoằng, tước Hoằng Đức hầu đứng ra làm hội chủ vận động tịnh tài của thập phương thiện tín để chú tạo vào mùa Thu năm Bính Tuất, niên hiệu Minh Mạng thứ 7 (năm 1826). Nguyên văn văn tự khắc trên thân chuông mà chúng tôi đã ghi lại được: "明命柒年歲次丙戌仲秋穀日造.重貳百貳拾觔.會主武库僉事弘德侯陳文弘 - *Minh Mạng thất niên tuế thứ Bính Tuất trọng thu cốc nhật tạo, trọng nhị bách nhị thập cân, Hội chủ Võ khố Thiêm sự Hoằng Đức hầu Trần Văn Hoằng*" (Chuông đúc vào mùa Thu năm Bính Tuất đời vua Minh Mạng thứ 7 - 1826, trọng lượng 220 cân, Hội chủ là Trần Văn Hoằng, chức Võ khố Thiêm sự, tước Hoằng Đức hầu).

Qua những dòng tư liệu chữ Hán quý đó cho chúng ta thấy một điều là ngài Trần Văn Hoằng là vị quan lớn quyến mộ đạo Phật và có tiền của nên đã có nhiều đóng góp để trùng tu chùa, đúc đại hồng chung cúng dường chùa Hội Thượng. Vì vậy, danh tước ngài Trần Văn Hoằng do chùa Hội Thượng thờ tự và được đại hồng chung khắc ghi.

Lần theo chính sử, chúng tôi nhận thấy sách *"Đại Nam thực lục"* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn đã dành khá nhiều trang viết ghi chép một số sự kiện lịch sử liên quan đến danh tính vị quan Võ khố Thiêm sự Hoằng Đức hầu Trần Văn Hoằng. Từ những sự kiện ấy gợi lên cho chúng ta một suy đoán, chính nhờ vào tước vị và quyền hành của mình, Võ khố Thiêm sự Hoằng Đức hầu Trần Văn Hoằng đã có sự tác động ít nhiều để triều đình phong kiến, đứng đầu là vua Minh Mạng, dành đặc ân ban tặng cho chùa Hội Thượng chiếc vạc đồng để làm vật kỷ niệm.

Sự nghiệp của Trần Văn Hoằng thăng tiến dần theo sự nỗ lực của bản thân ông qua từng nhiệm vụ được giao. Năm Gia Long thứ 15 (1816), ông được cử làm Cai bạ Nhà đồ Bắc Thành. Đây là bước mở đầu trong con đường hoạn lộ của Trần Văn Hoằng. Một thời gian sau, ông được thăng dần lên chức Lang trung Võ khố. Năm

Minh Mạng thứ 5 (1824), ông được cử trông coi việc ở Tạo tác cục. Năm Minh Mạng thứ 6 (1825), ông được thăng chức Thiêm sự Võ khố. Võ khố là cơ quan cơ quan cất giữ bảo quản các loại vũ khí, thiết bị của quân đội với nhiều kho tàng lớn nằm bên trong kinh thành Huế. Năm Minh Mạng thứ 7 (1826), ông được giao nhiệm vụ giữ chức Hộ lý ấn quan phòng Võ khố. Từ đây, chúng ta có thể thấy một điều, vào thời điểm này, Trần Văn Hoằng đã đứng ra làm hội chủ vận động những người quy y cửa Phật phát tâm đóng góp tiền của đúc đại hồng chung làm pháp khí cúng dường Tam bảo chùa Hội Thượng. Tiếp đến năm 1827, vua Minh Mạng ban thưởng cho Trần Văn Hoằng vì đã có công trong việc trông coi đúc kim bảo, ngọc tỷ - được xem là vật thể hiện quyền lực cao nhất của nhà vua. Sách *"Đại Nam thực lục"* có đoạn chép khá rõ: *"Bắt đầu đúc ấn 'Hoàng đế tôn thân' (vuông 3 tấc 2 phân, dày 3 phân 6 ly), ấn 'Sắc mệnh chi bảo' (vuông 3 tấc 2 phân, dày 3 phân 2 ly), đều núm hình rồng cuốn, ấn 'Khâm văn chi tỷ', ấn 'Duệ võ chi tỷ' (đều vuông 2 tấc 7 phân, dày 3 phân 2 ly). Lại đúc lại ấn 'Trị lịch minh thời' (vuông 2 tấc 8 phân, dày 3 phân 2 ly), đều núm hình rồng ngồi. Dùng vàng mười mà đúc. Sai Bộ Lễ hội đồng với Nội vụ và Vũ khố coi việc đúc ấn. Đúc xong, buộc ấn bằng giây tơ vàng, thưởng cho thợ đúc 30 lạng bạc ; bọn chuyên biện là giám lâm Vũ khố Trần Văn Hoằng, Nguyễn Đăng Uẩn đều được thưởng một thứ kỷ lục"*[1]. Năm Minh Mạng thứ 9 (1828), ông được thăng chức Lang trung Nội vụ phủ. Đây là cơ quan quản lý việc chế tác và cất giữ những bảo vật, vật dụng của hoàng cung. Liên hệ đến chiếc vạc đồng chùa Hội Thượng, chúng ta có thể suy đoán vào thời gian này với chức quan Lang trung Nội vụ phủ, ông đã có những tác động đáng kể đến triều đình phong kiến triều Nguyễn dẫn đến sự kiện vua Minh Mạng ban tặng chiếc vạc đồng cho chùa Hội Thượng. Đọc tiếp sách *"Đại Nam thực lục"*, chúng ta được biết đến năm Minh Mạng thứ 10 (1829), ông được vinh thăng Thị lang Nội vụ phủ[2], mang hàm Chánh tam phẩm văn ban, đứng đầu quản lý Nội vụ phủ. Được tiến cử giữ chức này chứng tỏ ông được nhà vua và triều đình rất tin dùng. Nhưng một điều đáng tiếc đã xảy ra, tháng 7/1829, do ông quản lý thuộc hạ phụ trách cất giữ gương đồng ở kho Phủ Nội vụ không tốt dẫn đến sự cố có nhiều vết mờ trên gương đồng của vua Minh Mạng mua từ nước Pháp. Do vậy, Bộ Hình đưa ra xét xử vụ án và sau đó tuyên án ông vào tội đồ[3]. Vụ án tâu lên, vua Minh Mạng gia ân đổi làm cách chức, phát vãng làm binh ở cơ Định Man đạo Cam Lộ[4]. Đến đây sự nghiệp quan trường của ông không còn được viết lại trên sách *Đại Nam thực lục*.

Từ những thông tin nêu trên, chúng ta có thể khẳng định: chức tước của ngài Trần Văn Hoằng được ghi trên bài vị và văn khắc chuông chùa trùng khớp với các sự kiện lịch sử mô tả rõ ràng trong chính sử. Trần Văn Hoằng làm quan đến chức Thị lang Nội vụ phủ. Theo các vị cao niên trong làng, Trần Văn Hoằng với vị thế của mình lúc này có thể là người đứng ra làm người đại diện của dân làng thỉnh cầu vua Minh Mạng dành đặc ân ban tặng chiếc vạc đồng cho chùa Hội Thượng để làm kỷ niệm. Vì vậy, do những công lao và đóng góp lớn cho chùa Hội Thượng nên sau khi ông mất các tộc trưởng của làng Hội Thượng đã quyết định thờ linh vị ông một cách trang trọng phía sau hậu điện của chùa.

Những chiếc vạc đồng là hiện vật có giá trị đặc biệt quý hiếm. Nó là minh chứng sinh động cho kỹ nghệ đúc đồng xứ Huế đã đạt đến độ hoàn hảo vào thế kỷ thứ 19. Nếu tính thêm chiếc vạc đồng vừa mới phát hiện tại chùa Hội Thượng thì cho phép chúng ta có thể khẳng định rằng tại đất cố đô Huế hiện nay vẫn còn bảo lưu được 16 chiếc vạc đồng độc đáo. Tất cả những chiếc vạc này đều là bảo vật của Huế, là biểu trưng một thời cho sự hưng thịnh và phát triển của triều Nguyễn. Do trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử, cổ vật triều Nguyễn đã bị thất lạc nhiều trong dân gian. Chắc chắn là ngày xưa, Huế không chỉ có chừng ấy vạc đồng, mà có thể nhiều hơn rất nhiều. Nhưng dù sao, với số lượng 16 chiếc vạc còn lại, Huế cũng có thể tự hào là một nơi hiện đang sở hữu số báu vật thuộc loại này phong phú nhất. ■

Chú thích:

1. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb.Giáo Dục, Hà Nội, tr.820.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb.Giáo Dục, Hà Nội, tr.826.

3. Tội đồ là tội bắt làm nô lệ cho biết nhục, kéo dài từ 1 đến 3 năm, chia làm 5 bậc, bậc thấp nhất là bị bắt làm nô lệ một năm và bị đánh 60 trượng, bậc cao nhất phải chịu mức án đồ 3 năm, phạt 100 trượng.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb.Giáo Dục, Hà Nội, tr.871.

Phật giáo và não bộ

DAVID WEISMAN
TRẦN KHIẾT BÁCH dịch

Trong vòng vài thập niên gần đây, nhiều Phật tử và một số các nhà nghiên cứu khoa thần kinh học đã khảo sát về Phật giáo và thần kinh học, với những báo cáo chồng lên nhau xuất phát từ cả hai nhóm. Tôi rất tiếc để nói rằng cá nhân tôi đã thiếu sự tin tưởng. Mọi khi, mỗi lúc nghe nói về loại sự kiện như vậy, từ bất kỳ tôn giáo nào, tôi đều cho rằng chỉ có thể tin khi sự việc được chia chẻ phân tích đến tận từng chi tiết. Khi một phát kiến khoa học có vẻ ủng hộ bất kỳ một giáo lý của tôn giáo nào, quý vị đều có thể thấy các tín đồ tôn giáo ấy trở nên các nhà thực nghiệm nghiêm túc, nói với nhau và với cả thế giới rằng niềm tin của họ có nền tảng thực tại. Họ luôn luôn không hài lòng chấp nhận những sự kiện khoa học mà họ cho là mâu thuẫn với những niềm tin có sẵn của họ. Ở đây chẳng có gì đáng ngạc nhiên: không ai thích sự sai lầm của mình bị vạch ra.

Nhưng khoa học không có nhiệm vụ phải quan tâm đến những quan điểm có sẵn. Khoa học, ít nhất là nền khoa học đứng đắn, cho chúng ta biết về thế giới như thật, chứ không phải là theo một số người mong muốn nó như vậy. Đôi khi những điều mà khoa học khám phá phù hợp với những ước muốn đặc biệt nào đó của tôn giáo. Nhưng điều đó không phải luôn luôn xảy ra.

Mặc cho những điều tôi nghi ngờ, các nhà thần kinh học và khoa thần kinh có vẻ không có gì mâu thuẫn với những tư tưởng Phật học. Khoa thần kinh học cho chúng ta biết rằng cái điều mà chúng ta coi như là tâm trí thống nhất của ta chỉ là một ảo tưởng, rằng tâm trí của chúng ta không hề thống nhất và khó mà nói rằng là nó thực sự "tồn tại". Cái cảm tưởng của chúng ta về sự thống nhất và sự kiểm soát chỉ là điều nói phét đến sau và rất dễ dàng bị đứt gẫy thành những bộ phận tách rời. Như đã được phát hiện bởi sự truy cứu mang tính khoa học, điều mà ta gọi là tâm thức (hay tự ngã, hay linh hồn), thực sự chỉ là một điều gì đó thay đổi quá nhiều và quá không chắc chắn khiến cho các ngôn ngữ tiền-khoa-học của chúng ta vất vả mà vẫn không tìm kiếm được ý nghĩa.

Các Phật tử hầu như cũng nói về cùng một điều như vậy. Họ tin là một cái ngã ảo tưởng và vô thường được tạo nên bởi những thành phần luôn biến đổi. Họ đã quen

với loại ngôn ngữ để thể hiện những vấn đề giữa nhận thức và niềm tin. Thuật ngữ về ngã của họ là "vô ngã". Người ta có thể cố để cập về ngã, nhưng từ ngữ đó rõ ràng nhắc nhở cho cái ngã của một người rằng thực ra không có một sự vật như vậy. Khi để ý một người Phật tử suy ngẫm về linh hồn của người ấy, người ta ngay lập tức có ấn tượng bởi một sự phân cách giữa giáo lý tôn giáo và nhận thức. Trong khi thiền định tại một ngôi chùa, cái ngã là ảo tưởng. Nhưng khi người Phật tử đi mua sắm, họ cũng cảm nhận như tất cả chúng ta đều cảm nhận: cũng thống nhất, cũng kiểm soát, và không hề thay đổi từ khoảnh khắc này qua khoảnh khắc khác. Cái cách mà sự vật cảm nhận trở nên đáng nghi ngờ. Và điều đó khá gần với điều mà nhà thần kinh học giải quyết với những công việc hàng ngày, như trường hợp của ông Logosh.

Logosh được ba mươi bảy tuổi khi ông ta bị đột quỵ. Bấy giờ là một tháng sau cuộc giải phẫu đầu gối và chúng tôi không hề tìm thấy một lý do thực sự nào khác ngoài chứng cholesterol cao và tật hút thuốc lá. Đôi khi y học như thế đấy: môt điều tồi tệ xảy ra, dường như không có đủ lý do để giải thích. Trong phòng cấp cứu, tôi nhận ra anh ta không nói được, có khả năng hiểu một cách trọn vẹn nhưng không có khả năng thốt ra dù chỉ một tiếng, và không có phản ứng ở phần mặt phải, chân phải và tay phải. Chúng tôi chỉ dành cho anh ta những điều trị có sẵn cho trường hợp đột quỵ, chích một thứ thuốc làm tan cục máu đông, nhưng không hề có sự cải thiện. Trải qua phòng săn sóc đặc biệt, bệnh trạng của anh ta cũng không thay đổi. Việc chụp cắt lớp tiếp theo cho thấy mô não chết đã bị máu lấp đầy. Vì cơ thể tiêu hóa phần mô não chết, những hình chụp cắt lớp sau đó cho thấy một lỗ hổng lớn ở bán cầu não trái. Mặc dù thất vọng, tôi tự an ủi mình bằng cách nhìn vào phần vỏ não bị đè. Ở đó, sự tổn thương ít nhất và nhiều tế bào não còn hoạt động. Tuy nhiên, tôi vẫn thất vọng. Đó là một thảm kịch cho một người già tám mươi tuổi sống cả cuộc đời còn lại với chứng liệt nửa người và không nói được. Nhưng ta không bao giờ có thể nói như thế với những tổn thương não ban đầu ở những người trẻ tuổi. Tôi bị ràng buộc bởi tính lạc quan. Sau nữa, tôi đã điều trị cho anh ta.

Ngày hôm sau, ông Logosh thức dậy và bắt đầu nói. Ban đầu chẳng có gì nhiều, chỉ là "được" với "không". Rồi "nước", "cảm ơn, "được mà", và "tôi". Lần lần, chúng tôi chuyển ông ta bộ phận phục hồi chức năng, trong lúc chỉ vừa bập bẹ mà vẫn hiểu rõ.

Một năm sau, ông ta trở lại văn phòng với môt đòi hỏi ngộ nghĩnh. Ông ta đang xin việc làm tài xế và cần một giấy phép của tôi, vốn chỉ là thủ tục. Ông ta bước đi chỉ hơi khập khiễng, bàn chân phải của ông ta hơi không vững. Giọng ông ta cũng hơi cao, mặc dù ông đã cẩn thận chọn chữ chọn câu.

Khi chúng ta cân nhắc về ngôn ngữ của mình, có vẻ như nó thống nhất và không thể phân chia. Chúng ta nghe một từ, gán nghĩa cho nó, và dùng những từ khác để trả lời. Điều đó không cần cố gắng. Dường như đó là một bộ phận của cùng một lãnh vực ngôn ngữ thống nhất. Dễ dàng biết bao khi chúng ta cứ dần dần nói ra! Ông Logosh thể hiện cho chúng ta thấy rằng sự thống nhất của ngôn ngữ chỉ là ảo tưởng. Cái vẻ dường như thống nhất của ngôn ngữ thực sự là nhiệm vụ của nhiều phần khác nhau trong bộ não, vẫn chuyển dịch và thay đổi liên tục theo thời gian và vẫn chia chẻ thành các bộ phận tiếp nhận và bộ phận biểu thị.

Hãy suy nghĩ xem người Phật tử chấp nhận những điều xảy ra với ông Logosh dễ dàng như thế nào. Vô ngã không phải là một cái ngã thống nhất và không thay đổi. Nó giống như một sự phối hợp hơn, sự phối hợp giữa những tư tưởng, nhận thức và tình cảm không ngừng biến đổi. Tâm của chúng ta chỉ là những mảnh rời rạc và không có mặt thường trực. Một sự thay đổi xảy ra trong ban nhạc, thế là tiếp theo người ta trông chờ một sự thay đổi trong âm nhạc.

Cả Phật giáo và các nhà thần kinh học đồng quy về một quan điểm chung: Cảm giác không phải là thực tại. Không hề có một linh hồn trường tồn thường xuyên ở hậu cảnh. Ngay cả ngôn ngữ của chúng ta nói về chính chúng ta cũng phải bị nghi ngờ (đòi hỏi một sự phủ nhận có tính cách xuyên tạc tính vô ngã). Vậy là, trong những nét tổng quát nhất, khoa thần kinh học và Phật giáo đã đồng ý với nhau.

Làm cách nào Phật giáo đã đạt tới sự đúng đắn đến như vậy? Tôi phát biểu ở đây với tư cách người bên ngoài, nhưng dường như đối với tôi Phật giáo đã bắt đầu với một chút tư duy thực nghiệm. Có lẽ những nhà sáng lập Phật giáo là tiền-khoa-học, nhưng các ngài đã sử dụng những dữ liệu thực nghiệm. Họ ghi nhận về thế giới tự nhiên: mặt trời lặn, gió thổi qua cánh đồng, con côn trùng này ăn thịt con côn trùng khác. Đó là sự thay đổi thường xuyên, những bộ phận chuyển dịch, và vô thường. Sự vô thường này đã là tâm điểm học thuyết của Phật giáo.

Điều đó có vẻ thích hợp bao lâu mà thế giới tự nhiên được xem xét. Các Phật tử không áp dụng khái niệm này vào những sự thật toán học hay những xác quyết về đạo đức, nhưng đôi khi, một cách sắc sảo, họ áp dụng điều đó cho học thuyết của họ. Phật giáo đã có nhiều thiên niên kỷ để vạch ra những điều có vẻ mâu thuẫn, và chỉ một vài người không bị nhồi sọ mới có thể tìm thấy bất kỳ điều gì bất thường. (Hoặc ít nhất, bất kỳ điều gì kỳ lạ hơn, ví dụ, tin rằng Thượng đế thực sự thổi ra một linh hồn vào con người đầu tiên).

Từ rất sớm, Phật giáo đã nắm bắt bản chất sự thay đổi của thế giới bên ngoài và những bộ phận đối lập, và rồi áp dụng nó vào tâm trí của con người. Bước then chốt là vượt qua tinh thần vị kỷ và nhận thức được sự liên quan giữa thế giới và con người. Chúng ta là bộ phận của thế giới tự nhiên; những quy trình của thế giới được áp dụng đồng đều cho đất đá, cây cỏ, côn trùng và con người. Có lẽ

xây dựng trên di sản ấy, nền Phật giáo đầu tiên đã không dành chỗ cho quan niệm con người là siêu việt.

Cần ghi nhận rằng rằng tôi từ chối chấp nhận việc họ đạt tới sự đúng đắn đến như vậy là bởi tình cờ, điều mà tôi đã thấy là không thể có được. Tại sao sự tình cờ lại đưa họ tới một niềm tin ngược với trực giác đến như vậy? Sự thật từ trạng thái xuất thần mang tính tôn giáo chủ quan cũng rất đáng bị nghi ngờ. Trước hết, những người đạt tới trạng thái xuất thần tôn giáo có khuynh hướng thấy những gì họ đã biết. Thứ hai, nếu bản ngã là ảo tưởng, thế thì trí tuệ chủ quan đạt được từ thiền định cũng là ảo tưởng à?

Tôi không có ý gạt bỏ hay che đậy những lãnh vực mà Phật giáo và khoa thần kinh học còn khác nhau. Một số học thuyết Phật giáo đi lạc khỏi những gì chúng ta biết về não bộ. Phật giáo cho là đúng một sự vật không phải vật chất tồn tại từ cái chết của não và được tái sinh. Sau cái chết của một người, tâm thức tái sinh. Nếu ta đã chấp nhận quan điểm về một linh hồn phi vật chất thường xuyên thay đổi, điều đó không đến nỗi quỷ quyệt và điên khùng như nó có vẻ như vậy đối với kẻ không bị nhồi sọ. Trong suốt cuộc đời, ý thức thay đổi như những trạng thái tâm thần thay thế cho nhau, cho nên, mỗi khoảnh khắc có thể được coi như là một sự tái sinh từ khoảnh khắc trước đó. Những ngọn sóng chồm lên nhau. Những lớp cát phủ lên nhau. Nếu ta tốt, một ngày nào đó chúng có thể trôi giạt vào một bãi biển hấp dẫn, một mức độ cao hơn của sự tiếp tục cuộc sống. Nếu không, được thôi, những con sóng của ai đó cần cung cấp cái ranh giới nhận thức cho côn trùng, cho sâu bọ và cho những giống sinh vật kỳ dị.

Vấn đề là không có chứng cớ về một sự vật phi vật chất từng tái sinh sau khi chết. Thật vậy, lại có cả những chứng cớ chống lại điều đó. Sự tái sinh đòi hỏi một thực thể (kể cả là mơ hồ, một điều vô thường được gọi là vô ngã) tồn tại độc lập với chức năng của não bộ. Nhưng chức năng của não bộ đã bị thắt chặt cho từng chức năng tâm thần (từng chút ý thức, nhận thức, tình cảm, tất cả những điều là ngã và vô ngã về chúng ta) đến nỗi dường như không còn chỗ cho điều gì khác. Sự tái sinh không phải là một phần không đáng kể của hầu hết những hình thái Phật giáo. Chẳng hạn, các tín đồ của Đức Đạt-lai Lạt-ma chọn ngài vì họ tin ngài là hình thức tái sinh của một chuỗi dài những vị đại sư đáng kính. Tại sao những truyền thống tôn giáo ngự trị ở phương Tây chấp nhận linh hồn độc lập vĩnh cửu của họ là sai? Việc ghi nhận sự thay đổi không chỉ là riêng của Phật giáo. Cùng lối suy nghĩ như thế cũng đã xuất hiện trong nền tư tưởng phương Tây. Triết gia Heraclitus thời trước Socrates đã nói, "Không có gì tồn tại trừ ra sự thay đổi". Nhưng nhận xét đó thực sự đã chẳng đi tới đâu. Nó không được chấp nhận bởi những tôn giáo độc thần hoặc được đưa lên như một sự thật tự nhiên chính yếu. Thay vào đó, những lý tưởng thuần túy kiểu Plato thắng thế, có lẽ bởi chúng thần bí hơn.

Tư tưởng phương Tây hoàn toàn không đơn khối và giản dị, nhưng những tôn giáo độc thần đã bước một bước sai khi họ không chấp nhận chủ nghĩa tự nhiên cho chính họ và những khái niệm của họ về linh hồn. Lâu dần, những học giả và triết gia nổi bật của họ mô tả linh hồn con người là siêu việt và xuất thế, nâng cao một cách giả tạo giống loài chúng ta lên trên và ra ngoài thiên nhiên. Chúng ta đã thấy được những hậu quả hiện nay. Khi niềm tin của Thiên Chúa giáo và Do Thái giáo mâu thuẫn với khoa học, hầu như nó luôn luôn lo lắng việc khoa học đẩy loài người ra khỏi cái bệ giả định, một vị trí trung tâm của sự sáng thế. Nhưng khoa học đã chỉ cho chúng ta thấy rằng chúng ta sống bên rìa của thái dương hệ, chẳng hề có một vị trí quý giá nào trong vũ trụ. Giống loài chúng ta dẫn xuất từ các tổ tiên thuộc giống khỉ, phần lớn những giống loài ấy rất có khả năng có những bộ não đủ khả năng trải nghiệm và biểu thị một số trong những tính cách và tình cảm quý giá nhất của loài người. Bộ não của chúng ta tạo ra điều mà chúng ta gọi là tâm, vốn không phải là linh hồn. Quan điểm con người là siêu việt dường như ngày càng tỏ ra là một sự tưởng tượng hão huyền. Trong việc phủ nhận một cách khiêm tốn điều phù phiếm ấy, Phật giáo thể hiện ít nhầm lẫn hơn, ít tội lỗi nguyên thủy hơn, một điều của sự tự hào.

Nếu như mọi tôn giáo đều áp dụng những bài học của khoa thần kinh học cho linh hồn thì sẽ tốt đẹp như thế nào? Ông Logosh, giống như mọi con người mà sự thương tổn não bộ làm thay đổi tâm trí, là một thách thức đối với các tôn giáo phương Tây. Một linh hồn phi vật chất không thể dễ dàng giải thích ngay cả chỉ một sự đột quỵ liên kết với tình trạng không nói được. Các tôn giáo độc thần sẽ có thay đổi quan điểm của họ để phù hợp với những dữ liệu? Họ có thử cố gắng như vậy không? Điều đó đáng ngờ. Quan điểm con người siêu việt cứng nhắc đã là chất xi-măng gắn chặt vào học thuyết.

Liệu Phật giáo sẽ cho phép khoa thần kinh học mô tả quan điểm về sự tái sinh của họ là lỗi thời? Điều này cũng na ná như việc hỏi nếu Đức Đạt-lai Lạt-ma và các tín đồ của ngài sẽ quyết định rằng ngài chỉ là sự tái sinh mang tính biểu tượng của các vị đại sư đời trước. Điều này cũng đáng ngờ., nhưng những bước đầu của Phật giáo ít nhất cũng cho thấy đó là điều có thể đạt được.

Không liên quan tới khoa thần kinh học và các nhà khoa học thần kinh, vào năm 1969, Đức Đạt-lai Lạt-ma đã nói rằng "Văn phòng của ngài là một định chế mang lại lợi ích cho người khác. Có thể là nó sẽ sống lâu hơn tính hữu dụng của nó". Tính vô thường và những bộ phận chuyển dịch kéo theo sự biến đổi thường trực, cho nên có lẽ chẳng có gì ngạc nhiên khi cuối cùng ngài nói rằng ngài có thể chọn một người chủ văn phòng kế tiếp khác trước khi ngài mất.

Sự thành công của Phật giáo là việc áp dụng sự vô thường của thế giới cho con người và linh hồn của họ. Những kết quả của việc đó đã mang tôn giáo này từ ngàn xưa đi vào hiện đại, một khoảng cách đầy ấn tượng. ■

Ngày Nhà giáo thế giới năm 2014

PHẠM CHÁNH CẦN

Cách đây hai mươi năm, vào ngày 5-10-1994, Cơ quan Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã tổ chức Ngày Nhà giáo Thế giới lần đầu tiên để kỷ niệm việc thông cáo chung giữa UNESCO và Tổ chức Lao động Quốc tế ILO về việc nâng cao vai trò của nhà giáo được ký kết trong năm 1966. Từ đó, hàng năm, nhiều nước đã tham gia hoạt động mừng ngày Nhà giáo Thế giới cùng với UNESCO. Cho đến nay, đã có trên 100 quốc gia tổ chức Ngày Nhà giáo Thế giới.

Năm nay, UNESCO cùng các thành viên trên khắp thế giới tiến hành kỷ niệm hai mươi năm ngày Nhà giáo Thế giới tại trụ sở của mình ở Paris (Pháp quốc) bằng cách tổ chức một diễn đàn mở rộng trong thời gian hai ngày từ 6 đến 7-10-2014. Diễn đàn mời gọi sự tham dự của tất cả các thầy cô giáo, các nhà nghiên cứu, các chuyên gia (kể cả những vị lãnh đạo các cơ quan thuộc UNESCO và các giáo sư đại học), sinh viên, các đại diện của các tổ chức huấn luyện thầy cô giáo và các tổ chức nhà giáo cùng các cơ quan truyền thông trên toàn thế giới. Chủ đề của diễn đàn là "Thầy giáo Ngày nay". Diễn đàn nhằm mục đích tạo điều kiện cho các diễn giả và công chúng có thể trao đổi với nhau càng nhiều càng tốt. Theo dự kiến, diễn đàn này gồm bốn cuộc hội thảo được tiến hành song song với bốn đề tài khác nhau: Điều kiện sống và làm việc của các thầy cô giáo; Việc không ngừng phát triển chuyên môn của người thầy; Công nghệ truyền thông và thông tin có thể hỗ trợ việc huấn luyện thầy cô giáo như thế nào; và Những cải tiến về khoa sư phạm trong hoạt động giáo dục.

Cuối hai ngày hoạt động của diễn đàn mở rộng này, cũng tại trụ sở của UNESCO, sẽ có cuộc trao giải thưởng UNESCO-Hamdan, dành cho những công trình thực hành và có thành tựu nổi bật trong lãnh vực tăng cường hiệu năng của thầy cô giáo.

Giải thưởng UNESCO-Hamdan được UNESCO thiết lập vào năm 2008 nhờ vào sự tài trợ của ngài Hamdan Bin Rashid Al-Maktoum hiện là Phó Thủ tướng thứ nhất của Liên hiệp Các Tiểu Vương quốc Ả Rập (United Arab Emirates). Ngài Hamdan cũng đang giữ những vai trò quan trọng trong Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Quỹ của Tổ chức OPEC. Giải thưởng này được trao mỗi hai năm một lần, có trị giá 270.000 Mỹ kim, chia đều giữa ba ứng viên đoạt giải. Ứng viên đoạt giải là những chương trình đã mang lại những đóng góp nổi bật trong việc nâng cao phẩm chất của việc dạy và học, dựa trên các hoạt động có liên quan đến các thầy cô giáo của những chương trình được giải. Bên cạnh việc góp phần nâng cao phẩm chất giáo dục trên toàn thế giới, giải thưởng UNESCO-Hamdan dành sự chú trọng ưu tiên cho việc nâng đỡ hoạt động giáo dục ở những quốc gia đang phát triển, nhất là ở những xứ thuộc thế giới Ả Rập và trong vùng hoang mạc Sahara thuộc châu Phi.

Giải thưởng năm nay (2013-2014) sẽ được trao cho ba ứng viên. Ứng viên thứ nhất là Chương trình "Các nhà Giáo dục có Phẩm chất cho Tất cả: Mỗi Trẻ em Cần một Thầy Cô giáo Giỏi" được thành lập tại Mali và Uganda bởi tổ chức *Giáo dục Quốc tế* (Education International) và tổ chức *Oxfam Novib*, một tổ chức thiện nguyện thuộc hệ thống Oxfam Quốc tế đóng tại Hà Lan; chương trình này kết nối các đại diện chính quyền, các liên đoàn giáo chức, các tổ chức xã hội dân sự và học thuật để cải thiện hình ảnh các thầy cô giáo tiểu học, trong một nỗ lực cải cách việc huấn luyện thầy cô giáo và những chương trình phát triển chuyên môn. Ứng viên thứ hai là Chương trình "Huấn luyện Giáo viên" của *Làng SOS của Trẻ Em*, mang lại việc đào tạo về sư phạm cho thầy cô giáo tiểu học và trung học trong nền giáo dục chính thức và không chính thức hoạt động từ năm 2011; ý tưởng của chương trình là làm cho việc dạy học trở thành cụ thể thông qua việc sử dụng công cụ sư phạm, mời gọi sinh viên tự khám phá và hiểu biết cụ thể về nội dung khóa học. Sau cùng, tổ chức *ProEd Foundation* được giải nhờ thực hiện chương trình "Thầy Cô giáo Dạy Thầy Cô giáo – Cộng đồng Học tập Chuyên môn" đã tiến hành từ năm 2002; chương trình này có mục tiêu cung cấp không ngừng việc phát triển chuyên môn có phẩm chất cao cho các thầy cô giáo và các nhà quản trị giáo dục thuộc mọi chủng tộc, nhóm kinh tế xã hội và khuynh hướng giới tính trong các trường công lập và những trường tư dành cho người có thu nhập thấp ở Panama.

Ngoài các hoạt động tại trụ sở UNESCO ở Paris, ngày Nhà giáo Thế giới năm 2014 còn được tổ chức ở nhiều quốc gia thành viên UNESCO đã công nhận ngày này. Năm nay, chủ đề của ngày Nhà giáo Thế giới là "Hãy đầu tư cho Tương lai – Hãy đầu tư cho Nhà giáo". Chủ đề này dẫn xuất từ những nghiên cứu của UNESCO về tình trạng thiếu hụt giáo chức trên khắp thế giới hiện nay. Theo các nghiên cứu ấy, số lượng giáo chức tiểu học cần thiết cho việc phổ cập giáo dục tính đến năm 2015 là 1,6 triệu người. Nếu không có những biện pháp đột phá để tăng cường số giáo chức đáp ứng cho nhu cầu ngày càng tăng thì đến năm 2030, số lượng thiếu hụt sẽ lên đến khoảng 3,3 triệu trên khắp thế giới, nặng nề nhất là khu vực các quốc gia Ả Rập và vùng sa mạc Sahara.

Việc tham gia vào Ngày Nhà giáo Thế giới Liên Hiệp Quốc đã cho phép nhiều quốc gia đang phát triển tiếp cận với những biện pháp giáo dục tiến bộ và còn có thể đóng góp cho sự thiếu hụt nhân sự ngành giáo dục trên khắp thế giới thông qua các chương trình hợp tác, viện trợ và trao đổi giáo chức toàn cầu. ■

Lang thang trong chữ

Phương ngữ đủ độ thì hay

HỒ ANH THÁI

Nói chuyện phương ngữ, xin có mấy dòng thư giãn. Trong tiểu thuyết *Mười lẻ một đêm* (viết năm 2004), tôi có xin phép nhại giọng miền Trung: "Ở trường Mỹ thuật, có lần đúng giờ học vẽ mà người mẫu nam không đến. Gã sinh viên tót ngay lên cái bục gỗ, tụt hết ra làm mẫu cho cả lớp vẽ. Đứng ngồi tô hô các tư thế, lại còn cười nói đối đáp trêu chọc bạn cùng lớp. Chẳng có người mẫu nào lại tự nhiên và sinh động bằng. Đám sinh viên nam và sinh viên nữ đều được việc. Chỉ có thầy chủ nhiệm, một họa sĩ khắc kỷ cuối giờ vào lớp thấy vậy thì rút dép ném đúng vào chỗ hiểm của gã. Thầy đuổi trò tồng ngồng chạy vòng quanh cái bục gỗ, thầy chửi bằng giọng miền trong nồng nặc như tiếng Ý. Tổ cha mi mi từ mô ra mi mần răng mà mi lại ra ri".

Đấy là tiếng Ý. Có người nói miền Trung của ta còn là cái nôi của tiếng Nhật nữa. Nói cách khác, giọng Trung có chung nguồn gốc với giọng Nhật. Tiếu lâm trên mạng kể một người Nhật đã phát hiện ra điều này khi nghe hai người Huế đối thoại:

- Mi đi ga ni?
- Ừ, tau đi ga ni. Mi đi ga mô?
- Ga tê. Tau đi ga tê.
- Ga tê ga chi?
- Ga Lăng Cô tề.
- Răng đông như ri?
- Ri mà đông chi.
- Mi ra ga mô?
- Ra ga Nam Ô.
- Khi mô mi đi?
- Chừ chứ khi mô.
- Mi lo đi đi.
- Ừ, tau đi nghe mi.

Người đọc nào không hiểu, hãy tìm một người Huế để phiên dịch.

Lại nhớ thời chiến tranh có tiểu thuyết kể về vùng Quảng Nam Đà Nẵng, dùng toàn thổ âm thổ ngữ trong suốt cuốn sách mấy trăm trang. Người đọc chóng mặt, nhức đầu, ù tai. Phương ngữ đưa vào có liều lượng, vừa đủ độ thì tạo được không khí cho người đọc tin, cho người đọc thích. Quá mức độ thì phản cảm, thậm chí có thể người ta phải bỏ sách.

Lại nữa, cuốn tiểu thuyết cách đây chưa lâu của một nhà văn vùng Đông Bắc, đoạn viết về chiến tranh ở miền Nam Trung Bộ, mấy cô du kích bắt được một anh chàng bị nghi là địch. Các cô lập biên bản, mà viết lẫn lộn e-lờ en-nờ: một nà, hai nà… Mấy cô Nam Trung Bộ mà nói ngọng như người đồng bằng Bắc Bộ.

Giản tiện

Chính tả của người Mỹ có xu hướng bỏ những chữ câm trong một từ. Chẳng hạn những chữ u câm trong các từ như colo(u)r, parlo(u)r, neighbo(u)r, mo(u)stache, g(u)ard. Một số chữ câm khác chưa bỏ được, ví dụ chữ h trong những từ (h)onour, (h)our. Hoặc chữ k trong những từ: (k)now, (k)not. Hoặc chữ p trong từ (p)sychology… Một số nhà ngôn ngữ của Mỹ kêu gọi giản tiện hóa chính tả tiếng Mỹ, giản tiện hơn nữa, nhưng chưa thể thực hiện. Một số từ cũng có chữ u như b(u)oy đúng là chưa được cải tiến và cũng khó cải tiến. Cải tiến ngôn ngữ không phải là việc nhiệt tình và quyết liệt mà được.

Trong tiếng Anh - Mỹ có nhiều chữ câm, tức là có viết ra nhưng không được phát âm. Những chữ câm, người ta gọi là silent tức là lặng, câm, im. Chữ trong ngoặc ở những từ trên gọi là u silent, chữ u câm.

Giờ mới ra chuyện đùa. Trong phòng đợi sân bay, một ông hành khách nhìn ra ngoài mà reo lên:

"Boeing is landing". Một chiếc Boeing đang hạ cánh.

Hành khách bên cạnh nhắc:

"Be silent".

Be silent vừa có nghĩa là hãy yên lặng, hãy câm đi, vừa có nghĩa là chữ B câm.

Ông khách kia tưởng được nhắc về phát âm, bèn tiếp tục reo to:

"Oeing is landing".

Ở câu reo lên lần này, ông đã bỏ chữ B trong từ Boeing. Chữ B đã câm. ■

Làm gì trước tình trạng trẻ em chết đuối ngày càng tăng?

VÂN ANH

Các phương tiện thông tin đại chúng cứ liên tục đưa tin: trẻ em chết đuối ngày càng gia tăng đáng báo động về số vụ lẫn số trẻ thiệt mạng. Cứ vài hôm lại xảy ra một vài vụ đuối nước khiến dư luận hết sức lo ngại. Điều đáng nói là tình trạng này không chỉ diễn ra vào thời điểm mùa lũ bão như trước mà nó xuất hiện mọi lúc mọi nơi từ thành thị đến nông thôn, từ miền ngược đến miền xuôi.

Có khá nhiều nguyên nhân như: trẻ em không biết bơi nhưng hiếu động rủ nhau đi tắm sông rạch, ao hồ; trẻ rơi xuống các hố sâu của những công trình xây dựng không biển báo và rào chắn an toàn; trẻ không được cha mẹ bảo vệ bằng những biện pháp an toàn khi sống trong môi trường nguy hiểm nhất là mùa lũ quét, lũ tràn; đã có cả những trường hợp bỏ trẻ tại nhà để lao động mưu sinh hay bất cẩn làm trẻ rơi xuống nước dẫn đến thiệt mạng oan ức. Chưa kể vẫn còn xảy ra việc trẻ đi em học trên những chuyến đò ngang thiếu an toàn và các phương tiện cứu sinh; thỉnh thoảng cả nước còn giật mình khi bắt gặp những hình ảnh trẻ em đến trường phải đi qua những cây cầu treo trên sông rộng chảy xiết, những sợi dây cáp "tử thần" qua các suối sâu… và còn nhiều lý do khác.

Nếu như trước đây một số địa phương có kế hoạch khá chu đáo trong mùa lũ như tổ chức phương tiện đưa đón học sinh đến trường an toàn, tổ chức các điểm giữ trẻ mùa lũ; tổ chức dạy bơi cho học sinh; trang bị cặp cứu sinh, tuyên truyền nâng cao ý thức cảnh giác của cộng đồng về tình trạng trẻ em bị chết đuối nước… thì đến nay hầu như những hoạt động có tính chất phòng ngừa đó đã bị lơ là. Một số nơi tuy vẫn duy trì nhưng chỉ mang hình thức qua loa, chiếu lệ, dường như chỉ nhằm mục đích đối phó với các đợt thanh tra, kiểm tra. Cạnh đó, một số phụ huynh thiếu quan tâm đến lịch sinh hoạt vui chơi của con em mình dẫn đến hậu quả đau lòng. Cụ thể là đã có hai học sinh nữ lớp 8 ngụ tại TP.Cần Thơ chết đuối vì tắm sông trong lúc đi dã ngoại, là một trong những trường hợp hết sức đáng tiếc. Tệ hơn nữa, mới đây một em nhỏ chết đuối khi rơi vào miệng cống lúc triều cường mưa ngập mà phải mất mấy ngày sau mới tìm được thi thể. Có cả những cái chết tập thể với số lượng đông.

Đáng lo ngại là tình trạng một số đơn vị thi công tắc trách không có biển báo, rào chắn các hố sâu nguy hiểm dẫn đến nhiều cái chết tức tưởi. Chỉ đến khi đã xảy ra nhiều vụ tai nạn do đuối nước thì mới vội vàng làm rào chắn, biển báo, cắt cử người bảo vệ, hướng dẫn để qua mặt các cơ quan pháp luật. Song song đó, đề án dạy bơi cho trẻ trong trường học sau một thời gian phát triển rầm rộ giờ đã im hơi lặng tiếng, nếu có chỉ duy trì rất ít tại một số điểm trường. Ngoài ra, sự cảnh báo về tai họa này trên các phương tiện truyền thông giờ cũng thưa dần, thiếu sinh động, thực tế, chưa sâu rộng và sức tác động, lan tỏa đến cộng đồng chưa nhiều.

Trách nhiệm thuộc về ai? Nên chăng cần thẳng thắn nhìn nhận những thiếu sót hạn chế của cộng đồng dẫn đến các vụ việc trên. Cần lắm một sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, sát sao giữa chính quyền các địa phương, gia đình, nhà trường trong việc phòng tránh đuối nước cho trẻ em. Và rất cần một tinh thần trách nhiệm cao của các doanh nghiệp khi thi công các công trình bằng các biện pháp bảo vệ nghiêm ngặt; sự quan tâm đích thực của người lớn đối với trẻ em trong mọi trạng thái, điều kiện sinh hoạt, đi lại, học hành. Và xin đừng để đề án dạy trẻ biết bơi ngày càng trở nên xa vời trong khi hiểm họa chết đuối nước đang rình rập từng ngày xung quanh cuộc sống các em. ■

Anh Hai tôi

NGUYỄN THỊ SƯƠNG

Những lần về quê vội vã, gần như Hai là người duy nhất tiễn tôi ra bến xe trở lại thành phố. Hai là con dì tôi, nhưng tôi thương anh như con của mẹ. Bởi những hoàn cảnh tương tự đôi khi mang đến sự đồng cảm bất ngờ. Mấy anh em chúng tôi đều chỉ có mẹ, cuộc sống như thế ấy dạy chúng tôi thêm yêu lấy mẹ và những người thân bên cạnh mình. Tôi thương Hai vì cuộc đời của Hai có quá nhiều nỗi đau. Người nhà quê kể cũng ngộ, tình cảm chan chứa vậy mà có khi nào chịu thể hiện ra trên mặt đâu. Hai không quen với những lời ngọt ngào bóng bẩy, muốn gì cứ nói huych toẹt ra như búa bổ vậy. Thế nhưng tôi không bao giờ buồn vì điều đó, vì hơn ai hết tôi hiểu con người anh tôi. Cái vẻ cục mịch bên ngoài chẳng qua là vỏ bọc cho một trái tim chan chứa tình yêu thương vô bờ bến. Chẳng hiểu thế nào mà ba chị em gái: mẹ tôi, dì lớn tôi, dì nhỏ tôi đều không lấy chồng; lớn lên, đường tình dang dở, họ cứ lầm lì như thế rồi sinh con mà nuôi. Hai tôi lớn nhất, anh bươn chải từ hồi mười ba tuổi kìa; hồi ấy ở quê tôi người ta đi trồng rừng thuê trên những khu đồi tranh. Để bứt khỏi những nghèo khó bám dai bám dẳng nên Hai tôi bỏ học từ đó. Cũng có nhiều lần cô giáo đến tận nhà vận động làm Hai mủi lòng muốn đi học lại, kiếm con chữ cho mai này cuộc đời đỡ vất vả. Nhưng người tính không bằng trời tính, dì lớn tôi đổ bệnh, ấy vậy là Hai lao vào cuộc mưu sinh như con ong cần mẫn. Anh đi làm xa, dành dụm tiền thuốc thang cho mẹ và cho em gái đi học. Tôi thương Hai những đêm dài lặn lội trên rừng sâu cho từng hạt gạo trong vò được đong đầy. Kể làm sao hết nỗi nhọc nhằn của những đứa con không cha! Chỉ có ai ở trong hoàn cảnh ấy mới thấu hết bao nhiêu tủi cực, như ông bà vẫn thường nói, có ở trong chăn mới biết chăn có rận... Dần theo năm tháng Hai cũng già dặn đi, anh ít nói như những bóng cây trầm mặc trước bão táp mưa sa của cuộc đời. Hai nói chuyện cộc lốc cộc lơ, nhiều khi làm trái tim bé bỏng của tôi thoáng giận hờn. Người ta nói bằng kinh nghiệm đúng là chẳng sai bao giờ: "Có đi xa mới thấu hết lòng…". Nghĩ lại tôi cần phải cảm ơn nhưng năm tháng xa nhà, vì nhờ có nó mà tôi hiểu hết giá trị của tình thân và hiểu cả tấm lòng người qua những phút giây không yên ả. Hồi nhỏ mẹ vẫn thường sửa lại đồ của Hai cho tôi mặc, tôi vẫn nhớ như in cái ngày đầu tiên vào lớp một, cái thân hình bé xíu của tôi trong bộ quần xanh-áo sơ mi trắng rộng thùng thình của Hai. Giờ đây khi lớn lên tôi rủa thầm mình vì sao khi ấy lại khóc thét lên chê bộ đồ ấy, nhưng con trẻ thì làm gì có lỗi bởi những sự vô tình… Nhà nghèo, cứ cái gì đứa lớn không thể xài được thì đưa cho đứa nhỏ, theo năm tháng tôi trở thành một đứa chuyên xài lại đồ đã chật ních của Hai tôi. Ngày còn nhỏ, Hai vẫn thường đưa tôi đi học, con đường đất sét lấm lem bê bết khi trời mưa xuống. Những ngày mưa rả rích, con suối chắn ngang con đường đến trường nước lúc nào cũng xâm xấp tới bụng. Sáng nào Hai cũng đèo tôi trên chiếc xe đạp; tôi đến trường làng, Hai đi trường xã; đến trưa tan học tôi lại chờ Hai ở cổng. Ngày Hai chấp nhận từ bỏ giấc mơ đến trường, tôi khóc như mưa. Hai ôm đầu tôi vào lòng an ủi, "Tao ở nhà để bay đi tiếp con đường còn dang dở của tao, nhé!". Tôi quên làm sao những lời hứa ngày xưa, chỉ có điều hoàn cảnh cũng đẩy đưa giạt đến những bến bờ xa lạ lắm hoang liêu trước khi tôi chính thức viết tiếp ước mơ trên giảng đường. Những ngày tôi đi học xa Hai vẫn thường xuyên có những cuộc điện thoại đường dài với cái kiểu xưng hô thật ấm áp: "Hai-em" thay vì tao mày như hồi còn ở nhà. Cuộc đời sinh viên trọ học, bao nhiêu áp lực cuộc sống cứ đè nặng lên đôi vai. Hễ mệt mỏi là tôi lại vớ lấy cái điện thoại và tỉ tê bao nhiêu chuyện với Hai. Hai thương tôi lắm, anh nghẹn ngào thay cho tôi trong những nỗi nhọc nhằn đời sống. Nhà quê, kiếm ra đồng tiền phải đổ mồ hôi sôi nước mắt, nhưng anh không bao giờ tiếc điều gì với tôi. Có một dạo anh đi theo người ta làm lâm tặc, mà kiểm lâm bắt gắt gao quá nên chẳng thể có tiền cho tôi nhân chuyến về quê. Anh bần thần cả buổi: "Hai định kiếm ít đồng cho em đi xe, mà giờ kẹt quá!". Tôi nghe mà lòng thắt lại, nước mắt chảy tràn trên cổ áo, thương anh thật nhiều, tôi nhủ lòng mình phải cố học hành cho đến nơi đến chốn để không phụ lòng của Hai. Con đường của tôi dù có chông chênh đến cỡ nào đi chăng nữa cũng đã thấm vào đâu với những nỗi truân chuyên của đời Hai. Con người ta cứ khổ là khổ đeo đẳng cả cuộc đời. Tội cho Hai, yêu cô bé ở gần nhà mấy năm rồi mà dì lớn nhất quyết không cho cưới với những lý do chẳng đâu vào đâu. Người lớn đôi khi lo xa quá, Hai là người con có hiếu, lại bị kẹt ở giữa. Nhiều lần nói chuyện với tôi, Hai đã khóc, tôi hiểu giọt nước mắt ấy đắng cay như thế nào. Đàn ông rất ít khi khóc mà. Lận đận mãi giờ anh cũng yên bề gia thất. Tôi thầm mỉm cười cho niềm vui bé bỏng của Hai. Đôi khi phải qua bao nhọc nhằn như thế ấy. Và con người rồi cũng đến lúc được vượt thoát, như cái hạnh phúc của Hai vậy… ■

Ba sai rồi...

LÊ QUANG KẾT

Trồng giàn su dành tiền sinh con; đó là chuyện những năm quá khó khăn của ba mẹ. Và thế tên con được gọi Su Su, để nhớ những ngày vất vả. Con sinh đúng vào ngày 30 tháng 4, mẹ cười gượng bảo: "Khỏi mừng sinh nhật Su vì trùng ngày kỷ niệm của cả nước". Nói vậy thôi, chứ nhà mình có bao giờ tổ chức sinh nhật ai đâu.

Gập ghềnh bước đường học vấn, con đã vượt qua để hoàn thành bậc phổ thông. Giờ thì ba hiểu. Nhà mình thiếu thốn mọi bề. Cái gì Su cũng thua em kém bạn – ai mà không tủi? Hình như điều đó làm con ít nói ít cười, cố chịu đựng, có khi dửng dưng trước những lời chê trách. Bao giờ cũng thế, các khoản đóng góp ở trường, phải đợi đến lúc cuối cùng Su Su mới nộp. Cô thầy thúc hối. Ba chạy vạy, lần lữa. Người chịu đòn tinh thần lại là Su Su. Mỗi lúc lắng lòng nghĩ về ngày tháng cũ, ba rơm rớm… Khổ cho con tôi…

Mẹ bạo bệnh năm Su học lớp Tám. Ba xoay xở chẳng tới đâu, phải cầu cứu nội ngoại mới tạm ổn. Nhưng rồi hai mẹ con phải tạm về quê mấy năm. Gia đình một cảnh hai quê, việc học của con ít nhiều ảnh hưởng. Sau này ba biết, hồi ngoài Sịa[1] (chỗ hai mẹ con ở với ngoại) con phải phụ việc làm bún với cậu Hào để có thêm tiền trang trải cuộc sống. Vậy mà thư Su viết chỉ cốt để ba yên lòng: "Mẹ và con ngoài này đầy đủ, ba cho Ti Ti đi học thêm cho kịp với bạn bè…". Ôi, con trai tôi nhỏ tuổi đã biết lo nghĩ đến em gái.

Gia đình sum vầy, mẹ có việc làm – đỡ hơn đôi chút. Và sai lầm của ba bắt đầu từ đây. Su vốn mê thơ yêu văn, thích các môn khoa học xã hội và nhân văn, có năng khiếu ngoại ngữ. Nhiều điển tích điển cố trong truyện Kiều, những câu từ tiếng Anh khó ba nhiều lần hỏi – con đã trả lời đầy tự tin, chủ động và xác tín. Thế mà cả ba mẹ đều muốn Su phải học ban A, khoa học tự nhiên. Con đã cố lên làm vui lòng ba mẹ nhưng chẳng thú vị gì. Ba năm miệt mài với toán - lý - hóa, Su ngày càng đuối sức và chẳng tiến bộ hơn chút nào. Điều gì đến đã phải đến, Su Su của chúng tôi thi trượt vào đại học…

Những ngày tiếp đó bao lo âu đè nặng lên vai Su. Mọi thứ như sụp đổ. Nhìn con ủ rũ, thẫn thờ, biếng ăn… lòng ba đau như cắt. Hình như những cô cậu ít nói thường có những giằng xé nội tâm ghê gớm. Sao mà yên lòng được? Công cha nghĩa mẹ ơn thầy, bạn bè và bao điều khác nữa, ai cũng nói nó giỏi giang chăm chỉ mà sao thế? Ký ức tuổi thơ con – ba nhớ; có lần mẹ hỏi: "Lớn lên con thích nghề gì?". Su Su của ba đã hớn hở trả lời: "Con sẽ tập tễnh viết văn và gởi báo; nói về ba mẹ, nói về em Ti Ti, nói về nhà mình nghèo nhưng ấm cúng, biết đùm bọc chia sẻ; nói về 'đất nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc'; nói về những con người 'sống hiên ngang mà nhân ái chan hòa'[2]…". Thế mà ba mẹ có cho con thực hiện mơ ước của mình đâu!?

Ba sai rồi… Ba muốn áp đặt con phải là bác sĩ, kỹ sư, hay là nhà kinh tế hay là… để khoe với mọi người: Con tôi đang ở công ty này kia, lương cao thưởng lớn; con tôi trúng đậm đợt *hot* bất động sản này; con tôi vừa tậu căn hộ chung cư cao cấp… Ba sợ con phải theo nghề viết văn làm báo nghèo khó, ba sợ con chỉ loay hoay với ngòi bút chân thật ngay thẳng sẽ thiếu hụt cả một đời. Ba quên một điều trọng đại là không ai có quyền cướp đi ước mơ của người khác. Bài học văn chương thuở trước ba vội quên: Cụ Đồ Chiều, nhà thơ mù Nam Bộ, một con người "tối mắt" làm được bao công việc mà bao người "sáng mắt" ngày ấy khó ai theo kịp. Đó là dạy học, dạy đạo làm người, bốc thuốc chữa bệnh giúp người nghèo khổ và làm thơ yêu nước buổi đầu chống Pháp. Tuyên ngôn nghệ thuật của cụ đã hơn 100 năm vẫn sừng sững treo trên lầu cao:

"Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà". ■

Chú thích:

1. Một thị trấn thuộc huyện Quảng Điền, Thừa Thiên – Huế.
2. Thơ Nguyễn Khoa Điềm, Huy Cận.

Và anh là mẹ!

LÊ HỨA HUYỀN TRÂN

Khi mẹ qua đời thì anh thực sự trở thành trụ cột trong gia đình, bởi lẽ ba đau yếu thường xuyên. Trước đó, khi mẹ sinh ra tôi, tôi đã là gánh nặng trên vai anh; trong khi anh vẫn còn quá nhỏ để gánh vác trọng trách của người đàn ông trụ cột, vì thế dường như anh đã hoàn toàn đánh mất tuổi thơ, mặc dù anh chỉ hơn tôi có hai tuổi. Và tôi, với tâm lý của một đứa bé gái sớm mất mẹ, tôi đã làm cho anh đau lòng rất nhiều.

Từ bé, tôi đã thiếu thốn tình thương của mẹ. Tôi cần lắm những điệu hò à ơi ru tôi trong giấc ngủ say; trong cơn khát sữa, tôi thèm lắm được thả mình vào bầu vú mẹ căng tròn và khát khao được mẹ đưa võng quạt gió giữa buổi trưa hè nóng nực. Khi biết đi, tôi thèm được mẹ dắt đến trường mẫu giáo rồi chỉ cho tôi kia là cô, đây là bạn. Lúc mới biết nói, chẳng hiểu sao tôi lại tập được tiếng "mẹ ơi" bập bẹ để rồi ba và anh ứa nước mắt không thành lời, dẫu đó cũng là tiếng "mẹ ơi" duy nhất của tôi. Khi tôi ở năm cuối bậc tiểu học, anh đã nghỉ học để đi làm bởi bấy giờ ba đã phải nằm nhà vì mất sức. Dường như bao khó nhọc đều đổ dồn lên vai anh, dẫu ngày đó anh cũng còn thơ bé quá. Cũng nhờ bà con lối xóm thương gia đình mình, thương anh, tội nghiệp cho tôi mà cả ba cha con cũng có thể đắp đổi qua ngày.

Tôi lên trung học thì bàn tay anh đã chằng chịt những vết chai. Anh không còn là cậu bé con ngày nào mà bỗng nhiên lớn bổng. Anh vẫn thương tôi bằng tình yêu của một người anh lẫn sự dịu dàng của một người mẹ. Thế nhưng dù gì tôi vẫn là một đứa con gái; và dường như là một đứa con gái ai cũng cho phép mình cái quyền được yếu đuối và nhạy cảm trước những biến chuyển xung quanh lẫn những cảm xúc nội tại. Và cũng vì là một cô gái, tôi thèm lắm bàn tay của một người mẹ, thèm lắm lời khuyên nhủ, hỏi han, thèm lắm những sẻ chia mà anh, một người con trai sẽ chẳng bao giờ biết và thấu hiểu được. Lúc tôi đương bước vào tuổi dậy thì khiến những biến đổi trong cơ thể làm cảm xúc tôi không định hình nổi; việc tôi dễ vui buồn hờn giận đã làm anh thấy lạ. Lạ có lẽ bởi vì anh không nhận ra tôi đã đổi thay như thế nào, dù anh luôn dõi theo tôi kể cả khi anh luôn bận túi bụi ngoài đồng, còn tôi bận chơi trò đuổi bắt trên những triền đê. Lạ có lẽ bởi vì tôi đã biết vướng trong những suy tư khờ dại, còn anh thậm chí không có nổi thời gian cho riêng mình khi có cô bé bên nhà nói tiếng yêu thương. Lạ có lẽ bởi vì tôi đã lớn bổng lên không còn là cô em gái nhút nhát ngày nào anh vẫn hay cõng trên vai kể cho tôi nghe những câu chuyện thần tiên cổ tích. Thế nhưng, dường như có lẽ bởi anh là con trai, mà con trai thì lúc nào cũng hay có tính vô tâm và chẳng nhạy cảm được nhiều như con gái, nên cứ dần lớn lên, khi vai trò trụ cột dần trở nên nặng nề hơn khiến vai anh oằn gánh, cũng là lúc vai trò người mẹ trong anh trở nên nhạt dần.

Bắt đầu bằng những ngượng ngùng khi tôi dùng những vật dụng của người thiếu nữ mà anh thấy đến lúc những tâm sinh lý trong tôi biến chuyển mà tôi chẳng thể nào nói được với anh vì ngại và cũng vì anh không thể nào hiểu nổi, từ những ngượng ngùng khó nói ban đầu trở thành hờn giận, và từ những hờn giận tôi bỗng có những khát khao. Nhiều lúc nhìn anh vất vả đổ mồ hôi ngoài cánh đồng nhưng sự thương yêu anh chẳng thể nào bù đắp nổi cho cảm xúc ganh tị khi thấy cô bạn cùng lớp được mẹ đi họp phụ huynh cho. Nhiều lúc nhìn anh đang quét dọn trong nhà rồi tất bật nấu cơm, cho lợn ăn thì sự thương yêu chẳng thể nào bù đắp nổi khi tôi nghe bạn tôi kể nó đã khóc trên vai mẹ khi lần đầu đến tháng, lúng túng không biết phải giải quyết như thế nào. Và nhất là khi tôi đang yêu thương một ai đó, tôi đương cơn say cảm xúc của chính mình thì anh lại biết và ra sức ngăn cấm tôi, vì với anh tuổi nhỏ không được yêu đương, phải chú tâm vào học; những lúc ấy tôi thèm có được một người mẹ biết bao vì trong cả chân trời tuổi thơ tôi ngày ấy, dường như chỉ có mẹ mới hiểu được tâm tư tình cảm của tôi, còn anh dù có cố gắng cách mấy cũng khổng thể thế thay một người mẹ.

Biến cố xảy ra khi tôi vào lớp mười. Ba trở bệnh nặng, vật dụng gia đình đã hầu như phải bán thốc bán tháo; cả tôi, ngoài giờ học cũng phải ra đồng giúp đỡ anh dẫu anh luôn đuổi tôi lên bờ để tranh thủ thời gian rảnh mà học. Anh gồng mình làm cả phần việc của tôi. Ngày ấy tôi tự hào về anh lắm, anh là một người đàn ông tốt, một người trụ cột vững chắc. Anh hay kể cho tôi nghe về những buồn khổ trong cuộc đời và khuyên nhủ tôi đừng bao giờ trở thành người xấu. Anh không có đủ thời gian dạy tôi như những cuốn sách đạo đức mà anh mang tôi bước vào thế giới của tình thương với những vòng ôm thật chặt, những câu nói lúc anh buồn nhưng lại tràn đầy tình cảm "anh thương bé Ba lắm" hay những lúc anh rơi nước mắt vì nhiều khi người ta dồn anh vào cảnh khốn cùng. Anh làm tôi tự hào bởi tính siêng năng cần mẫn mà theo mấy bà trong làng anh là một chàng trai khá đĩnh đạc và lịch sự chứ không phải như đám con trai ngày nay. Dẫu đôi lúc anh cũng thật trẻ con luôn quấn quýt bên em gái hay thậm chí nổi quạu với thằng ranh con nào đấy vô tình làm tôi khóc.

Nhưng cũng trong thời gian ấy, khi tôi quen dần với vai trò của một người con gái trong gia đình cũng là lúc sự thèm khát tình mẫu tử trong tôi nổi dậy mãnh liệt. Có ai đó trong cơn giận vô ý gọi tôi là một kẻ mồ côi, tôi đã khóc trắng đêm dẫu anh hỏi hoài tôi cũng không nói và anh đã ngồi thức cả đêm đến khi mệt lả rồi ngủ gục. Và khi nhìn thấy anh, dường như bao bức bối trong tôi trỗi dậy, dẫu tôi biết không phải lỗi tại anh, dẫu tôi biết anh cũng chịu nhiều mất mát như tôi nhưng tôi vẫn không ngừng trách anh, hỏi anh tại sao mẹ lại mất? Tại sao người ta có mẹ tôi lại không? Và rồi tại sao anh không thể làm tốt vai trò một người mẹ mà để em gái mình bị mang tiếng mồ côi rồi đủ thứ. Và tôi càng không hiểu sao nhìn bộ dạng câm nín không nói nên lời của anh rồi lại ấp úng nói: "Anh sẽ cố gắng làm một người mẹ bù đắp cho em" thì tôi vẫn có thể tàn nhẫn nói những lời làm anh đau lòng cho được.

Kể từ ngày đó anh thay đổi. Anh thay đổi nhiều tới mức tôi không nhận ra đâu là bóng dáng một người anh. Đúng, anh đã hoàn toàn trở thành một người mẹ! Anh chăm sóc tôi hết sức dịu dàng, sẵn sàng tư vấn cho tôi chuyện tình yêu, chuyện bản thân một cách rất tinh ý mà tôi không biết rốt cuộc anh phải đọc bao nhiêu cuốn sách tâm lý, thay đổi bao nhiêu trong nhận thức để có được sự mềm mỏng, dịu dàng đến vậy. Anh vỗ về tôi trong những giấc ngủ say và thậm chí còn làm những công việc nội trợ thay cho tôi, khuyên lơn tôi những điều mà tôi nghĩ là giống hệt như một người mẹ hay làm. Anh không còn xuất hiện để bảo vệ tôi bằng sự mạnh mẽ của chàng lực điền ngày xưa mà thay vào đó là những lời khuyên lơn, dạy bảo. Ai cũng nhận thấy anh thay đổi. Cũng có những người chắc lưỡi tiếc nuối vì anh đã dần mất đi vẻ mạnh mẽ ban đầu, để bây giờ công việc gì của đàn bà con gái anh cũng làm, có cả những người bảo anh đồng bóng, chỉ vài người hiểu cớ sự lại thấy thương anh vô vàn. Nhưng dù ai nói gì anh vẫn làm tròn vai trò một người mẹ trong con mắt của tôi và "để bé Ba sẽ yêu thương anh hơn, gần gũi anh hơn thì gì anh cũng làm". Tôi mặc nhiên cho đó là quyền lợi của riêng tôi dẫu cảm xúc anh chẳng bao giờ tôi đoái hoài tới; ừ, vì tôi ích kỷ.

Tôi lên đại học thì ba mất, người con trai mang dáng dấp một người mẹ càng vất vả lo cho cô em ăn học nhiều hơn. Đã đôi ba lần tôi thấy anh ghé mắt nhìn cô hàng xóm để rồi buồn bã nhìn pháo hoa rộn đường. Đã bao lần tôi thấy anh đưa những cô bạn ghé chơi nhà để rồi tôi không ưa anh lại ngậm ngùi từ chối. Đã bao lần vì cần anh che chở, cần cái suy nghĩ là "mẹ đang ở trước mặt" và "một người đàn bà sẽ hiểu con gái hơn một người đàn ông" mà đã rất lâu rồi tôi chưa thốt nổi tiếng gọi anh ơi. Và cũng đã bao mùa xuân qua cho tới khi tôi đi lấy chồng anh vẫn luôn làm tròn trách nhiệm mà không nhận ra anh vẫn chưa có một nửa của đời mình. Rồi tôi cũng theo chồng đi xứ khác, anh vẫn mãi chí thú làm ăn thỉnh thoảng gửi tôi ít tiền trang trải cuộc sống vì gia đình tôi cũng chật vật, rày đây mai đó. Mỗi lần về thăm, anh lại hỏi thăm đủ điều, dặn dò đủ thứ cứ như một bà già nào đấy mà tôi cũng ngỡ ngàng sao anh kỹ tính hơn cả tôi. Khi thì gói chút quà cho sắp nhỏ, khi lại dặn tôi uống thuốc gì cho căn bệnh đau gan của tôi, khi lại tíu tít ngoài vườn hái đủ thứ rau bắt tôi mang về bằng được. Nhiều lúc tôi cũng muốn nói anh hãy lấy một ai đó tựa nương nhưng tôi nhớ lại mình đã ích kỷ như thế nào đến nỗi không đủ can đảm để nói; nhiều lúc tôi muốn nói rằng lúc anh đang là "một người mẹ" tôi vẫn thấy anh là "một người anh, một người đàn ông đúng nghĩa" nhưng bởi tính ích kỷ của mình tôi lại không dám nói ra,vì tôi đã bảo tôi cần một người mẹ, và cũng vì sau đó anh làm tốt quá, tôi không dám nói ra, tất cả chỉ tại tôi ích kỷ.

Ngày anh lấy vợ tóc đã bạc rất nhiều, một cô góa trong thôn về gá nghĩa cùng anh xây tổ ấm. Nhìn anh cười hạnh phúc trong ngày cưới tôi chợt cảm thấy tim mình đập mạnh. Phải đến gần cuối đời người anh mới tìm được hạnh phúc của cuộc đời mình, hạnh phúc đến từ tổ ấm riêng. Dường như đọc được suy nghĩ của tôi anh vội lắc đầu, và nhìn tôi thật lâu, nụ cười tươi rạng rỡ hạnh phúc tràn trề. ■

Ảnh minh họa

Về với hư không

TRƯƠNG VĂN DÂN

Cùng với sự xuất hiện không được chào mời của cơn ho, tôi vừa được nhắc nhở rằng cái ngày cuối cùng sắp đến. Giây phút hiếm hoi, chỉ xuất hiện một lần duy nhất và cũng là lần cuối cùng của một kiếp người.

Có ai đó nói rằng một người sắp chết thường nhìn thấy toàn bộ cuộc đời của mình trong những phút giây chớp nhoáng cuối cùng. Còn tôi, tôi chẳng nhìn thấy gì rõ rệt. Chỉ thấy những xáo trộn của một chuyển hóa, như những bức ảnh trong một cuốn phim quay nhanh mà không có hình thù nào rõ nét.

Tôi là ai?

Là con Gấm? Là đứa bé bị đời bạc đãi, là người con gái trôi sông lạc chợ, bám víu vào những cuộc hôn nhân, thực chất là những bè gỗ mục, chấp chới giữa dòng chảy xiết? Tôi là kết tinh của sự bất hạnh hay là người đàn bà được yêu, được vỗ về, che chở để có thể tự cho mình là người hạnh phúc nhất trần gian? Tôi là một, hay là tất cả những hình ảnh phản chiếu từ những chiếc gương xung quanh mình do cuộc đời sắp đặt: Tôi phản chiếu thành bóng trên gương và bóng phản chiếu lên những tấm gương khác, tạo thành những chuỗi hình ảnh vô cùng, vô tận. Phản chiếu của phản chiếu, hình ảnh của hình ảnh cùng với tiếng vọng của âm thanh có pha lẫn giọng cười, tiếng khóc?

Nhiều ý nghĩ trôi qua mà thực sự tôi chẳng biết mình là ai. Có lẽ xưa nay tôi chỉ nhìn tôi qua những ảo ảnh và nhận biết diện mạo của mình qua ánh mắt phán xét của tha nhân. Tất cả thực ảo lẫn lộn. Không thể phân biệt. Không có khởi đầu, không có kết thúc. Không có trung tâm, không có ngoại giới. Chỉ có một chuỗi hình ảnh, âm thanh, mùi vị, ý nghĩ, hành động liên tục nối tiếp nhau với trùng trùng nghiệp chướng. Và trong cái vòng xoay của màn luân vũ quay cuồng, tôi đã thành người như mọi người, như mong muốn của đời… phản kháng hay tuân phục theo ý chí của gia đình và bối cảnh xã hội. Tôi đã mang trên người vô vàn cảm xúc, buồn giận, yêu thương, ngọt ngào, cáu gắt… và tâm trạng liên miên hoán đổi. Liên miên biến hóa. Tôi đã thích ứng, đổi thay… và cuối cùng mọi thứ trộn lẫn, chẳng có gì nguyên vẹn, như thể chưa từng tồn tại một ý nghĩ, một tư tưởng hay hình hài gì… mà chỉ có những chuyển đổi nối tiếp nhau rồi mờ nhạt thành một thứ vật chất và tâm linh hỗn độn.

Tôi là ai? Là hình thể của giây phút hiện tại hay tập hợp của muôn vàn khuôn mặt, trong quá khứ, vị lai, mang đủ hạnh phúc, khổ đau, tài hoa, mê muội, sức khỏe và bệnh tật rồi bây giờ chuẩn bị bước vào cõi vô sinh vô diệt?

Trước đây, qua các truyện cổ tích tôi đã mong được trường sinh bất tử. Các truyện thần thoại mê hoặc tôi. Nó làm tôi mơ mộng và lãng mạn. Chỉ đến khi bệnh tật tôi mới nhận thức được rằng, như tất cả mọi vật thể, mỗi ngày trôi qua thì tôi cũng đang tiến gần đến sự hủy diệt. Mỗi ngày… tôi đang bước đến gần ngôi mộ của mình. Con Gấm ngày hôm qua khác với con Gấm ngày hôm nay, và lúc này, lúc sau, nó sẽ đổi khác… Mỗi thời khắc trôi qua là con Gấm sống và tự giết chết một phần của chính mình. Những tế bào này chết, những tế bào khác sinh ra. Con Gấm thay đổi, tự bác bỏ, tự mâu thuẫn, tự hoài nghi giữa đúng và sai, giữa chân lý và sai lầm… và đó chính là sự trưởng thành, là sự hòa nhập vào hiện thực cuộc sống thiên hình vạn trạng.

Một cơn ho chí tử nữa vừa ập đến.
Ngực tôi như muốn nổ bùng.
Và đất trời yên ắng bỗng chao đảo như sụp đổ.
Nó sẽ vỡ từng mảng và đổ ụp xuống trần gian.
Tôi còn bao nhiêu thời gian nữa?
Từ đây đến "đó" còn bao xa?
Những thời khắc còn lại mình sẽ phải làm gì?

Hỏi thế nhưng tôi bỗng nhận ra là mình chẳng còn gì để làm nữa cả, vĩnh viễn chẳng còn gì để làm nữa cả.

Bây giờ không.
Ngày mai không.
Mãi mãi sẽ không.

Tôi hít một hơi dài và thấy lòng nhẹ hơn bao giờ hết. Tất cả mọi vật dường như hòa nhập vào trong tôi và chỉ trong giây lát mọi băn khoăn lo nghĩ bỗng tan biến như mây khói. Một niềm vui, phấn khởi vươn tới một chuyển hóa mới mẻ bỗng xuyên suốt và bừng nở trong người tôi. Trong giây phút tôi thấy mình sắp được giải thoát. Thoát khỏi chính mình. Thoát khỏi mọi hệ lụy của đời mình. Nhẹ hẳn người đi, tôi thấy một cái gì lâng lâng, như một niềm sảng khoái chưa từng thấy. Trái tim và da thịt tôi như bừng sáng, như vừa hiểu là mình sắp bay qua tuyệt vọng.

Thái độ trầm tĩnh và sung sướng ấy làm cho chính tôi cũng phải ngạc nhiên.

Ngước mắt nhìn mây trắng trên bầu trời xanh lơ, lấp loáng sau những vòm cây lòng tôi bỗng dâng lên một cảm xúc lạ lùng. Gió lay động lá cành, như một vật xúc tác, một cái nút điện mà lâu nay tôi từng mò mẫm trong bóng tối đã bật sáng cho thấy tâm mình bình lặng, xua tan bóng tối sợ hãi.

Bỗng dưng tôi tưởng như chính mình đang bồng bềnh bay trong một cõi mà thời gian không còn ý nghĩa. Bản hòa tấu thánh thót của chim chóc, sâu bọ dọc bờ sông như không làm tan biến đi cái tĩnh lặng của thinh không mà chỉ làm sâu thêm cái tĩnh lặng thăm thẳm của tâm linh. Một cảm giác thanh thản lan khắp cơ thể. Bất chợt, tôi thấy mình bay lên cao. Lên cao. Trước mắt tôi là một nơi chốn lạ lùng. Tôi chưa bao giờ đến đây nhưng cảm thấy vùng không gian xung quanh này đang bao bọc lấy mình bằng một sự thân mật khác thường. Cứ như thể mỗi khoảng tối sáng đều đang thể hiện sức hút của nó, giống như sức hút của lỗ đen với các hành tinh trong vũ trụ và nó chi phối mọi chuyển động của mình.

Chỉ đến khi tỉnh táo vì bắt đầu giữ được thăng bằng tôi mới quay nhìn cảnh vật chung quanh. Tôi lần lượt nhìn các thành phố… Sài Gòn, Hà Nội… Bắc Kinh, Thượng Hải, Bangkok hoa đèn rực rỡ… Tôi thích thú ngắm các đỉnh của dãy Hy Mã Lạp Sơn, nhìn những dải băng chảy dài theo dốc núi, ngắm các thác nước bọt tung trắng xóa, đổ ào ào từ đỉnh cao xuống các thung lũng. Tôi nhìn thấy dòng Mêkông uốn khúc, trắng như một dải lụa giữa trời xanh, chỉ tiếc là sự phấp phới đã bị gián đoạn bởi những nút gút xù xì, có lẽ đó là những con đập Tiểu Loan, Mạn Loan bên Trung Quốc hay các thanh chắn nằm trên lãnh thổ Thái Lan, Cam Bốt hay trên đất nước Triệu Voi. Ở rải rác trên triền núi tôi còn thấy các tu viện hay những ngôi nhà xinh xắn nằm giữa vách đá chon von, như ẩn mình trong khe núi rộng. Và bao trùm lên tất cả là một màu của núi rừng xanh ngắt, tràn đầy sức sống và niềm vui. Lần đầu tiên trong đời mình tôi thoát khỏi cái thế giới bé nhỏ và chật hẹp của mình. Tôi không thể không nhìn mà không thấy lòng ngây ngất. Có lẽ hàng ngàn năm nay các dinh lũy khổng lồ của tạo hóa vẫn ngự trị trên thế giới này mà tôi nào hay biết. Vũ trụ to rộng ngoài sức tưởng tượng. Mà nếu không có được chuyến bay thật tình cờ này chắc hẳn tôi chỉ có thể tan rữa trong các nấm mồ và không bao giờ biết là cái thế giới này vẫn còn bao điều diệu kỳ và huyền bí.

Sự hiện hữu của tôi trước đây chỉ trôi qua trong một không gian bé tí, chỉ vừa đủ để chui ra chui vào, bước qua bước lại.

Giống như một kẻ quen nghe những âm thanh u uất của độc huyền cầm, rồi, bất ngờ, choáng váng trước dòng thác âm thanh của một dàn nhạc khổng lồ. Tâm hồn tôi rạo rực, như rung lên theo từng cung bậc và màu sắc mờ ảo mà thiên nhiên vừa hé ra cho thấy. Tôi nghe, tôi nhìn không chán mắt.

Gió lồng lộng.

Tôi chợt nghe từ trong không gian có những tiếng lùng bùng, khi thưa thớt, khi dồn dập. Tôi ngẩn ngơ vì chưa biết đó là âm thanh gì, nhưng có lẽ đó không phải là tiếng sấm. Bởi nắng còn chiếu sáng. Chói chang. Nắng. Gió. Cuối cùng tôi mở được cánh cửa bước vào khoảng không và bám vào một áng mây. Tựa mình vào đó tôi đắm mình trong cảm giác êm ấm hoàn toàn mới mẻ. Tôi vẫn nhìn xung quanh với một sự háo hức kỳ lạ. Tôi ngắm không chán mọi cảnh vật đang hiện ra trước mắt. Dường như chẳng còn ý nghĩ nào của tôi quay về quãng đời xưa cũ. Về quá khứ hay những gì đã trải qua. Tôi chẳng còn nhớ gì đến làng mạc, quê hương, ngay cả cái tôi hôm qua của mình cũng quên hết. Tôi nhìn như uống cạn đến giọt cuối cùng cái màn hình vĩ đại đang đổi màu, và sự ngất ngây đó đang làm tiếng đập trái tim của tôi trở nên âm vang và mạnh mẽ hơn.

Tôi mê mải chiêm ngưỡng cái sân khấu khổng lồ và phong cảnh bài trí thay đổi liên tục, hết lớp này đến lớp khác, tầng tầng lớp lớp.

Có lẽ chưa lần nào trong đời mình tôi có thể quan sát thiên nhiên chăm chú và tuyệt vời như vậy. Có lẽ chưa bao giờ tôi đắm mình trong say mê và xúc động đến thế. Tôi như chỉ hướng thẳng vào thiên nhiên và hoàn toàn quên bẵng cả thời gian và bản thân mình.

Trong đầu tôi, tâm trí tôi hoàn toàn trống rỗng, và thấy mình cứ bay như vậy, thoải mái cảm nhận thật đầy đủ là mình không còn lệ thuộc vào thời gian. Tôi chẳng còn phải tất bật ngược xuôi với những chiếc kim đồng hồ, cuốn theo tiếng tích tắc vô nghĩa mà đầy thúc giục của nó rồi vật vờ trôi đi như con thuyền không mái chèo cuốn theo dòng nước.

Đột ngột tôi thấy hơi lạnh của độ cao trên thân thể mình. Tất cả xao động. Tất cả biến đổi. Chỉ có sự nhận thức là mọi chuyển biến đều không tránh khỏi là còn ở lại. Và tôi thả rơi cái tôi của mình trong cảm giác tự xóa mà không đau đớn, sẵn sàng hòa nhập và chìm trong mênh mông. Từ trên cao nhìn xuống tôi thấy khói sương. Tất cả núi sông, thành quách, nhà cửa… dưới trần gian bỗng thu nhỏ lại, dần dần biến mất.

Tất cả chỉ còn là khoảng không. Vô tận và mờ ảo.

Bản ngã, vô ngã sắp hòa vào đại ngã.

… ■

Mơ thu

LÊ HÒA

Tôi vừa thế chấp giấc mơ
Ra đường mua góc trời khô để ngồi
Bên kia rụng một ánh trời
Ngôi sao vụt sáng rồi rơi khẽ khàng

Bỏ nhà chim sẻ đi hoang
Tha mưa xây tổ bên hàng cây khô
Áng mây tu trước cổng chùa
Lời kinh bay trắng tự mùa xanh xưa

Tôi về bán đứt giấc mơ
Lên rừng hỏi nắng để mua lá vàng
Nằm nghe dáo dác mùa sang
Gọi xông xênh gió thênh thang tuổi ngày.

Thu lòng

NGUYỄN LOAN

Thu trời phớt tím heo may
Khói sương bàng bạc bủa vây núi đồi
Sông trôi như thể... ngậm ngùi
Lặng im giấu hết nỗi đời đục trong
Thu lòng ăm ắp niềm mong
Nhớ ai chiều xuống sầu dâng ngập hồn
Vườn tình thơ đã dậy hương
Thu lòng da diết... mộng ươm chật mùa.

Mùa thu quê mẹ

NGUYỄN DŨNG

Thu vàng lắt lẻo trên cây
Âm u gió thoảng mây bay cuối trời
Lâm râm mấy hạt mưa rơi
Vườn xưa lá đỏ mẹ ngồi thổi cơm

Chuồn chuồn dim mắt đống rơm
Tiếng con ếch gọi òm òm bờ mương
Có cô thôn nữ qua đường
Vàng thêm cánh bướm chập chờn hàng dưa

Sương giăng rụng cánh hoa dừa
Gà buông tiếng gáy lưa thưa sao trời
Liềm cong chằm mảnh áo tơi
Lom khom mẹ gánh dưới trời mưa râm

Chuông chùa vọng tiếng thâm trầm
Thu xưa chợt nhớ âm thầm trong con
Trăng vàng bàng bạc đầu non
Mùa thu quê mẹ theo con suốt đời.

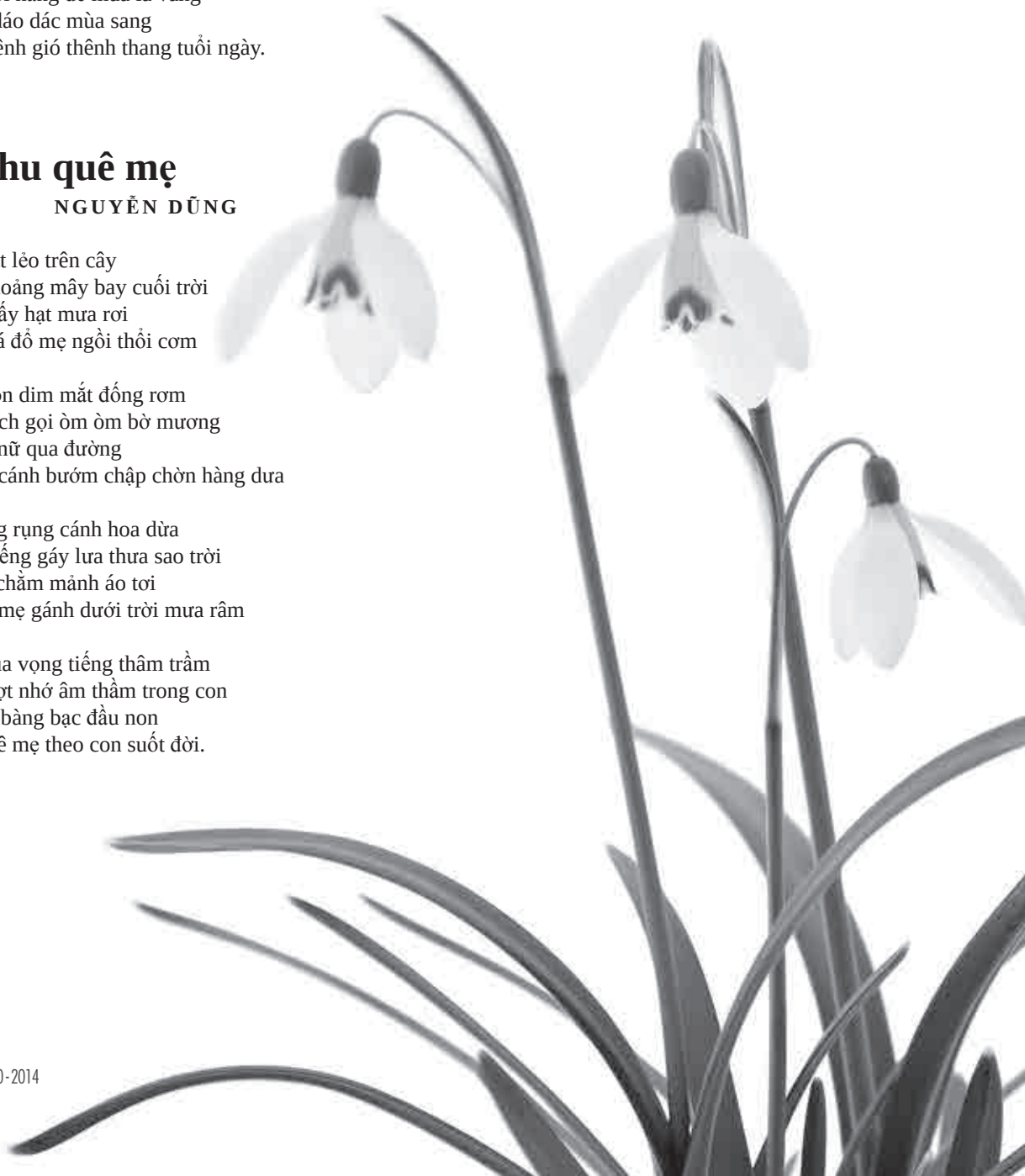

Thu nhớ

KIM HOA

Thoáng nghe tiếng hót chim chiều
Bâng quơ vạt gió liêu xiêu cánh chuồn
Heo mây trở tiết chớm buồn
Vàng ươm sắc lá gợi hồn vấn vương.

Nhớ hạt nắng, luyến hạt sương
Yêu màu hoa cải rẫy nương quê nhà
Võng đưa nhớ tiếng mẹ già
Thâu canh trằn trọc sương pha mái đầu.

Thu về dạ thấy nao nao
Đường xưa thảm trải xạc xào bước chân
Bềnh bồng mấy áng phù vân
Nhẹ trôi lãng đãng xa gần tầng không.

Ngỡ ngàng gió chạm môi hồng
Rèm mi chưa khép… mộng lòng chưa vơi
Ví dầu… mẹ hát ru tôi
Cái thời xa lắc… muôn đời còn đây.

Xao xuyến dân ca

TƯỜNG LINH

"Người về ta chẳng cho về"
Trầu duyên chưa thắm, trăng thề chưa phai
Năm canh còn bốn canh dài
Hoa ngâu sẽ nở vì ai chốn này?
"Người về để áo lại đây"
Mình ta với ngọn gió tây khó dời
Trông người, chỉ thấy chiều vơi
Đăm đăm mắt ngó chân trời mưa giăng
"Mình về có nhớ ta chăng"
Mảnh gương đối bóng vành trăng hững hờ
Theo người, vạt áo đề thơ
Hỡi con chim sáo bao giờ bay sang?
"Sáng trăng trải chiếu hai hàng"
Tơ quay bên sách, bên chàng là ai?
"Tóc mai sợi vắn, sợi dài
Lấy nhau chẳng đặng, thương hoài…" vì đâu?
"Thương em trao nón che đầu"
Cha xưa cũng bảo "qua cầu gió bay"
Nghĩ oan gió nọ, cầu này
Trời im, nón vẫn cứ "bay" đời đời…
Cảm ơn tiếng hát tuyệt vời
Cho thơ xao xuyến theo lời dân ca.

Đồng Hành

TRÀ KIM LONG

Khi bắt đầu có thêm tiếng khóc
Bắt đầu thêm có bạn đồng hành
Dù người là đứa trẻ sơ sanh
Dù ta là lão già tóc bạc.

Ta với người đều không thể khác
Cùng chung nhau hít thở khí trời
Cuốn tuổi đời theo một dòng trôi
Không thoát khỏi sanh già bệnh tử.

Đời có biết bao điều kỳ thú
Cũng biết bao khổ nạn vây quanh
Xoắn xuýt vào giữa cuộc tương tranh
Nghiệp lực nào hưởng theo duyên nấy.

Ta với ngươi hóa thành bạn lữ
Bước chân đời kẻ trước người sau
Cũng con người đồng thể như nhau
Mượn tứ đại trả về tứ đại.

Gio noi höông ñong

LÝ THỊ MINH CHÂU

Mùa này là mùa bông điên điển, mùa của món ngon thuộc hàng đặc sản của miền sông nước Nam Bộ; mùa của những tiếng cười, tiếng dầm chèo khua đuổi theo con nước vớt bông điên điển trôi giạt theo dòng. Đó là công việc của bọn trẻ tranh thủ những ngày nghỉ học giúp cha mẹ chúng có thêm thu nhập hay có bữa ăn ngon, nhưng loại bông này chất lượng không cao khi đã nở và rơi rụng. Muốn ngon thì phải thu hái cho được loại bông búp, thu hái từ nửa đêm cho tới gần sáng, đó cũng là thời gian nguy hiểm nhất cho người lao động bởi dễ giẫm phải rắn rít.

Bông điên điển dùng để ăn sống, hương vị của nó khá đặc biệt. Nó được người dân nơi này dùng làm rau trong món bún mắm hay bún nước lèo hoặc xào với thịt hay hải sản. Đặc biệt là món lẩu cá linh với bông điên điển ngon đến bất ngờ. Nó cũng là món "đưa cay" tới bến của thực khách lưu linh. *"Canh chua điên điển cá linh, ngồi ăn một mình thiếu mất vị ngon"*… *"Điên điển nhúng lẩu cá trê, nhai lưng chừng miệng… đắm mê tới già"* thì đâu chỉ có miền sông nước hữu tình này mới có.

- Lột cho mẹ mấy củ hành tím, vài tép tỏi nghe Ngững. - Tiếng bà Hai từ bếp vọng lên.

Ngững đang lướt web, miệng cười hí hí bỗng bụ xụ:

- Ngon gì mà ăn hoài… cay mắt muốn chết.

- Cha mày, tao cho ăn mắm kho quẹt, đừng trách.

Nói thì nói nhưng Ngững nhanh tay tắt máy, lao vào bếp phụ mẹ.

- Mẹ tính làm món gì?

- Có gì đâu mà tính với không tính, chỉ độc nhất một món cá linh.

- Lại lẩu nữa hả mẹ.

- Ừa, còn ít mẹ chiên giòn cho con.

- Tối nay con đi truốt bông cho nhà thằng Đực nghe mẹ.

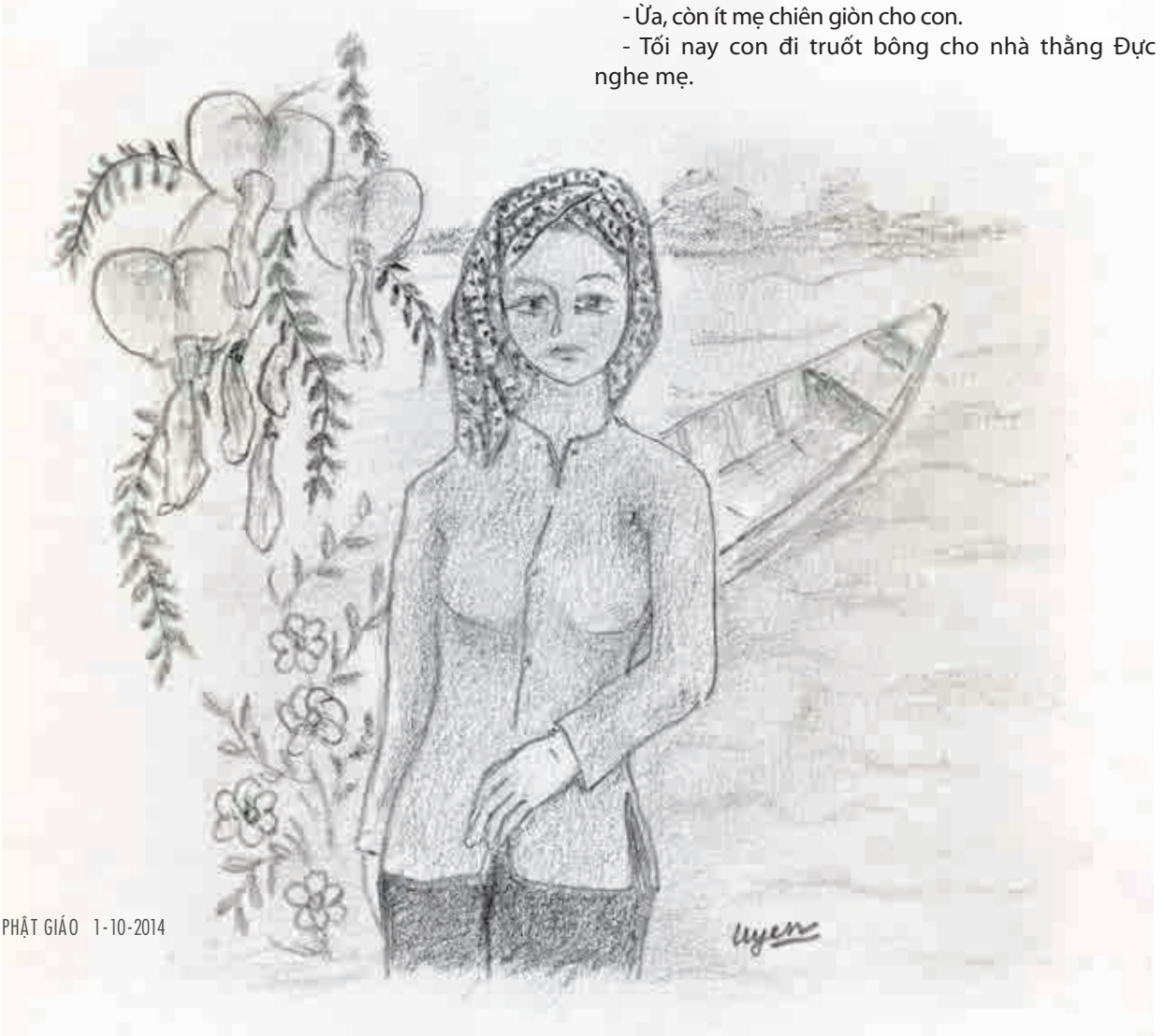

Bà Hai thở dài :

- Làm quần quật suốt đêm có hai chục bạc, ăn sáng xong chẳng còn gì.

- Thằng Đực nói khuya có cháo cá lóc ăn rồi mẹ à.

- Chẳng bõ nhưng biết sao… cẩn thận, rắn rít chứ không thì khổ mẹ, khổ cha đó nghe.

Ngừng chỉ cười cười mà không nói gì. Bà Hai lo cho con cái cũng không thừa bởi đã có vài người bị rắn hổ mang cắn chết mà không có cách nào chữa trị kịp thời. Phước chủ may thầy cho ai đó nếu bị rắn hổ cắn khi nó còn no bởi nọc độc của nó đã dùng để giết chết con mồi nên bớt nguy hiểm; nhờ vậy mà người bị nó cắn còn có thời gian chạy chữa bằng không thì chỉ có đắp chiếu. Ở miệt sông nước này ai mà không biết rắn hổ mang là loài độc nhất, bị nó cắn thì cái chết sẽ đến sau vài giờ hay một đôi ngày là vậy. Tuy con gái đã lớn nhưng bà Hai không lo là mấy bởi Ngừng và thằng Đực là bạn bè từ lúc để chỏm, chẳng yêu đương gì, đôi khi còn chọc nhau đến phát khóc. Có lần bà nghe hai đứa châm chích nhau đến suýt đánh nhau ấy chứ:

- Cái tên của mày nghe kỳ quá. Ngừng là gì chứ? Tao tìm khắp các tự điển đều không thấy, hỏi ông Google ổng cũng lắc đầu. Oẹ… - Thằng Đực trề môi.

- Còn đỡ hơn mày, cái tên Đực nghe dơ dơ… giống bò đực, trâu đực… chỉ để thịt.

Ngừng đáo để không kém. Còn thằng Đực thì đỏ mặt tía tai.

- Thôi thôi nói bá láp không hà, học thì lo học đi. – Bà Hai can ngăn.

Khí hậu ở đây không quá khắc nghiệt nhưng ánh nắng mặt trời vào ban trưa thì khủng khiếp vô cùng, chiếc nón lá rộng vành đến thế mà cũng không bảo vệ được màu da nõn nà của đàn bà, con gái nên họ dùng khăn bịt kín mặt mày chỉ chừa hai con mắt khi làm đồng hay có việc phải ra đường. Còn đàn ông thì ngực trần, quần cụt nên da họ đen nhay nháy trông rắn chắc và khoẻ mạnh vô cùng. Ở đây, công việc đồng áng bắt đầu từ bốn, năm giờ khuya đến tám, chín giờ sáng thì phải nghỉ ngơi; ba,bốn giờ chiều ra làm tiếp đến tối mịt mới về nhà. Cái nắng đã nuốt chửng của người nông dân trọn trẹm cả buổi đồng nên người ở xa cứ đồn toáng lên là dân Nam Bộ vừa làm vừa chơi là thế. Thật, thì họ chưa biết cái nắng ban trưa ở đây nóng cỡ nào đâu. Nắng như làm cho không khí loãng ra, bốc lên cao nên hơi thở trở nên nặng nề, quạt điện chạy hết số cũng chỉ giúp cho người ta dễ chịu hơn chút đỉnh. Gió như cũng ngưng lại mặc cho những cánh lá sầu đâu, lá dừa chấp nhận buông xuôi. Vài chiếc xuồng máy ngược dòng dùng hết công suất để rẽ sóng tung bọt nước trắng xoá giúp cho dòng sông còn chút sinh động. Cây, cỏ như bớt xanh và hoa cũng không còn niềm nở như buổi ban đầu.

Chính vì thế nên khi có việc làm vào ban đêm như thả lưới giăng câu, đứng đáy hay hái bông điên điển thì người ta vẫn thích hơn là lao động vất vả vào ban ngày.

Hình như thấy lẩu điên điển cá linh ngon quá, tía Ngừng gọi điện thoại rủ bố thằng Đực sang đối ẩm cho vui.

- Có việc gì gấp gáp không ông Hai? – Bố thằng Đực có vẻ lo lắng.

- Có cái lẩu cá linh ngon lắm, qua liu riu nghen.

- Ờ… ờ… tui có chai nếp cẩm ngon lắm.

Vậy là nồi lẩu của bà Hai vốn tưởng phải ăn chiều bỗng dưng thành thủng đáy, bà Hai phải tiếp viện thêm mấy con khô.

Nói tới nhậu nhẹt thì ai cũng ghét, nhất là phụ nữ nhưng phụ nữ mà đã chịu liu riu rồi thì chẳng có đàn ông nào uống cho lại. Hai người đàn ông và chai rượu đã thành cái chợ nho nhỏ rồi, có thêm đàn bà nữa thì không biết phải gọi là cái gì nhưng chắc chắn là rôm rả ra trò.

- Tối nay tui cũng đi hái bông với con Ngừng được không bố thằng Đực?

- Sao lại không, bà sui?

- *Dzậy* ông trả công tui sao đây?

- Riêng bà thì tui chỉ có nước trả thêm chứ không dám bớt xu nào đâu mà lo.

- Bằng công sắp nhỏ hả, ông bóc lột quá nghe?

- Bậy nà, người lớn ra người lớn chứ chị sui.

- Nghèo như nhà tui ai mà thèm làm sui, ông đừng nói trước bước không tới à nha.

- Tại ông Hai quên nói với chị chứ tui và ổng đã ngoéo tay nhau rồi.

Ngừng nghe thế thì buông đũa ù chạy mất. Bà Hai cũng đứng dậy, nguýt dài bỏ mặc hai người đàn ông ngồi to nhỏ với đống mâm bát, nồi niêu ra sân sau mắc võng lên hai cây lồng mứt đánh một giấc ngon lành.

Nắng đã xiên khoai, ngày nghiêng dần về phía chiều, hai người đàn ông lọ mọ mang mâm bát ra ao ngồi rửa. Lại nhỏ, lại to chuyện trò. Nghe tiếng nồi thau loảng xoảng bà Hai giật mình thức giấc, bà ra ao múc nước rửa mặt, xong không quên chào hai người bằng cái nguýt rất ngụ ngôn. Thong thả rời bước về nhà, vui vui nhìn mặt trời ngả lưng lên đọt mặc nưa phía xa xa chiếu những tia nắng hồng hồng xuống cánh đồng xâm xấp nước, bôi đen những cánh cò đang vội vã rủ nhau về tổ. Đó là hình ảnh rất quen thuộc nhưng hôm nay nghe chừng là lạ với bà Hai vốn luôn tất bật với chuyện bếp núc, ruộng đồng.

Ừ, thì cùng tuổi lủi thủi làm ăn cũng được, bà Hai nghĩ về thằng Đực và con Ngừng. Chúng nó cũng xứng đôi vừa lứa, cũng giỏi giang, hiền lành. Phúc nhà chứ chẳng chơi. Ăn ở xởi lởi ông bà gởi cho, ăn ở so đo ông bà lấy hết thì cũng là nghiệp báo nhãn tiền. Thôi thì tùy con cái, nó ưng đâu gả đó, bà Hai quá thấm thía chuyện người trước ép dầu, ép mỡ, ép duyên. An phận để vui sống cũng là một tính cách hay của người Nam Bộ, mơ ước giàu sang phú quý thì ai cũng có, đâu cũng có nhưng với bà Hai thì không mấy mặn mà. Bà nghĩ đồng tiền có từ mồ hôi, vất vả mới thực sự bền lâu, mới là cội phúc. Bà nhớ đến câu thơ của ai đó: *"Canh chua điên điển cá linh, ngồi ăn một mình thiếu mất vị ngon"* mà tủm tỉm cười một mình. Không thế thì trái đất này buồn như lu hết gạo. ■

Nghe lời biển hát

LÊ HẢI ĐĂNG

"Nơi anh đến là biển xa
Nơi anh tới ngoài đảo xa
Từng mảnh đất quê ta
giữa đại dương mang tình thương quê nhà
Đây Trường Sa, kia Hoàng Sa
Ngàn bão tố phong ba ta vượt qua, vượt qua…".

Qua phương tiện truyền thông có thể thấy ca khúc *"Nơi đảo xa"* của nhạc sĩ Thế Song thời gian gần đây nổi lên như một sự kiện văn hóa. Sóng ngoài đảo xa dập dồn, dội vào đất liền khiến cho hàng loạt ca khúc viết về biển đảo trở thành đề tài trung tâm trong các sáng tác; trong số đó, *"Nơi đảo xa"* thực sự đã trở thành một trong những ca khúc được nhiều người yêu thích nhất.

Ra đời từ những năm 70 của thế kỷ trước, trải qua bao thế hệ, *"Nơi đảo xa"* vẫn đứng vững trong lòng người. Sự kiện Biển Đông thêm một chiều kích thu hút sự quan tâm của người dân. Với tâm thái gắn liền "từng mảnh đất quê ta" qua thông điệp tác phẩm, *"Nơi đảo xa"* đã nối liền biển đảo và đất đai thiêng liêng của Tổ quốc. Nhạc sĩ Thế Song không viết *"Nơi đảo xa"* bằng thể loại hành khúc như thường thấy, mà vươn tới sự chiếu rọi qua tâm thức con người bằng tính chất âm nhạc tha thiết, nồng nàn, da diết… Giai điệu mở đầu trên âm khu trung, rồi đẩy lên cao vút thành cao trào của tác phẩm, gắn kết "Ngàn bão tố phong ba ta vượt qua, vượt qua". Sau những âm thanh hùng tráng, liên tục đẩy lên tới đỉnh điểm, giai điệu mới đi xuống tạo nên sự lắng đọng, bình yên. Cách viết như vậy không phổ biến ở nhiều ca khúc, phần mở đầu đa số bắt đầu từ âm khu thấp, đến điệp khúc giai điệu mới chao liệng trên cao. *"Nơi đảo xa"* dường như đã chứng tỏ cội nguồn sinh ra từ biển khơi có tiếng sóng vỗ cồn cào, những con tàu buông lơi, rẽ sóng và dải san hô mênh mang gợi hình ảnh rộng, khoáng đạt, xa xăm:

"Lướt theo con tàu mang tín hiệu trong đất liền
Mắt em nhìn theo con tàu đi xa mãi
Giữa nơi biển khơi đang nở rộ ngàn bông hoa san hô
Cánh hoa đỏ thắm bao hy vọng anh gửi về tặng em…".

Nhạc sĩ Thế Song đã khéo lồng ghép cảnh đất trời, non nước vào tình cảm riêng tư của những người lính đảo nơi đầu sóng ngọn gió khiến cho biển và đất liền như xích lại gần nhau hơn. Tương ứng với phương tiện lời ca, cách xử lý giai điệu sử dụng nhiều thủ pháp, phá bỏ tính cân phương, kết hợp những quãng nửa cung đan xen làm nên tính chất đối tỉ, gập ghềnh, biến ảo giữa đại dương bao la.

"Ơi ánh mắt em yêu như trời xanh như biển xanh trong nắng mới
Nhớ cả dáng hình em mùa gặt nặng đôi vai
Sóng ru mối tình đời thủy thủ càng thêm vui…".

Đứng ở góc độ kết cấu, giai điệu đã hoàn thành sứ mệnh của mình khi tạo ra tín hiệu của một sự kết thúc, nhưng đoạn vĩ thanh (Coda) vẫn còn muốn níu kéo "Đây con tàu ra khơi. Đây con tàu ra khơi" để mở rộng thêm khuôn khổ cho tác phẩm vươn xa, vượt xa hơn, mong đợi về một sự bình yên cho biển trời quê hương. *"Nơi đảo xa"* đã đi từ trạng thái chập chùng trên sóng nước đến cảnh thanh bình trong đất liền. Có rất nhiều ca sĩ chuyên nghiệp lẫn nghiệp dư thử thách với

"Nơi đảo xa". Ca khúc dành nhiều không gian cho ca sĩ thể hiện với âm vực rộng, âm thanh cao vút. Thời gian qua, khắp cả nước vang lên giai điệu thân thuộc của *"Nơi đảo xa"*. Sức lan tỏa của nó thực sự tạo nên hiệu ứng mạnh mẽ gắn kết cộng đồng. Mặc dù còn có thêm nhiều ca khúc ra đời – Hội Nhạc sĩ đã tổ chức đợt sáng tác về đề tài biển đảo – song *"Nơi đảo xa"* vẫn đứng hiên ngang trước bão giông, thách thức của thời gian.

Trong truyền thống văn hóa nước ta, sự khác biệt về vùng miền luôn thể hiện rõ rệt qua thị hiếu thẩm mỹ. Người miền Bắc đã sản sinh ra chèo, quan họ, ca trù… miền Trung có ca Huế, bài chòi, bả trạo…, miền Nam có đàn ca tài tử, sân khấu cải lương… Vây quanh những loại hình nghệ thuật tổng hợp này còn có những làn điệu dân ca gắn kết truyền thống ngàn đời. Người Nam Bộ dù đã thay đổi nhiều, nhưng thẩm mỹ vẫn không tách rời cội nguồn truyền thống đó. Vì thế, bên cạnh *"Nơi đảo xa"* của nhạc sĩ Thế Song, còn có *"Gần lắm Trường Sa"* của Hình Phước Long, một ca khúc cũng viết về đề tài biển đảo rất được yêu thích. Giai điệu ca khúc thể hiện nét mềm mại, dịu dàng, trữ tình gần gũi dân ca Nam Bộ.

"Mỗi cánh thư về từ đảo xa, anh thường nói rằng Trường Sa lắm xa xôi.

Nơi anh đóng quân là một vùng đảo nhỏ, bên đồng đội yêu thương.

Chỉ có loài chim biển, sóng vỗ điệp trùng, quanh đảo trúc san hô.

Trường Sa ơi, biển đảo quê hương, đôi mắt biên cương, vẫn sáng long lanh giữa sóng cuồng, bão giật.

Đảo quê hương, anh vẫn đêm ngày giữ biển khơi…".

Nghe *"Gần lắm Trường Sa"* ta thấy âm hưởng của *"Điệu buồn phương Nam"*, từ *"Dạ cổ hoài lang"* của Cao Văn Lầu cho đến *"Còn thương rau đắng mọc sau hè"* của Bắc Sơn, *"Chuyến đò quê hương"* của Vi Nhật Tảo… Sự gắn kết này xuất phát từ cội nguồn chung của văn hóa Việt vùng Nam Bộ với sông nước mênh mang, ruộng đồng bát ngát. Cùng chung tiếng gọi nơi đầu sóng ngọn gió, nhưng mỗi miền Tổ quốc có cách thể hiện khác nhau trong tiếng vọng lại từ lòng người.

"Thương nhớ sao vơi người chiến sĩ Trường Sa ơi.

Không xa đâu Trường Sa ơi.

Không xa đâu Trường Sa ơi.

Vẫn gần bên em vì Trường Sa luôn bên anh.

Vẫn gần bên anh vì Trường Sa luôn bên em".

Biển đảo quê hương ngày đêm không ngủ yên được thể hiện qua nét giai điệu mềm mại, ngọt ngào, nhạc và lời hòa quyện nhau một cách quyến luyến đã đem đến cho ca khúc sự ưu ái đặc biệt. *"Gần lắm Trường Sa"* tựa như một bản tình ca, giàu xúc cảm và dễ chạm vào phần mong manh nhất trong trái tim người nghe.

Trong chùm ca khúc về biển đảo, nữ nhạc sĩ Quỳnh Hợp lại nổi lên với tác phẩm *"Nghe em hát ở Trường Sa"*. Quỳnh Hợp bị ám ảnh bởi sự kiện biển đảo và từng cho ra đời cả một tuyển tập viết về mảng đề tài này, trong đó ca khúc *"Nghe em hát ở Trường Sa"* như một ngọn hải đăng xinh xắn, tỏa sáng lung linh:

"Ở Hội Lim anh nghe em hát

Câu hát trao duyên người ơi người ời

Nay ở Trường Sa nghe tiếng hát em

Câu hát người ơi người ở đừng về…".

Tác giả khai thác chất liệu dân ca quan họ Bắc Ninh để xây dựng nên tác phẩm. Cách sử dụng âm điệu quen thuộc từ truyền thống dễ dàng khơi gợi hình ảnh quê hương thân thuộc, nỗi nhớ và niềm thao thức khôn nguôi từ đất liền gửi tới. Ca khúc mang đầy tính chất nữ tính, ý nhị, hàm súc.

"Trường Sa mênh mông biển và ầm ào gió cát

Có tiếng hát em ngân vang

Trường Sa anh đứng gác canh giữa trời đảo nhỏ…

Dáng quê nhà xanh thắm đảo Trường Sa

Trường Sa núi đảo quê hương

Gầm gào sóng dữ anh vẫn đứng nơi đây

Để nghe tiếng hát em vang giữa trời đảo nhỏ

Thấy tiếng quê mình trong tiếng hát em".

Tâm điểm của bài hát, tất cả đều đổ dồn vào: "Tiếng quê mình trong tiếng hát em". Cách bày tỏ tình cảm gián tiếp, ẩn dụ, dịu dàng, đằm thắm… Nó cho thấy tâm thái chủ đạo của một chữ "tình" đi suốt chiều dài tác phẩm. Mặc dù không tạo nên hiệu ứng mạnh mẽ, dữ dội, nhưng *"Nghe em hát ở Trường Sa"* cứ thấm sâu xuống lòng người dai dẳng, bất chấp sự hiện diện của những đổi thay.

Còn với *"Biển hát chiều nay"* của nhạc sĩ Hồng Đăng, sóng biển và sóng trong lòng người đều cùng vỗ về một bờ yêu thương. Tác phẩm gợi lên như một bức tranh thiên nhiên hiền hòa, tươi đẹp…

"Chân trời rất xanh gọi nắng xôn xao

Con thuyền rất vui và gió hát ngọt ngào

Môi cười rất xinh lung linh tà áo

Mây trắng gợn lên những cánh chim hải âu…".

Tác phẩm ra đời cùng thời điểm với *"Nơi đảo xa"* (năm 1980). Âm nhạc của Hồng Đăng vốn đậm chất trữ tình, nên ông cũng không che giấu xúc cảm trong lòng khi viết về biển. Nhạc sĩ Hồng Đăng đi xa hơn tính chất hữu hạn của một sự kiện vươn tới giá trị vĩnh hằng của một tác phẩm mang tính chất tình ca, hồn nhiên, trong sáng:

"Mỗi một tình yêu mỗi một cuộc đời

Qua bao nhiêu thăng trầm biển thử vàng mới nên người

Biển xanh vẫn nhắc những lời yêu thương

Biển lại hát tình ca biển kể chuyện quê hương…".

Như đã thành quy luật phổ biến, khi ngoài biển khơi nổi sóng dập dồn thì đất liền cũng dậy lên tiếng lòng người thổn thức. Ca khúc về biển, đảo tập trung thể hiện tình yêu đất nước, quê hương, qua bao tháng năm thăng trầm đã hun đúc nên những giá trị kết tinh từ ngàn đời. Tình cảm thiêng liêng ấy vẫn tiếp tục lan tỏa, có khi tuôn trào, sục sôi, có lúc bình yên, lắng đọng… chảy mãi trong dòng thời gian không ngừng trôi của lịch sử dân tộc. ■

Phải lòng bông súng quê hương

QUYỀN VĂN

Mùa này những cơn mưa bắt đầu ồ ạt kéo tới. Nước trên sông, kênh, rạch… dâng lên một màu trắng xóa. Giữa mênh mông sóng nước ấy là những cây bông súng mọc lên tủa tủa. Đâu đâu cũng thấy bạt ngàn sắc trắng. Cây bông súng là cây mọc hoang; vì chẳng ai trồng, cũng chẳng ai chăm. Đến mùa bông súng lại mọc. Nước dâng cao, thân bông súng càng mập và lá càng to. Cây bông súng quá gần gũi, thân thiết đối với người dân quê tôi. Dù có đi xa cũng không thể nào quên được cây bông súng thánh thiện rất đỗi tinh khôi này. Bởi nó đã ngấm vào từng mạch máu, thớ thịt của người xóm Cồn quê tôi.

Tôi có một thời tuổi thơ cùng đám bạn đi nhổ bông súng vào những ngày mưa về. Chúng tôi, những đứa trẻ tóc vàng hoe, tay cắp rổ, nhảy lên xuồng chèo ra bãi đi nhổ bông súng rất chuyên nghiệp. Tôi nhớ tiếng í ới gọi nhau, tiếng cười đùa khanh khách vừa nhổ bông súng vừa té nước vào nhau của lũ bạn. Xế chiều, cả xuồng trắng muốt những bông súng non tơ. Chán chèo xuồng, có đứa xắn quần tận đầu gối, bì bõm lội từng bước một trong bùn, nách cắp rổ để lần lên bờ. Trông chúng tôi như đang đi hội.

Cả mùa nước nổi, hầu như bữa ăn của mọi gia đình đều hiện diện bông súng non. Mẹ tôi khéo chế biến thành nhiều món ngon từ cọng bông súng: khi thì canh chua nấu bông súng với cá lóc, lúc thì bông súng luộc chấm mắm kho, rồi lại còn nộm bông súng…

Thích nhất là món nộm bông súng. Cọng bông súng được tước nhẹ lớp vỏ bên ngoài, ngâm nước một lát rồi cắt thành từng khúc vừa ăn. Có thể để nguyên hoặc chẻ ra làm hai, rồi cho vào tô khi đã ráo nước. Vắt nửa quả chanh, muối, đường và nước mắm cốt vào. Để tạo sự đậm đà và dậy mùi món nộm truyền thống không thể thiếu lạc rang và rau thơm đi kèm; nhất là húng láng và húng bạc hà. Tùy từng khẩu vị mỗi người mà có thể cho thêm ớt hoặc không. Món nộm này có thể ăn luôn với cơm nóng hoặc để các ông bố lai lai vài chén rượu đế. Ăn một đũa, chỉ muốn gắp thêm đũa thứ hai. Bông súng tuy ít chất dinh dưỡng, nhưng giòn và mát, rất dễ ăn, không sợ bị đầy bụng hay dị ứng. Hôm nào mẹ tôi làm món nộm bông súng là mấy anh em tôi ăn đến "cành hông".

Ngoài làm nộm, bông súng còn được muối làm dưa, kho với thịt cá, ăn rất ngon. Tôi cảm nhận được nơi đầu lưỡi vị chua thanh mát, giòn giòn, dai dai. Mẹ tôi bảo với món dưa bông súng này thì phải ăn thật chậm mới cảm nhận hết độ ngon, độ mặn mà của nó; và điều đó quả thật không sai. Chậm rãi ăn từng cọng bông súng mới biết được sự chắt chiu làm nên bông súng đấy là vị phù sa sông nước quyện cùng nắng gió khắc nghiệt! Thầm cảm ơn tạo hóa đã ban tặng và yêu hơn quê hương mình!

Bông súng còn là bạn thân thiết của trẻ nhà nghèo. Tôi nhói lòng khi thấy bạn mình cơ cực. Cả trăm ngày như một; một buổi tới trường, buổi còn lại lội nước đi nhổ bông súng. Không có bông súng, bạn tôi và cả gia đình bạn ấy nữa phải chịu cảnh đói túng. Bông súng nhổ về được rửa sạch rồi mang ra chợ bán đổi lấy gạo, cá mọn. Vô tình nắm tay bạn, tôi như sững lại bởi những vết chai ụ to, sần sùi vì ngày ngày nhổ bông súng. Ngay từ lúc còn nhỏ, những đứa trẻ quê đã biết cùng chung tay góp sức giúp bạn vượt qua khó khăn. Những lúc rỗi rảnh chúng tôi tập trung nhổ bông giúp bạn. Cảm ơn bông súng, đã gắn kết tình thương, tình bạn bè của chúng tôi lại với nhau!

Bây giờ hầu như tất cả các món đồng quê đều có trong thực đơn của các nhà hàng, khách sạn sang trên phố. Tôi lớn lên, được đi đây đi đó nhiều, cũng có dịp thưởng thức một vài món làm từ cọng bông súng. Nhưng không hiểu sao ăn vẫn không thấy ngon, thấy đậm đà như ngày xưa ăn ở quê. Có lẽ vì hoài niệm, phải lòng bông súng từ xa xưa rồi chăng? Mỗi lần mùa mưa lũ tôi lại nhớ da diết nơi xóm Cồn tôi đã sinh ra và lớn lên cũng những đứa bạn và cọng bông súng đồng quê dân dã. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Hôm nay tôi đi chợ mua thực phẩm tại một siêu thị do người Canada gốc Việt làm chủ. Trong khi sắp hàng chờ tính tiền tôi thấy ở đầu hàng có một người đàn ông thuộc giống dân da đỏ người sắc tộc thiểu số, ông ta ăn mặc thô sơ trông có vẻ rất nghèo.

Tôi để ý thấy ông ta có vẻ bối rối khi xem bảng tính tiền hiện trên màn hình, ông lôi hết tiền lẻ trong túi ra đếm tới đếm lui một hồi rồi buồn bã lắc đầu. Thấy ông đưa lại cho nhân viên tính tiền một hộp đậu nấu súp, tôi biết ngay là ông không có đủ tiền, mặc dù nhìn thấy số thực phẩm ông mua không nhiều. Ờ mà lạ thật, liền lúc đó tôi thấy hiện lên trước mắt một hoạt cảnh khá nhanh mà với suy nghĩ già nua của mình thấy giống như một đoạn phim hiện ra trong chớp mắt. Nhân viên phục vụ đưa lại hộp đậu cho ông ta và đưa tay nhận thêm tiền từ bàn tay của người đứng bên cạnh. Đó là người mẹ của ba mẹ con gốc Á Đông đang đứng chờ tính tiền kế tiếp. Thì ra người đàn bà này đã cho ông thêm tiền để có đủ cho một bữa ăn đạm bạc hôm nay. Người đàn ông da đỏ cúi đầu nói lời cảm ơn với khuôn mặt rạng rỡ tươi vui như mới vừa trúng số. Chưa kịp hết cảm tưởng thán phục trong tôi về lòng thương người của người đàn bà Á Đông kia thì thấy người đàn ông da trắng đứng bên cạnh bà chìa ra một bịch bánh. Hai người nói gì với người tính tiền tôi không nghe rõ vì hàng người chờ khá dài. Sau cùng tôi thấy người đàn bà gật đầu nói lời cảm ơn và nhân viên phục vụ bỏ bịch bánh vào chung với số hàng mua của bà, người đàn ông nghiêng mình mỉm cười trông thật dễ thương. Trước khi ra về, ba mẹ con bà cùng chào ông da trắng với ánh mắt đầy thiện cảm. Lúc đó tôi mới biết ông ta đã cảm tạ lòng tốt của người đàn bà Á Đông vừa giúp đỡ người đàn ông da đỏ bằng cách tặng bịch bánh cho con của bà, một món quà thật đơn sơ nhưng mang đầy niềm mến yêu giữa con người với nhau chung sống trên trái đất này.

Tôi còn đứng khá xa, có muốn nói lời cảm ơn mến phục cũng không được. Chỉ biết quay qua người đàn ông da vàng đứng bên cạnh nói "ông ấy tốt thật", ông ta gật đầu: "Phải, phải, những người ấy tốt quá!".

Nhìn thấy những hình ảnh dễ thương như vậy, tôi cảm thấy lòng mình tràn ngập sự an vui suốt ngày. Trước khi đi ngủ, tôi ghi lại vài dòng chữ này để tri ân những tấm lòng nhân ái đang có mặt quanh ta từng ngày từng giờ mà ta không nhận biết. Xin cảm ơn đời đã trao cho loài người những nụ hoa đẹp tuyệt vời.

***Diệu Ngộ**, Canada*

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

D13/2 Trần Não, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM

Chuyên sản xuất:
- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:
- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

Ngọc Hoàng bảo điện

Đại huynh Chí Đạt đọc diễn văn khai mạc

Tôn giáo bạn:

ĐẠI LỄ KỶ NIỆM NGÀY KHAI ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Năm thứ 90

Bài & ảnh: NGUYỄN BỒNG

Lương y Lê Phúc Thọ báo cáo tổng kết Đạo sự

Đạo huynh Công Huy báo cáo xây dựng NTTT

Hiền tỷ Diệu Nguyên trình bày…

Vào lúc 9 giờ ngày 16-9-2014 (nhằm ngày 23 tháng 8 năm Giáp Ngọ), tại Nam Thành thánh thất, 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM đã tổ chức trang trọng **Đại lễ Kỷ niệm ngày Khai Đại-đạo Tam-kỳ Phổ-độ năm thứ 90**. Nhằm tôn vinh và tưởng nhớ công ơn cao dày của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế và công lao to lớn của 28 vị Tiền bối đã hoàn thành sứ mạng Khai sinh mối đạo Trời; đồng thời kỷ niệm ngày Đại hội đầu tiên của nền đạo Cao Đài.

Đến tham dự buổi lễ có sự hiện diện của quý vị khách quý, đại diện cho UBMTTQVN & TP.HCM, Sở Văn hóa TTDL & Ban Tôn giáo TP.HCM, UBND & UBMTTQVN Q.1, cùng các ban ngành, đoàn thể trong Q.1, UBND P.Nguyễn Cư Trinh, Trung tâm UNESCO Văn hóa Thông tin Truyền thông, Văn phòng đại diện Tạp chí *Doanh nghiệp và Trang trại VN* (phía Nam), các tôn giáo bạn, Báo *Thanh Niên*, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* và các anh chị phóng viên báo, đài *VTV* và *HTV*. Về phía bổn đạo có sự hiện diện của chư vị đại diện Tòa thánh Tây Ninh, Khối giao lưu các Hội thánh Cao Đài, các Thánh thất - Thánh tịnh cùng chư huynh, đệ, tỷ, muội trong Nam Thành thánh thất.

Mở đầu đại lễ là nghi thức khai lễ, đại huynh Chí Đạt dâng hương trước bàn thờ chư vị Tiền-bối Khai đạo, đồng thời các đồng nhi Nam Thành và Ngọc-minh-đài đọc kinh Khai hội. Tiếp theo là phần "*1 phút mặc niệm Đức Chí Tôn và Phật Mẫu, các đấng Thiêng liêng cùng chư vị Tiền-bối Khai đạo & 1 phút mặc niệm các bậc Khai quốc công thần và Anh hùng liệt sĩ vì Tổ quốc hy sinh*".

Đại huynh Chí Đạt, Chánh Hội trưởng Nam Thành thánh thất (NTTT), thay mặt BTC đọc diễn văn khai mạc, với lời lẽ thiết tha vào các chủ điểm: - Hướng về Đại Đạo, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, luôn nhớ về công đức to lớn của 28 vị chức sắc Khai đạo; - Ngày Hội hôm nay, đàn con áo trắng trân trọng tưởng niệm và ôn lại sự phi thường vượt qua những khó khăn, trở ngại trong bước đầu Khai đạo; - Thành kính trang nghiêm và vô cùng hân hoan, cung đón đại lễ Khai sinh Đại đạo năm thứ 90 – phát tích từ ngày 23 tháng 8 năm Bính Dần (29-9-1926) được khởi đầu từ Thánh thất Cầu Kho (nay là NTTT); - Thành tâm khẩn nguyện cầu xin Đức Chí Tôn và Phật Mẫu ban ơn lành cho thế giới được hòa bình, an lạc và tạo duyên cho mối đạo ngày càng lan tỏa, phát triển để chúng con được phục vụ nhiều hơn nữa cho nhân quần - xã hội.

Lương y Lê Phúc Thọ, thay mặt Ban Cai quản NTTT, *báo cáo Tổng kết hoạt động Đạo sự của NTTT năm thứ 89 (2013-2014)*. Về các mặt: - Phổ thông giáo lý và sinh hoạt. - Quan hệ xã hội và liên giao hành đạo. – Công khai tài chánh thu chi; đặc biệt là phần khởi

Đại diện của UBMTTQVN và TP.HCM, UBND các cấp TP.HCM, các cơ quan, đoàn thể… trao tặng lẵng hoa.

Quang cảnh buổi lễ

Trao tặng bằng khen của UBND TP.HCM

sắc của các hoạt động từ thiện xã hội, đạt: *371.970.000đ*. Được biết, phòng Khám bệnh nhân đạo (thuộc NTTT) do đại huynh Chí Đạt (Nguyễn Hữu Nhơn), kiêm Trưởng ban Điều hành. Trong năm nay, ngoài công tác khám chữa bệnh và phát thuốc miễn phí cho bệnh nghèo tại địa phương và vùng sâu vùng xa; còn tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội. Thực hiện *từ tháng 01 đến tháng 7-2014:* Hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào nghèo cùng các bệnh nhân phong tại Bến Sắn với số tiền: *284.970.000đ*. Tiếp theo là *các hoạt động trong quý III/2014* với số tiền: *87.000.000đ*, được thể hiện: - Đón mừng lễ Vu Lan thắng hội, trao tặng cho người nghèo, khuyết tật: 100 phần quà (gạo hoặc mì gói, dầu ăn, nước tương, đường, bột nêm…), trị giá 18 tr.đ. – Tổ chức vui Tết Trung thu, Rằm tháng 8, trao tặng cho trẻ em mồ côi, cơ nhỡ (ở các P.Cầu Ông Lãnh, P.Cô Giang và H.Hóc Môn): 200 phần quà (bánh trung thu, bánh kẹo, sữa, mì gói…), trị giá 44 tr.đ và hỗ trợ con em Cảnh sát biển: 5 tr.đ. – Hỗ trợ các gia đình chính sách, học sinh nghèo tỉnh Trà Vinh: 10 tr.đ và bà con nghèo xã Lộc Điền, H.Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước: 5 tr.đ – Hỗ trợ Quỹ khuyến học tỉnh Long An: 5 tr.đ. (điểm son là đại huynh Chí Đạt đã vận động bạn bè, các con và con nuôi tham gia đóng góp số tiền: 180.000.000đ).

Đạo huynh Công Huy, thay mặt Ban Tạo tác NTTT, *báo cáo Tổng kết xây dựng từ năm 2008 – 2014*. Công trình xây dựng hoàn chỉnh được 98% với tổng kinh phí xây dựng mới Nam Thành thánh thất tính đến ngày 23-8-2014: *7.474.463.050đ*. Và kế hoạch xây dựng tiếp theo sẽ là: Xây 2 khu sân thượng; sảnh trước Bảo điện và Thiên Phong Đường và hoàn thiện mặt tiền 2 tháp chuông, trống…

Với những đóng góp "*tốt đạo, đẹp đời*" của tập thể và cá nhân, trong buổi đại lễ được UBND TP.HCM trao tặng *bằng khen* cho tập thể Phòng Khám bệnh nhân đạo (Lương y Lê Phúc Thọ đón nhận) và đại huynh Chí Đạt. Ngoài ra đại huynh Chí Đạt còn được Viện Đào tạo Phát triển GD & Hợp tác quốc tế tặng bằng khen cũng như được Trung tâm UNESCO VH-TT-TT và *Tạp chí Doanh nghiệp và Trang trại* trao tặng Kỷ niệm chương.

Tiếp theo chương trình, mọi người lắng nghe hiền tỷ Diệu Nguyên trình bày đề tài "*Đạo Cao Đài với bản sắc văn hóa dân tộc*"… Kế tiếp là văn nghệ do MC. Thanh Bạch dẫn chương trình… Cuối chương trình là phần nghi thức bế mạc do đạo huynh Trần Minh Trí niệm hương và đồng nhi đọc kinh Xuất hội. Đại lễ kết thúc viên mãn, trong niềm hân hoan của mọi người.

Đại lễ Kỷ niệm ngày Khai Đại đạo Tam kỳ Phổ độ năm thứ 90 đã đánh giá sự nỗ lực của bổn đạo về thành quả tái thiết **Ngôi Di tích lịch sử văn hóa đầu tiên của đạo Cao Đài - Thánh thất Cầu Kho (nay là NTTT)** để sớm thiết thực đưa vào hoạt động phục vụ nhơn sanh về cả ba phương diện: *Dân sinh, dân trí và dân đức*; cũng như đánh dấu bước trưởng thành và phát triển lớn mạnh trong đạo và hành động nhập thế của bổn đạo sở tại cũng như tín đồ Cao Đài ở các thánh thất – thánh tịnh trong cả nước về sự gắn kết, chung sức, chung lòng nhằm mang lại tình yêu thương và niềm an vui cho các bệnh nhân, người khuyết tật - khiếm thị, bà con lao động nghèo và người gặp hoàn cảnh cơ nhỡ… Rất đáng trân trọng và kính yêu.

Trao tặng bằng khen Viện Đào tạo PTGD&HTQT

Trao tặng Kỷ niệm chương của Trung tâm UNESCO VH-TT Truyền thông & Tạp chí DN và Trang trại

Tặng quà Trung thu cho trẻ em mồ côi, khuyết tật

Đại diện tôn giáo bạn, các Hội thánh Cao Đài… trao tặng lẵng hoa

NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)
Tel: 08.38482028

Sách mới

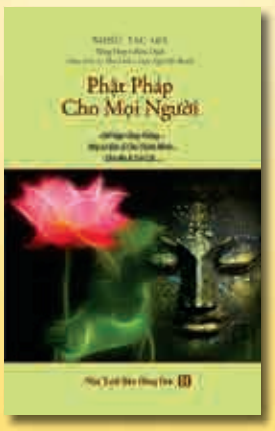

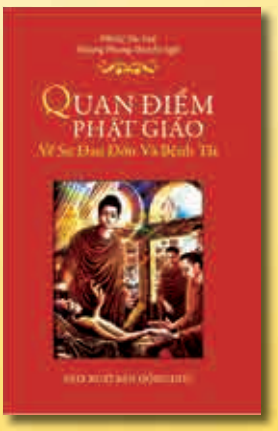

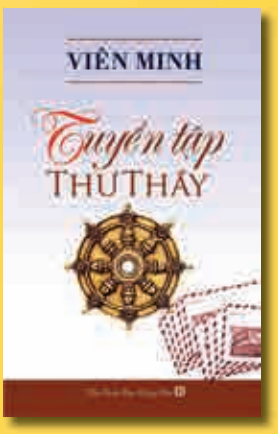

CHI NHÁNH QUẬN 9
Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DĐ: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

Việt An

Restaurant **Chay** Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy

Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

❍ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vạn hoa, gỏi vả trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống

❍ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

❍ **Điện thoại:** (08) 384 82612 – 0909 023469 hoan hỉ gặp anh Lãnh (quản lý)

Trân trọng kính mời

CÔNG TY CP MỸ THUẬT HUỲNH GIA SG

ĐC: 27 đường số 1, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức

❑ Thi công tạo mẫu các tôn tượng Phật, phù điêu, theo yêu cầu bằng nhiều chất liệu.
❑ Sản xuất các tôn tượng Phật, bài vị, hũ cốt, phù điêu bằng chất liệu puly composite.
❑ Thiết kế thi công trọn gói các công trình chùa, có nhiều kinh nghiệm xây dựng các tôn tượng kích cỡ lớn.

❍ ***Liên hệ:*** Anh **Huỳnh Như Ý**
❍ ***Số điện thoại:*** 0944 992 779 - 0944 991 889
❍ ***Web:*** Dieukhachuynhgiasg.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

INTERLOG YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

Kinh, sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật Giáo
Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

ĐC: 380/2B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
DĐ: 0902 404 748 (chị Thuận) - 0972 898 818 (chị Hồi)

Công ty TNHH SX-TM **QUANG NGHÈ**
QUANG NGHE CO., LTD. NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DĐ: 0989 183 398

❑ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
❑ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: *quangnghecandle@yahoo.com.vn*
Website: *www.quangnghecandle.com*

Xin giúp đỡ cụ bà Nguyễn Thị Ái trong việc xây dựng nhà

Bà Nguyễn Thị Ái, cư ngụ tại xã Hòa Phú, Phú Yên. Thuộc diện hộ nghèo; đang sinh sống cùng với 4 cháu (không may mất cả cha lẫn mẹ), trong căn nhà lụp xụp không biết sập lúc nào. Trước tình cảnh đó, thầy trụ trì chùa Liên Sơn cùng Phật tử bổn tự đã khởi công xây dựng căn nhà tình thương với diện tích 5m x 7m = 35m^2, dự toán là 35 triệu đồng để giúp cho bà cháu Nguyễn Thị Ái ổn định được cuộc sống. Trong quá trình tích góp vận động đến nay chỉ được 10 triệu đồng, nên căn nhà đành phải chịu cảnh xây dang dở.

Kính mong quý Phật tử, các nhà hảo tâm mở rộng lòng từ góp phần tịnh tài để giúp việc xây dựng được tiếp tục.

Mọi sự giúp đỡ xin gởi về: Đại đức Thích Nguyên Đại, trụ trì chùa Liên Sơn, thôn Liên Thạch, xã Hòa Phú, H.Tây Hòa, Phú Yên. ĐT: 0907 956 518 – Số TK 040017867751 - Nguyễn Đức Hồng – Sacombank - Phòng giao dịch Nam Tuy Hòa, Phú Yên.

pháp uyển

DHARMA GARDEN

website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 091 694 3877

2 72/1B Lăm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 098 253 7262

Quán chay cần tuyển nhân viên với nhiều vị trí,
để biết thêm thông tin xin liên hệ hoặc xem tại website.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

VINMEC
INTERNATIONAL HOSPITAL

ỨNG DỤNG TẾ BÀO GỐC MÔ MỠ TRONG ĐIỀU TRỊ THOÁI HÓA KHỚP

Thoái hóa khớp là bệnh lý phổ biến thường gặp ở những người lớn tuổi. Trước đây, người bị thoái hóa khớp thường chịu nhiều đau đớn và rủi ro khi điều trị bằng phương pháp cổ điển như tiêm thuốc, phẫu thuật, hoặc thay khớp gối nhân tạo. Hiện nay, điều trị thoái hóa khớp bằng tế bào gốc mô mỡ là phương pháp mới mang lại sự thoải mái và hiệu quả rõ rệt cho người bệnh.

Thoái hóa khớp có thể gặp ở bất kỳ khớp nào trên cơ thể như: khớp háng, khớp gối, khớp cổ chân, khớp cổ tay,... nhưng phổ biến nhất là khớp gối. Thoái hóa khớp gối là tình trạng bào mòn mất sụn và giảm tiết lượng dịch nhờn giúp bôi trơn khớp, làm cho các khớp xương khi chuyển động cọ xát vào nhau gây đau và sưng tấy, khiến giảm khả năng vận động của người bệnh.

Điều trị thoái hóa khớp bằng phương pháp cổ điển

- Tiêm corticoid, tiêm Hyaluronic acid: phương pháp này có thể đem lại hiệu quả rõ rệt trong vài tháng nhưng người bệnh lại có nguy cơ nhiễm trùng khớp cao và nhiễm trùng khớp thì rất khó chữa trị
- Phẫu thuật nội soi: phương pháp này có thể giúp giảm đau sau một thời gian nhưng lại không thể áp dụng cho tất cả các trường hợp thoái hóa khớp
- Thay khớp gối nhân tạo: người bệnh sẽ phải mất chi phí rất lớn cho phương pháp này nhưng vẫn không thể vận động nặng hoặc chơi các môn thể thao có sức va chạm như bóng đá, bóng chuyền...

Điều trị thoái hóa khớp bằng Tế bào gốc có nguồn gốc từ mô mỡ

Không giống như những phương pháp điều trị thoái hóa khớp cổ điển, điều trị thoái hóa khớp bằng tế bào gốc mô mỡ thật sự an toàn và mang lại kết quả điều trị tuyệt vời.

- Tế bào gốc từ mô mỡ có khả năng ức chế miễn dịch và hạn chế viêm nhiễm
- Tế bào gốc từ mô mỡ có khả năng biệt hóa hình thành sụn, tái tạo ra nhiều tế bào sụn mới bổ sung vào lượng sụn đã bị thoái hóa
- Tế bào gốc từ mô mỡ có khả năng kích thích sản xuất các chất bảo vệ hệ thống dây chằng, bề mặt sụn cũng như tái tạo lại vùng xương đã bị tổn thương sau thời gian bệnh tiến triển
- Tế bào gốc từ mô mỡ được khai thác và sử dụng trên cùng một người nên tránh được nguy cơ thải ghép, an toàn cho người dùng
- Thời gian điều trị và hồi phục nhanh chóng

Tại Trung tâm Tế bào gốc Vinmec việc chiết tách tế bào gốc từ mỡ của chính người bệnh được thực hiện tại phòng mổ đạt chuẩn quốc tế trong điều kiện vô khuẩn hoàn hảo. Phương pháp điều trị thoái hóa khớp gối bằng tiêm tế bào gốc là phương pháp điều trị mới, hiệu quả và an toàn đã được kiểm chứng trên thế giới, giúp bệnh nhân có thể có cuộc sống sinh hoạt bình thường và giảm nguy cơ việc thay khớp gối nhân tạo.

Trung tâm Tế bào gốc

BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ VINMEC
458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: 04 3974 3556 | Fax: 04 3974 3557 | Email: info@vinmec.com | Website: www.vinmec.com

ZEN ART

TÔN TẠO TƯỢNG PHẬT LÀ MỘT PHÁP MÔN TU

Là nơi làm việc của những họa sĩ, điêu khắc gia, kiến trúc sư, nghệ nhân trẻ năng động sáng tạo, đầy kinh nghiệm và nhiệt huyết.

Lĩnh vực hoạt động :

- Tôn tạo tượng Phật trên mọi chất liệu.
- Thiết kế thi công tượng đài Phật giáo lớn ngoài trời bằng đá và xi-măng, trang trí vườn Thiền, tiểu cảnh non bộ có quy mô lớn, nhỏ.
- Thiết kế trang trí nội thất, chánh điện.
- Thi công nội thất, bàn thờ, bao lam, câu đối, v.v...
- Tư vấn thiết kế kiến trúc, quy hoạch tổng thể ngoại thất các công trình Phật giáo.

Chúng tôi luôn có những ý tưởng phương án làm việc mới hiệu quả nhất trên mọi chất liệu và sẽ thực hiện được bất cứ những ý tưởng nào của quý vị để hướng đến sự hoàn mỹ của những tác phẩm nghệ thuật và cuộc sống.

Chúng tôi rất mong được cùng quý vị hướng đến những tác phẩm hoàn mỹ.

Hết sức trân trọng quý vị trên từng đường nét nhỏ nhất của tác phẩm.

CÔNG TY MỸ THUẬT XÂY DỰNG

ZENT ART

Trại sáng tác mỹ thuật

64 đường 27 Hiệp Bình Chánh,
Q.Thủ Đức, TP.HCM
0909 319882 (Hoàng Đức Diên)
Web: *www.zenart.com.vn*
Email: *mythuatzen@gmail.com*
Facebook: *mythuat.zen@facebook.com*

Không có việc gì khó nếu bạn thật sự tâm huyết.